

Jean-Noël Bezançon

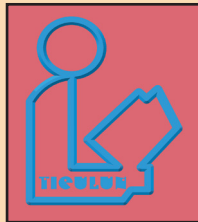
CHÚA GIÊSU KITÔ

*Petite
encyclopédie
moderne
du
christianisme*

DESCLÉE DE BROUWER

CHÚA GIÊSU KITÔ

JEAN-FRANÇOIS BEZANÇON



MỤC LỤC

1. Chúng ta có chắc chắn rằng Người đã hiện hữu ?	5
2. Chúa Giêsu và Do Thái	21
3. Chúa Giê-su và cha mẹ Người	36
4. Cử chỉ nói lên điều gì đó	49
5. Những từ ngữ hồi sinh	62
6. Sự từ chối, phiên tòa xét xử và cái chết của Người	73
7. Đã Phục sinh và sống lại	89
8. Chúa Giê-su nói về Thiên Chúa	98
9. Chúa Giê-su là Thiên Chúa	107
10. Những người đã theo Người	121
11. Những tên người ta gọi Người	132
12. Vẫn còn chờ đợi Người ngày hôm nay ?	148

1. Chúng ta có chắc chắn rằng Người đã hiện hữu ?

Không con phố nào được đặt theo tên Người. Nhưng mọi người đều biết hình dáng và khuôn mặt của Chúa Giêsu. Ít nhất là ở phương Tây. Qua bộ râu và mái tóc dài, qua chiếc áo choàng, chúng ta nhận ra Người qua một bức tượng, một cửa sổ kính màu, một biểu tượng.

Trong phối hợp các hệ tư tưởng

Rõ ràng, nhất là những Kitô hữu nói về Người, vì Người là người sáng lập ra đạo Thiên Chúa. Nhưng nó là một phần di sản của nhân loại. Hàng triệu con người, có lẽ không biết, đã đếm số năm từ ngày Người sinh ra. Ai có thể chắc chắn rằng họ không bị Người ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào ? «Hãy trả lại cho Caesar những gì của Caesar» hoặc «Không ai là tiên tri ở quê hương mình» là một trong những câu thành ngữ của chúng ta ; Chúng bắt nguồn từ Tin Mừng.

Hình ảnh lâu đời nhất

Hình ảnh lâu đời nhất về Chúa Giêsu mà chúng ta có được là bức tranh tường trong hầm mộ của Thánh Priscilla ở Rô-ma (thế kỷ 11). Trong «capella graeca», cùng với các bức tranh Kitô giáo khác, Chúa Giêsu được miêu tả trước ngôi mộ của La-da-rô. Người có vẻ ngoài trẻ, không có râu, tóc ngắn và mắt to.

Ngày nay, vệ tinh truyền thông mang đến cho chúng ta những ý tưởng và hình ảnh từ khắp nơi trên thế giới. Trên hành tinh của chúng ta, nơi đã trở thành một siêu thị khổng lồ, nơi mọi hệ tư tưởng được trình bày cùng một lúc, đôi khi chúng hòa trộn vào nhau. Vì vậy, nhiều yếu tố có nguồn gốc Kitô giáo, do đó gắn liền với Chúa Giêsu, được tìm thấy bên ngoài chính Kitô giáo, được chuyển dịch, đôi khi bị bóp méo, thường bị cắt đứt khỏi bất kỳ tham chiếu tôn giáo nào : một ý tưởng nhất định về phẩm giá của mỗi người và số phận độc nhất của họ, sự khẳng định rằng tất cả mọi người đều là anh em và rằng nhân loại được hợp nhất trong sự cứu rỗi cũng như trong sự diệt vong của mình, một đạo đức liên kết khổ hạnh cá nhân với ưu tiên cho những người bị tước đoạt nhất, trực giác rằng lịch sử có ý nghĩa... Đồng thời, những người theo Chúa Giêsu này, bản thân họ cũng

chịu đủ mọi loại ảnh hưởng xa lạ với truyền thống của họ. Họ có tiếp quản mọi thứ mà họ cho là phù hợp với Tin Mừng của họ hay họ tự tiếp quản chính mình ? Trong mọi trường hợp, họ cảm thấy cần phải xác định lại tính nguyên bản, bản sắc của mình, bắt đầu từ chính Chúa Giêsu.

Đây chính là cách câu hỏi về Chúa Giêsu nảy sinh ngày nay. Một Chúa Giêsu mà các Kitô hữu không sở hữu, nhưng họ không muốn nhân cách của Người bị pha loãng, như thể mỗi người có thể tùy ý, bằng cách giữ lại những phần giáo lý của Người, ẩn náu dưới tên Người, như thể dưới một loại lá cờ tiện lợi, những hệ tư tưởng không liên quan gì đến những gì người đó đã trải qua.

Do đó, việc trở về với chính Chúa Giêsu, với tính cách và bản chất của Người, là điều quan trọng. Với câu hỏi đầu tiên này : liệu Chúa Giêsu có thực sự là người khởi nguồn của truyền thống Kitô giáo hay những người theo đạo Kitô đã phát minh ra Chúa Giêsu ? Ngoài những lời giải thích hoặc «đọc lại» mà các môn đệ muốn đưa ra về Người, chúng ta có chắc chắn rằng Người thực sự tồn tại không ?

Một huyền thoại bổ ích ?

Trong hồi ký của mình, Tướng Bertrand kể lại rằng tại Saint Helena, Napoleon đã tâm sự với ông rằng theo quan điểm của ông, Chúa Giêsu chưa bao giờ tồn tại. Napoleon, tất nhiên là với điều kiện là bản thân ông phải có thực sự tồn tại, liệu ông ấy có phải là người duy nhất đặt ra câu hỏi này không ?

Vào thời cổ đại, không một đối thủ nào của Kitô giáo từng nghi ngờ sự tồn tại trong lịch sử của Chúa Giêsu. Người Do Thái, những người coi nhóm Kitô hữu là một giáo phái đã đi chệch khỏi Do Thái giáo truyền thống, không bao giờ phủ nhận rằng cuộc xung đột này bắt nguồn từ chính Chúa Giêsu. Phải đến thế kỷ 18 và 19, người ta mới đưa ra giả thuyết rằng cuộc đời của Chúa Giêsu có thể là một câu chuyện đẹp mà không có cơ sở lịch sử. Thật kỳ lạ, giả thuyết này không đến từ các nhà sử học mà từ các nhà triết học, những người coi Chúa Giêsu là một huyền thoại bổ ích, một quan điểm khai sáng về con người và lịch sử của con người. Đối với họ, việc Chúa Giêsu có tồn tại hay không, và liệu những câu chuyện về cuộc đời Người có tương ứng với những sự kiện thực sự đã xảy ra hay không, cũng chẳng quan trọng ; điều cốt yếu đối với họ là triết lý và nghệ thuật sống mà chúng ta có thể rút ra cho chính mình.

Vì vậy, đối với Emmanuel Kant, một triết gia người Đức viết vào thời kỳ Cách mạng Pháp, Chúa Giêsu, như được trình bày trong Tin Mừng, là một hình mẫu lý tưởng của nhân loại, một hình mẫu về những gì chúng ta phải sống, theo những đòi hỏi của lý trí và đạo đức. Cả những tham chiếu tôn giáo của Tin Mừng, mọi thứ liên quan đến sự hiện diện của Thiên Chúa, cũng như câu hỏi về sự tồn tại lịch sử của Chúa Giêsu, của các sự kiện thực sự diễn ra liên tiếp theo thời gian không thực sự gây hứng thú cho nhà triết học. Chúa Giêsu là một ý tưởng thú vị, sự tồn tại của Người không mang lại lợi ích gì. Suy nghĩ của Napoleon chắc chắn gắn với dòng tư tưởng này.

Những người phản đối Kitô giáo hiện đại đôi khi cũng đưa ra giả thuyết tương tự. Lần này, Chúa Giêsu không phải là một ý tưởng màu mỡ, mà là một lý thuyết nguy hiểm, hoặc mang tính cách mạng, hoặc phản động, tùy theo trường hợp. Và để nhỏ tận gốc Kitô giáo, chúng ta phủ nhận sự tồn tại lịch sử của người sáng lập ra nó. Ở đây, các câu chuyện Tin Mừng cũng được xem như bản dịch dưới dạng truyện kể, dành cho những người bình thường, về một tập hợp các ý tưởng và hành vi mà người ta muốn truyền đạt cho họ. Lời giải thích này vẫn còn được nghe gần đây tại một số bảo tàng chống tôn giáo ở Leningrad.

Nhà sử học đối mặt với Chúa Giêsu

Và nhà sử học, dù có tin hay không, có thể nói gì về Chúa Giêsu ? Tất nhiên, ông chủ yếu có các nguồn tài liệu Kitô giáo, các tác phẩm của những cộng đồng đầu tiên: đầu tiên là các Tin Mừng - đây là bốn bản tường thuật về cuộc đời của Chúa Giêsu, một phần độc lập với nhau, sau đó là Công Vụ Tông đồ, kể lại những năm đầu tiên Kitô giáo mở rộng, và cuối cùng là một số lượng nhất định các lá thư được trao đổi giữa các cộng đồng. Nhà sử học phải phê phán những tài liệu này, trong đó không nhất thiết mọi thứ đều liên quan đến chính Chúa Giêsu : các môn đệ của Người không che giấu sự thật rằng họ đã nhận được không phải những ký ức chết, mà là một truyền thống sống động, mà chính họ đã làm phong phú thêm bằng lòng trung thành với tinh thần của Chúa Giêsu. Nhưng sẽ là một quan niệm quá hạn hẹp về lịch sử nếu bác bỏ tất cả những tài liệu này cùng một lúc, với lý do là chúng thiên vị một bên. Không có tài liệu trung lập nào, như thể tinh khiết về mặt hóa học theo bất kỳ cách giải thích nào.

Những sự thật về Socrates, không ai nghi ngờ, lại được chứng thực ít hơn những sự thật về Chúa Giêsu.

Jean Jacques Rousseau.

Đặc biệt hơn nữa khi các tài liệu của Kitô giáo xác nhận những gì chúng ta biết ở nơi khác về tình hình lịch sử ở Palestine vào thời điểm đó : địa phương, biên giới, người nắm quyền, các phe phái đối địch, lối sống, thuế má... Lời chứng của họ do đó có được một độ tin cậy nhất định. Vì vậy, những khám phá khảo cổ học gần đây đã có thể xác nhận các tường thuật của Tin Mừng về địa điểm của hồ Bezatha, hoặc tại địa điểm của Golgotha, bên ngoài ngưỡng cửa cổ xưa của Giê-ru-sa-lem. Hoặc một tấm bia đá khác được phát hiện có khắc tên Pontius Pilate.

Trong văn học phi Kitô giáo

Nhưng sẽ không chính xác nếu nói rằng các tài liệu phi Kitô giáo hoàn toàn im lặng về Chúa. Chắc chắn là có ít tài liệu, nhưng vẫn nhiều hơn nhiều so với hầu hết những người cùng thời với ông: những ám chỉ không đủ để tạo nên một tài liệu lịch sử, nhưng ở đây cũng có thể hỗ trợ và xác nhận các truyền thống có nguồn gốc từ Kitô giáo.

Vì vậy, trong văn học La-tinh, một *lá thư của Pliny* (số 96) : quan tổng đốc ở Bithynia, ông đã gửi, vào khoảng năm 110, một báo cáo cho hoàng đế Trajan về hoạt động của những người Kitô hữu. Ông đặc biệt lưu ý rằng những người này tụ tập «vào một ngày nào đó

trước bình minh và hát thánh ca tôn vinh Chúa Kitô như thể Người là một vị thần». Lời chứng này liên quan trực tiếp đến phụng vụ Kitô giáo hơn là cuộc đời của Chúa Giêsu, nhưng viên chức tận tâm này đã ngay lập tức nhận ra bản chất thái độ của những người theo đạo Kitô đối với Chúa Kitô.

Tương tự như vậy, Tacitus, vào khoảng năm 115, trong Biên niên sử của mình (XV, 44), kể lại các cuộc đàn áp được ra lệnh chống lại những Kitô hữu của Nê-rô, vào năm 64, sau vụ hỏa hoạn ở Rô-ma, đã đưa ra lời giải thích sau : «Cái tên này đến với họ từ Chúa Kitô, người đã bị hành quyết dưới triều đại của Tiberius, bởi viên quan tổng đốc Pontius Pilate.» Đối với nhà sử học La Mã, vụ hành quyết này không phải là một tin đồn hay một truyền thống được truyền lại một cách ngoan đạo. Đây là một sự kiện lịch sử.

Hoặc một lần nữa, một sự ám chỉ đơn giản trong một đoạn trích từ cuộc đời của hoàng đế Claudius, của *Suetonius (khoảng năm 120)* : ông đề cập đến việc trục xuất người Do Thái khỏi Rô-ma, khi họ gây ra sự nhiễu loạn lớn ở đó dưới ảnh hưởng của Chrestos. Tất nhiên là một sự bất hợp lý về mặt thời gian, nhưng có mối liên hệ giữa một giáo phái Do Thái bất ổn và Chúa Kitô, người sáng lập ra giáo phái này. Tương tự như vậy, có

một lá thư của Hadrian, hoặc một đoạn văn của Lucian, chế giễu «Nhà ngụ biện bị đóng đinh».

Trong văn học Do Thái, chúng ta tìm thấy trong Talmud, có đề cập đến vụ hành quyết Chúa Giêsu : «Vào đêm trước Lễ Vượt Qua, Chúa Giêsu đã bị treo cổ.» Và trên hết là những đoạn văn quan trọng từ *Cổ vật Do Thái của nhà sử học Flavius Josephus*. Một trong những văn bản này thậm chí còn rất rõ ràng và ca ngợi Chúa Giêsu, «người thông thái», đến mức một số người nghi ngờ tính xác thực của nó : liệu nó có thể được một người theo đạo Thiên Chúa biên soạn lại không ? Văn bản thứ hai không có gì phải bàn cãi : nó kể về vụ hành quyết Gia-cô-bê, người anh em của Chúa Giêsu, xác nhận về điểm này truyền thống của Công Cụ Tông đồ.

Tất cả những ám chỉ về Chúa Giêsu trong các tác giả không phải là người Kitô hữu không cho chúng ta biết điều gì mới mẻ về Người, không có điều gì mới mẻ, theo cách phát triển hơn nhiều, đã có trong các tài liệu của đạo Thiên Chúa. Nhưng sự hội tụ của chúng rất có ý nghĩa : nó cho thấy ít nhất là vào thời xa xưa nhất, không ai từng nghi ngờ sự tồn tại trong lịch sử của Chúa Giêsu, ngay cả trong số những người chống lại ảnh hưởng của Người.

Điểm đồng thuận

Ngày nay, thật thú vị khi đọc những gì các nhà sử học Do Thái, hay những người theo chủ nghĩa Marx, nói về Chúa Giêsu. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng một số điểm nhất định là chủ đề được nhiều nhà sử học, dù là người theo đạo Thiên Chúa hay không, đồng tình. Đầu tiên là việc lên án Chúa Giêsu và cái chết của Người trên thập tự giá, được Tacitus và Talmud xác nhận, và quá tai tiếng để có thể do cộng đồng các tông đồ bịa đặt ra. Tương tự như vậy, nguồn gốc Galilê của Người, từ Nazareth, trong một vùng nửa ngoại giáo, là một trở ngại đối với Người. Sự kiện Chúa Giêsu đã theo Gioan Tẩy Giả một thời gian, và thậm chí được ông làm phép rửa tại sông Jordan, là một ký ức gây khó khăn cho các môn đệ của Chúa Giêsu, những người đã tham gia vào cuộc cạnh tranh với các môn đệ của Gioan Tẩy Giả. Có lẽ họ đã hạ thấp di sản này, nhưng họ đã không dám giữ

Hai người theo chủ nghĩa Marx trước Chúa Giêsu

Chúa Kitô coi con người là có giá trị tuyệt đối. Huyền thoại về một Thiên Chúa làm người, ý tưởng cơ bản này, đặc trưng nhất của Kitô giáo, là lớp vỏ huyền bí của lời khẳng định rằng mỗi con người đều có giá trị tuyệt đối.

L. Lombardo-Radice, *Marxisti di fronte a Gesù* (Những người theo chủ nghĩa Marx đối mặt với Chúa Giêsu), Brescia, Queriniana, 1976, tr. 8 và 9.

Đôi khi, một người theo chủ nghĩa Marx lại trải qua những tình huống mà họ thích chịu đựng sự bất công hơn là tham gia vào nó. Sau đó, ông tiến đến ngưỡng cửa nơi mà «bí ẩn» sâu sắc nhất của Tân Ước không còn xuất hiện với ông như một điều gì đó mang tính thần thoại nữa, mà là một thực tế cấp tiến hiện tại. Một người vô thần có thể coi trọng cuộc sống của mình và cam kết với phong trào mà mình yêu thích, mà không hề hoài nghi hay cân nhắc cơ hội để đưa cam kết này vào đúng góc nhìn. Người vô thần này sau đó có thể hiểu được một trong những khoảnh khắc vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại : khoảnh khắc mà Phê-rô phát hiện ra rằng Chúa Giêsu vẫn chiến thắng, mặc dù trên đồi Golgotha không có phép lạ ngoạn mục và khả huyền, cũng không phải «trải nghiệm của Deus ex machina», mà chỉ là cái chết đau đớn và rất thực trên cây thập tự.

L. Machovec,
Chúa Jesus cho người vô thần,
Desclée, 1978, tr. 37.

im lặng. Trong lời dạy của Chúa Giêsu, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra những nét tính cách, những cách diễn đạt nhất định, chẳng hạn như «Amen, amen, quả thật, quả thật, Ta bảo các ngươi», hoặc thậm chí một số nhận xét dường như hạ thấp tầm quan trọng của việc ăn chay, không phù hợp với tập tục của người Do Thái thời đó cũng như lối sống của những người theo đạo Thiên Chúa sau Người.

Như chúng ta có thể thấy, các nhà sử học dễ dàng sử dụng tiêu chí «khác biệt» : trong mọi điều được nói về Chúa Giêsu, họ chắc chắn gán cho Người những lời nói và hành vi không thể giải thích được bằng các phong tục Do Thái thời đó hoặc bằng những mối quan tâm của cộng đồng Kitô giáo sau Người. Mục đích của phương pháp này là đưa ra một số yếu tố chưa được chứng minh trong lịch sử. Nếu chúng ta bám vào một vài yếu tố này, loại bỏ toàn bộ truyền thống mà chúng gắn liền, thì nguy cơ sẽ là đưa ra một hình ảnh méo mó về Chúa Giêsu, xa rời cả nguồn gốc Do Thái của Người lẫn lối sống của những người tự nhận là tín đồ của Người.

Những người nói rằng Người vẫn sống

Còn sự phục sinh của Người thì sao ? Một nhà sử học không theo đạo Thiên Chúa không thể chấp nhận tuyên bố rằng Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết. Nếu không

Chúa Giêsu đối với người Hồi giáo

93 câu trong Kinh Coran nói về Chúa Giêsu, người được Thiên Chúa phái đến : sự ra đời kỳ diệu của Người, về Đức Trinh Nữ Maria, sứ mệnh của Người, một số phép lạ. Người Do Thái nghĩ rằng họ đã giết được Người, nhưng họ không biết rằng có một người khác cũng bị đóng đinh : Thiên Chúa đã nâng Chúa Giê-su lên với Ngài. Vì thế Người không được sống lại. Người Hồi giáo không công nhận thần tính của Chúa Giêsu, họ cho rằng điều này không phù hợp với tính duy nhất của Thiên Chúa. Nhưng họ nói với những Kitô hữu, «Dân tộc của Kinh sách» : «Thượng đế của chúng tôi và Thượng đế của các người là một, và chúng tôi phục tùng Người» (Surah Al-Aqsa 29.45).

thì ông đã là người Kitô hữu. Nhưng ông có thể thấy rằng, ngay sau khi Chúa Giêsu chết, một nhóm môn đệ đã nói rằng : «Người vẫn sống !» Nhà sử học Do Thái, David Flusser, đã nói như vậy trong cuốn sách của ông về Chúa Giêsu. Tác động của sự phục sinh của Chúa Giêsu đối với lịch sử của các nhà sử học là đức tin của cộng đồng. Vì vậy, ngay trong Công Vụ Tông đồ, chúng ta thấy một viên quan La Mã, Porcius Festus, quan tổng đốc của Giu-đa vào năm 60, đã báo cáo bằng những thuật ngữ này với Vua Agrippa II và em gái Berenice

của ông về cuộc xung đột giữa Phao-lô và các nhà chức trách Do Thái : «Họ chỉ có với ông ấy những cuộc cãi vã liên quan đến tôn giáo của riêng họ, và đặc biệt là với một Giêsu nào đó đã chết, nhưng Phao-lô vẫn tuyên bố Người vẫn sống» (Cv 25.19). Những viên chức La Mã này chắc chắn rất nhạy bén trong việc nhận ra bản chất của Kitô giáo từ bên ngoài. Điều mà một viên quan thời đó có thể nắm bắt được, và điều mà một sử gia hiện đại đi vào lĩnh vực điều tra, là cái chết của Chúa Giêsu và lời chứng của những người cho rằng Người còn sống.

Ngày tháng ?

Khi thảo luận về Chúa Giêsu, các nhà sử học có thể thống nhất về ngày tháng không ? Chúng ta biết rằng vào thế kỷ thứ 6, khi Dionysius the Small thiết lập cách tính năm kể từ ngày Chúa Giêsu ra đời, có lẽ ông đã nhầm lẫn khi tính vào năm 753 kể từ khi thành Rome được thành lập. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta có thể đưa ra một số giả thuyết khá có khả năng xảy ra. Ngày Chúa Giêsu bị đóng đinh được chấp nhận rộng rãi nhất là ngày 14 tháng Nisan, tức đêm trước ngày Sa-bát, theo Tin Mừng theo Thánh Gio-an, thứ Sáu, ngày 7 tháng 4 năm 30 sau Công nguyên. Tuy nhiên, một số người lại thích niên đại của các Tin Mừng khác và nói rằng ngày 27 tháng 4 năm 31 sau Công nguyên.

Thời điểm bắt đầu sứ vụ của Chúa Giêsu được Thánh Lu-ca ghi nhận vào năm 15 thời kỳ trị vì của Tiberius Caesar (Lc 3.1). Điều đó sẽ quay trở lại những năm 27-28. Ngày này cũng tương ứng với bốn mươi sáu năm xây dựng Đền thờ, được đề cập trong Ga 2.20. Như vậy, cuộc đời công khai của Chúa Giêsu kéo dài hai hoặc ba năm, tương ứng với ba lễ Phục sinh mà Gio-an đã đề cập.

Về ngày sinh của Chúa Giêsu, ngày tháng khó xác định chính xác hơn, Thánh Mát-thêu đặt ngày này ngay trước khi Herod Đại đế qua đời (người mất năm 4 TCN). Người ta thường đồng ý rằng năm 746 hoặc 747 là năm thành lập Rome, tức là 6 hoặc 7 năm trước Công nguyên. Lc (3.23) cho biết Chúa Giê-su khoảng ba mươi tuổi khi bắt đầu chức vụ của mình, điều này phù hợp với thời điểm này. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi chúng ta phải thừa nhận rằng cuộc điều tra dân số do Quirinius thực hiện vào thời điểm Chúa Giêsu ra đời (Lc 2.2) không phải là cuộc điều tra được chứng thực ở nơi khác trong năm thứ 6. Và chúng ta biết rằng ngày chính xác 25 tháng 12 được chọn vì lý do tượng trưng: mọi người muốn tổ chức lễ Giáng sinh vào thời điểm đông chí, thay vì lễ hội ngoại giáo «Mặt trời bắt khuất».

Truyền thống của các môn đệ

Vì thế, Chúa Giêsu không thể bị xóa khỏi lịch sử. Không ai ngày nay nghi ngờ nghiêm túc về sự tồn tại của nó, và các nhà sử học của mọi tín ngưỡng đều đồng ý về một số yếu tố quan trọng trong cuộc đời của Người. Điều này quan trọng đối với các môn đệ của Người, những người luôn từ chối coi Kitô giáo không gì hơn là một tập hợp các ý tưởng, học thuyết hay giới luật : đối với họ, trở thành Kitô hữu trước hết có nghĩa là đi theo một ai đó, chính Chúa Giêsu, Đức Kitô, người mà họ nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong lịch sử của chúng ta. Tương tự như vậy, những gì họ nói về Người sẽ luôn rộng hơn một vài điểm đồng thuận giữa các nhà sử học. Đây là điều mà họ gọi là truyền thống, vì nó đã được tìm thấy trong các tác phẩm Kitô giáo đầu tiên : Chúa Giêsu còn sống, nên khi nói về Người không chỉ là kể lại một quá khứ đã qua, mà còn là nói về cách mà cuộc sống của Người ngày nay đánh thức sự sống trong chúng ta.

2. Chúa Giêsu và Do Thái

Sinh ra là người Do Thái và chịu sự tra tấn của người La Mã : Chúa Giêsu là người Do Thái, sống trong một thế giới chịu sự thống trị của quyền lực La Mã. Do Thái là quê hương, là văn hóa, là lời cầu nguyện của Người ; La Mã là thời đại của Người. Và Giáo hội của các môn đệ Người sẽ nỗ lực hòa giải di sản kép này, Giê-ru-sa-lem và Rô-ma.

Con vua Đa-vít

Chúa Giêsu là người Do Thái. Mẹ của Người là người Do Thái. Việc phải viết ra là điều bất thường. Nhưng những người Kitô hữu lại quá hiểu biết về sứ mệnh phổ quát của người sáng lập nên đôi khi họ từ bỏ Người. Biểu tượng học là dấu hiệu của điều này : mỗi thời đại, mỗi dân tộc, đã mang đến cho Chúa Kitô những nét đặc trưng và màu sắc riêng. Tóc vàng và hồng ở Paris, tóc đen ở Dakar, đứa trẻ trong máng cỏ hiếm khi có dáng người Địa Trung Hải. Ngay cả bộ phim *Giêsu thành Nazareth* của Zefirelli, bộ phim cho chúng ta thấy những tông đồ da ngăm đen, cũng cho chúng ta thấy một Chúa Giêsu trẻ tuổi với khuôn mặt của người Scandinavia. Cũng có thể là chủ nghĩa bài Do Thái, vốn đã làm ô uế lương tâm của người Kitô hữu trong thời gian dài, đã

góp phần che giấu danh tính Do Thái của Chúa Giêsu.

Tên của Người là Giêsu, được truyền lại cho chúng ta qua các sách Tin Mừng, được viết bằng tiếng Hy Lạp. Trong tiếng Do Thái, tên của Người thể hiện ơn gọi, sứ mệnh của Người : Jeshua, nghĩa là Thiên Chúa cứu độ. Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu nhấn mạnh rằng tên này được Giu-se đặt cho Người (1.21). Theo truyền thống Do Thái, trên thực tế, sứ giả được Thiên Chúa mong đợi, Đấng Messiah (mashiah trong tiếng Do Thái, christos trong tiếng Hy Lạp) phải là hậu duệ của Vua Đa-vít. Bây giờ Giu-se là «con vua Đa-vít» (Mt 1.20, và hai gia phả của Chúa Giêsu trong Mát-thêu và Lu-ca). Để đưa Người vào dòng dõi này, do đó, điều cần thiết là Giu-se, mặc dù không phải là cha của Người theo xác thịt, phải thực hiện hành vi làm cha hợp pháp này đối với con trai của Maria bằng cách đặt tên cho Người. Vì thế, Chúa Giêsu, Con vua Đa-vít, Chúa Giêsu Messiah, Chúa Giêsu Kitô, có thể được nhận biết.

Hai gia phả của Chúa Giêsu (Mt 1.1-17 và Lc 3.23-38) mang tính sơ lược hơn là đầy đủ. Làm sao có thể như vậy được nếu chúng ta muốn quay trở lại thời Abraham, hay thậm chí thời Adam ? Nhưng gia phả nói theo cách riêng mình, Chúa Giêsu đã bén rễ vào niềm hy vọng của một dân tộc, và xa hơn thế nữa, vào lịch sử nhân loại.

Một người Do Thái ngày nay : Giêsu, người anh em của tôi

Từ khi còn trẻ, tôi đã coi Giêsu là người anh em của mình. Đối với tôi, việc Kitô giáo coi Người và vẫn coi Người là Chúa và Đấng Cứu thế luôn xuất hiện như một sự thật có tầm quan trọng cao nhất, nhằm mục đích hiểu theo cả quan điểm của riêng tôi và trong mối quan hệ với những người Kitô hữu... Ngày nay, hơn bao giờ hết, tôi tin rằng Người chiếm một vị trí to lớn trong lịch sử đức tin của Do Thái và không có phạm trù thông thường nào có thể giải thích được điều đó.

Martin Buber.

Được trích dẫn trong Schalom Ben Chorin,
Giêsu người anh em của tôi, Le Seuil, 1983, tr. 11
và 12.

Gia phả nói về nguồn gốc và sự đoàn kết của Chúa Giêsu.

Chúa Giêsu sinh ra ở đâu ? Không phải ở Giê-ru-sa-lem, thành phố hoàng gia của Đa-vít, như người ta vẫn mong đợi, mà là ở Bethlehem, một thị trấn nhỏ ở Judea. Đây là nơi mà ngôn sứ Sa-mu-en đã từng đến để tìm chàng chăn cừu trẻ tuổi Đa-vít để tôn chàng lên làm vua. Thánh Mát-thêu thấy trong điều này sự ứng

nghiệm lời loan báo của tiên tri Micah : «Phần người, hỡi Bê-lem Ép-ra-tha, người nhỏ bé nhất trong các thị tộc Giu-đa, từ nơi người, Ta sẽ cho xuất hiện một vị có sứ mạng thống lãnh Ít-ra-en» (Mk 5.1). Theo lời chứng của Lu-ca, thậm chí phải có hoàn cảnh đặc biệt như cuộc điều tra dân số của người La Mã thì Mẹ của Chúa Giêsu mới được đưa đến «thành Đa-vít» để sinh con.

Người thợ mộc thành Nazareth

Trên thực tế, quê hương thực sự của Chúa Giêsu là Galilê, ngôi làng Nazareth, thậm chí còn mơ hồ hơn : «Có điều gì tốt ra từ Nazareth được sao ?», Nathanael sẽ hỏi khi được kể về Chúa Giêsu (Ga 1.46). Chúa Giêsu luôn được coi là người Galilê, người Nazareth, ngay cả đến dấu hiệu trên cây thánh giá (Ga 19.19). Có lẽ Người còn có giọng nói đặc sệt của những người nông dân Galilê, điều này khiến cho Phê-rô dễ dàng bị nhận ra tại Giê-ru-sa-lem trong sân của thầy tế lễ thượng phẩm trong phiên tòa.

Những người đến gần Chúa Giêsu gọi Người là *Rabbi*, nghĩa là «Thầy». Lúc đầu, Người được coi là một giáo viên, mặc dù Người không học với các kinh sư và tiền sĩ luật. Là thợ mộc, con trai của người thợ mộc, Người là một phần của nhóm nghệ nhân nhỏ, người bảo vệ trí tuệ phổ biến ở Do Thái. Làm việc bằng tay giúp giải

phóng tâm trí họ. Và trong xưởng nơi mọi người đến để trò chuyện, ngôn ngữ cũng trở nên khéo léo như các ngón tay để điều chỉnh mọi thứ. «Phải chăng giữa chúng ta có người thợ mộc, con trai của người thợ mộc, để trả lời câu hỏi này ?», người ta vẫn thường hỏi.

Shema Yisrael... Hãy lắng nghe Israel

Hãy lắng nghe, Israel ! Chúa là Thiên Chúa của chúng ta là Thiên Chúa duy nhất. Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực mà yêu mến Thiên Chúa, là Thiên Chúa của người. Những lời trong các điều răn mà Ta truyền cho người hôm nay phải ở trong lòng người; người sẽ lặp lại chúng cho con trai người ; người sẽ nói với họ khi người ở nhà và khi người đi trên đường, khi người nằm xuống và khi người đứng dậy ; người phải làm một dấu trên tay mình, một dấu giữa hai mắt mình; người phải viết chúng trên khung cửa nhà người và ở lối vào thành người.

Đnl 6.4-9.

(Shema Yisrael là lời tuyên xưng đức tin truyền thống của người Do Thái, cũng là lời cầu nguyện của Chúa Giêsu.)

Xa rời dân chúng của Đền Thờ

Vào thời Chúa Giêsu, Do Thái giáo ở Palestine bao gồm nhiều dòng khác nhau, đôi khi đối đầu nhau. Không phải tất cả họ đều coi trọng Đền thờ mà Herod đang xây dựng lại, và họ không đồng ý về thái độ đối với kẻ chiếm đóng La Mã. Khi gặp phải những luồng tư tưởng khác nhau này, Chúa Giêsu thường phải đặt mình vào mối quan hệ với họ.

Những người gần Đền thờ nhất cũng là những người chịu sự quản lý chặt chẽ nhất của chính quyền do Rô-ma thiết lập. Xung quanh Herod, có cả một tầng lớp quý tộc gồm các thầy tế lễ thượng phẩm và những người nổi tiếng, gọi là «trưởng lão». Để duy trì tín ngưỡng Đền thờ, họ sẵn sàng nhượng bộ nhiều thứ với chế độ ngoại giáo. Có lẽ cũng vì lo ngại việc bảo vệ quyền lợi của họ. Họ cách xa hàng trăm dặm so với những cuộc phiêu lưu và sáng kiến của một giáo sĩ Do Thái ở Galilê. Chúa Giêsu chỉ gặp họ trong phiên tòa xét xử Ngài, trước hội đồng lớn, Tòa Công Luận, mà họ kiểm soát. Khi những lời tường thuật về thời thơ ấu của Chúa Giêsu đề cập đến xung đột với Herod, chúng đã chứng minh sự xung đột và không tương thích giữa Chúa Giêsu và Do Thái giáo quá tự mãn này.

Chống lại sự giả hình của người Phariseu

Các sách Tin Mừng cho chúng ta biết nhiều hơn về những người Phariseu : nhiều cuộc tranh luận của họ với Chúa Giêsu cho thấy họ thường ở trên cùng một lập trường. Họ là những người đàn ông trung thành, ngoan đạo và nghịch lý thay, họ là những người mới lạ. Họ là những người thừa kế của một truyền thống tâm linh hơn, *Hasidim*, những người «sùng đạo», quan tâm đến việc khắc ghi lòng trung thành với Lễ Luật của Thiên Chúa vào những hành động nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày. Nếu họ muốn «tách biệt» (Phariseu có nghĩa là «tách biệt»), thì đó là vì họ muốn tránh sự thỏa hiệp. Họ tôn trọng Đền thờ, nhưng coi trọng việc đọc và chú giải Kinh thánh như thường làm trong các buổi họp của hội đường Do Thái. Ở đất nước họ, người thông luật và tiến sĩ luật có xu hướng thay thế vị trí của tư tế.

Họ thường tìm cách chỉ trích Chúa Giêsu trong cách diễn giải một văn bản. Và Chúa Giêsu, thực hành đến mức hoàn hảo chiến thuật của các giáo sĩ Do Thái là luôn trả lời một câu hỏi bằng một câu hỏi khác, sẽ từ chối để mình bị giới hạn trong những sự tinh tế nguy hiểm của những người này, những kẻ, với lý do tôn trọng Lễ Luật, cuối cùng lại đặt lên lưng người khác những gánh nặng mà chính họ từ chối mang (người ta có thể

đọc những lời chỉ trích của Chúa Giêsu đối với những người Pharisiê trong Mt 23). «Hãy làm những gì họ bảo các con, nhưng đừng làm những gì họ làm...» Chúa Giêsu sẽ nói. Một số môn đệ của Chúa Giêsu, và sau này là chính Phao-lô, sẽ xuất thân từ những người nghiêm khắc nhưng tâm linh sâu sắc này. Và những người Kitô hữu sẽ thừa hưởng niềm tin của họ vào sự phục sinh của người chết và các sinh vật tâm linh, những đổi mới khiến những người nổi tiếng trong Đền thờ bật cười.

Không trốn chạy vào sa mạc...

Một số người đã đẩy khoảng cách này xa hơn nữa khỏi Do Thái giáo của những người có thẩm quyền tại địa phương, bị ô nhiễm trong mắt họ, đến mức muốn ly khai. Lời chứng cổ xưa của các nhà sử học Do Thái, cũng như những khám phá khảo cổ học ở Qumran ¹, cho chúng ta biết về một giáo phái, Essenes, những người đã rút lui vào sa mạc trong các tu viện, vì mục đích phòng ngừa về mặt tinh thần. Họ cũng sống trong sự tôn trọng nghiêm ngặt đối với từng chữ của Lê Luật, gánh nặng của các quy định và kỷ luật, chuẩn bị bằng việc ăn chay và cầu nguyện cho cuộc chiến mà «con cái

1 Trong các hang động Qumran trên bờ Biển Chết, người ta đã phát hiện ra những bản thảo chứng minh cho tư tưởng và lối sống của một cộng đồng Do Thái từng sống ở đó vào khoảng thời gian của kỷ nguyên Kitô giáo.

của sự sáng», «cộng đồng Giao ước», sẽ phải tiến hành chống lại «con cái của bóng tối». Một số biểu hiện của họ được tìm thấy trong lời rao giảng của Chúa Giêsu, trong cuộc chiến của chính Người vì Ánh sáng. Phép loại suy từ vụng đơn giản ? Trong mọi trường hợp, Chúa Giêsu không chia sẻ sự hẹp hòi của họ trong việc giải thích nghĩa vụ giữ ngày Sa-bát. Và trong sự mong đợi về những ngày cuối cùng, Người sẽ không bao giờ bằng lòng với mong muốn tập hợp một nhóm nhỏ tín đồ trung thành, được che chở khỏi những cơn bão tố của thế gian. Chính bằng cách tuyên bố lòng thương xót phổ quát của Chúa Cha và chấp nhận mọi người, dù họ có tội lỗi đến đâu, mà Chúa Giêsu sẽ làm cho tất cả các tông đồ của cuộc thánh chiến này phải phấn nộ.

... và cuộc thánh chiến

Một cuộc thánh chiến mà một số người thậm chí còn cân nhắc đến việc tiến hành bằng vũ khí của thế giới này. Đảng của những kẻ cuồng tín, trong thế giới mà chính trị và tôn giáo gắn bó chặt chẽ với nhau, lãnh đạo với vũ khí trên tay, đấu tranh giải phóng những người thánh thiện. Một phong trào mang tính tiên tri và cứu thế, dường như không huy động được đám đông, nhưng lại mang đến niềm hy vọng lan tỏa trong quần chúng. Một cơn sốt nhất định được duy trì xung quanh một

số nhà lãnh đạo, lần lượt bị loại bỏ. Tất nhiên là chính quyền lo lắng về điều đó. Ngay cả khi Chúa Giêsu có vẻ rất xa lạ với khẩu hiệu và phương pháp của họ, nỗi sợ hãi mà họ khơi dậy có thể giải thích cho phiên tòa chính trị mà họ muốn thực hiện với Người : bằng một sự kết hợp khéo léo, mục đích của Giêsu đã bị đồng hóa với những kẻ đã tấn công ngày Sa-bát, Đền thờ và Caesar. Nhưng có lẽ Chúa Giêsu đã làm những kẻ cuồng tín này thất vọng. Đây cũng có thể là một trong những lý do khiến một trong những môn đệ của Người, Judas Iscariot (Sicarius, kẻ mang dao găm ?) phản bội Người.

Đi theo Gio-an, Tẩy Giả

Nếu Chúa Giêsu đi sau bất kỳ ai, thì sẽ đi sau Gio-an, còn được gọi là Tẩy Giả. Chính Chúa Giêsu đã tôn kính người mà Người coi là «hơn cả một đấng ngôn sứ», «là người vĩ đại nhất trong số những người con của người phụ nữ» (Mt 11.9 và 11). Bản thân Người mong muốn được chịu phép rửa tội, và bài giảng đầu tiên của Người rất gần với những gì Gioan Tẩy Giả đã công bố (so sánh với Mt 3.2 và 4.17). Nhiều đến nỗi các môn đệ của Chúa Giêsu dường như cảm thấy khó chịu vì mối quan hệ tâm linh này : kể từ đó, xung đột đã nảy sinh giữa hai cộng đồng, trở thành đối thủ cạnh tranh (Ga 3.26 ; Cv 19.3). Trên thực tế, lời chứng của Gio-an cũng báo

trước thời kỳ tận thế, Vương quốc Thiên Chúa sắp đến và sự cấp thiết của việc hoán cải. Lễ rửa tội của ông không chỉ đơn thuần là một nghi lễ thanh tẩy giống như nghi lễ ngoại giáo hay nghi lễ tẩy rửa ở Qumrân. Nó thể hiện sự hoán cải của trái tim và quyết định, một lần và mãi mãi, để sống từ bây giờ như thể thế giới sẽ đến đã ở đây rồi, để ông có thể được bảo vệ khỏi cơn thịnh nộ của thế giới tương lai. Ngay cả khi vị thẩm phán mà Gio-an công bố không phù hợp với hình ảnh mà Chúa Giêsu tự mô tả, thì các Kitô hữu vẫn thấy rõ rằng việc bắt giữ và hành quyết Gio-an báo trước cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu : ở đó, Người cũng là «Đấng Tiền Hô».

Gãy đổ hay thành tựu ?

Thật là vô ích khi gán ghép hành vi và lời dạy của Chúa Giêsu cho một trong những dòng chảy đã chia rẽ Do Thái giáo thời đó. Người biết họ, Người mượn cách diễn đạt và niềm tin từ họ, và chắc chắn Người cũng mượn cả các môn đệ của họ. Nhưng thực ra Người không đồng cảm với bất kỳ ai trong số họ. Thay vào đó, cộng đồng Kitô giáo sẽ xuất hiện như một luồng gió mới, mới lạ đến mức bị Do Thái giáo chính thức từ chối vì lo sợ mất đi bản sắc của mình. «Các người sẽ bị đuổi khỏi các hội đường,» Chúa Giê-su đã tuyên bố (Ga 16.2). Đến cuối thế kỷ thứ nhất, thỏa thuận này đã

được hoàn tất. Thật không thể chịu đựng được khi Chúa Giêsu muốn phá vỡ ranh giới của dân Chúa, nhưng trên hết, Người đã tiết lộ một khuôn mặt hoàn toàn đáng kinh ngạc của Thiên Chúa.

Phao-lô, đoàn kết với tội nguồn của mình

Trong Đấng Kitô, tôi nói sự thật, tôi không nói dối, lương tâm tôi làm chứng cho tôi trong Thánh Linh : tôi buồn rầu rất nhiều và đau đớn không ngừng trong lòng. Vâng, tôi ước gì mình bị nguyên rửa, bị tách lìa khỏi Đức Kitô vì anh em tôi, là dòng dõi của tôi theo xác thịt, là người Do Thái, là những người được nhận làm con nuôi, được vinh quang, có giao ước, lề luật, sự phục vụ, lời hứa và tổ phụ, từ đó, theo xác thịt, Đức Kitô đã ra đời, Người trên hết mọi sự, Thiên Chúa chúc tụng muôn đời. A-men.

Rm 9.1-5.

Tuy nhiên, những người Kitô hữu không muốn phá vỡ di sản của Do Thái. Đối với họ, nếu Chúa Giêsu không thuộc bất kỳ giáo phái Do Thái nào vào thời của Người thì Người càng không phải là người sáng lập ra một tôn

giáo mới. Họ thích nhấn mạnh rằng Người đã tiếp nhận và tóm tắt trong hành trình cá nhân của mình những giai đoạn lớn trong lịch sử của Do Thái : Người được gọi từ Ai Cập, giống như dân tộc trong cuộc Xuất Hành trong quá khứ (Mt 2.15). Người là người đã bị cám dỗ trong sa mạc, là người đã băng qua sông Jordan, như Joshua, là người đã ban Lễ Luật mới, trên núi, như Mô-sê. Nhưng nơi mà Do Thái vấp ngã và thất bại, thì ở đó có Chúa Giêsu, người Do Thái cuối cùng trung thành, dân tộc mà Thiên Chúa hài lòng, Con thật của vua Đa-vít, Người mà Thiên Chúa có thể thực sự nói : «Con là Con yêu dấu của Cha, Cha hài lòng về Con.» (Mc 1.11). Chúa Giêsu đến không phải để hủy bỏ, nhưng là để làm trọn, để hoàn tất đức tin của tổ phụ Người (Mt 5.17).

«Theo Kinh Thánh»

Đây là lý do tại sao các nhà viết Tin Mừng nhấn mạnh nhiều đến việc chứng minh rằng cuộc đời, cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu là sự ứng nghiệm của Kinh thánh Do Thái. Mọi điều Chúa Giê-su trải qua, mọi điều xảy ra với Ngài đều «theo Kinh thánh». Thánh Mát-thêu thường nhấn mạnh lời tường thuật của mình về thời thơ ấu hoặc cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu bằng câu nói này : «Và tất cả những gì các ngôn sứ đã viết về Con Người sẽ được hoàn tất». Và chính Chúa Giêsu đã

loan báo về việc bắt giữ, cái chết và sự phục sinh của Người như sau: «Này chúng ta lên Giê-ru-sa-lem, và tất cả những gì các ngôn sứ đã viết về Con Người sẽ được hoàn tất» (Lc 18.31).

Tuy nhiên, khi chúng ta tham khảo từng bản văn Cựu Ước được đề cập như vậy, mỗi liên hệ với cuộc đời của Chúa Giêsu thường có vẻ rất mong manh. Đôi khi thậm chí còn khó để xác định văn bản được nhắc đến (ví dụ, trong 1 Cr 15.4: «rồi Người đã được mai táng, và ngày thứ ba đã trỗi dậy, đúng như lời Kinh Thánh»).

Với các môn đệ, Chúa Giêsu mở Kinh Thánh

Bấy giờ, Đức Giê-su nói với hai ông rằng : «Các anh chẳng hiểu gì cả ! Lòng trí các anh thật là chậm tin vào lời các ngôn sứ ! Nào Đấng Ki-tô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao ?» Rồi bắt đầu từ ông Mô-sê và tất cả các ngôn sứ, Người giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Người trong tất cả Sách Thánh.

Lu-ca 24.25-27.

Điều này là do cộng đồng Kitô giáo ít quan tâm đến việc ủng hộ một cuộc trình bày theo yêu cầu của các nhà chú giải Kinh Thánh ngày nay mà chú trọng hơn đến việc trình bày Chúa Giêsu như là người thừa kế toàn bộ một truyền thống. Vì vậy, qua một câu thơ được trích dẫn thỉnh thoảng như vậy, chúng ta đang cố gắng tham chiếu đến cả một quyển sách và thậm chí là toàn bộ Kinh thánh : điều quan trọng là các môn đệ phải khẳng định rằng số phận có vẻ rất khó hiểu của Chúa Giêsu hoàn toàn phù hợp với logic trong kế hoạch của Thiên Chúa dành cho nhân loại, một kế hoạch mà chúng ta có thể nhận ra trong Kinh thánh, thông qua lịch sử của Do Thái.

Nhiều nhà triết học và sử gia Do Thái ngày nay vẫn quan tâm đến Chúa Giêsu. Một trong số họ, Robert Aron, thậm chí còn nhìn thấy ở Chúa Giêsu một giai đoạn mới trong lịch sử các giao ước mà Thiên Chúa đề xuất với nhân loại : «Sau những giao ước dành riêng cho một người hay một dân tộc, (Chúa Giêsu) đánh dấu một giao ước mở rộng ra toàn thể nhân loại.» Do đó, Chúa Giêsu sẽ là ngôn sứ của giao ước «Công giáo». Cuộc đối thoại giữa Chúa Giêsu và dân của Người tiếp tục như thế.

3. Chúa Giê-su và cha mẹ Người

«Ông ta không phải là bác thợ, con bà Ma-ri-a, và anh em của các ông Gia-cô-bê, Giô-xết, Giu-đa và Si-môn sao ? Chị em của ông không phải là bà con lối xóm với chúng ta sao ?» (Mc 6.3). Khi người dân Nazareth tò mò về những việc làm và hành động của Chúa Giêsu, về lời dạy của Người mà nguồn gốc không rõ ràng, họ tự trấn an mình bằng cách nói về mối quan hệ họ hàng của Người : dù Người có kỳ lạ đến đâu, Người cũng là một trong số chúng ta ; chúng ta biết gia đình Người. Và các tông đồ đầu tiên, trong Tin Mừng của mình, sẽ cẩn thận ghi chép những danh sách gia đình này, mà không cần biết quá nhiều về những người này. Có lẽ là anh em họ, theo nghĩa anh em trai của người phương Đông. Chúng ta chỉ biết về Gia-cô-bê, «anh em của Chúa», người chịu trách nhiệm cho cộng đồng đầu tiên ở Giê-ru-sa-lem và đã chết như một vị tử đạo vào năm 62. Chúng ta không biết gì về những «chị em» được đề cập ở đây. Nhưng trong những câu chuyện về cuộc đời của Chúa Giêsu, chúng ta nói như thế nhiều lần về gia đình Người. Với chúng ta, điều quan trọng là phải biết rằng chúng ta biết nguồn gốc của Người.

Mẹ Chúa Giêsu

Ngay từ buổi đầu của Kitô giáo, các cộng đồng Kitô giáo đã có lòng tôn kính đặc biệt đối với mẹ của Chúa Giêsu. Ngay khi các nhà thờ và vương cung thánh đường bắt đầu được xây dựng vào thế kỷ thứ 4, một số đã được dành riêng cho Mẹ. Người ta đã cầu nguyện với Mẹ. Một thánh ca Hy Lạp từ thế kỷ thứ 2 hoặc thứ 3 đã hát rằng : «Dưới sự che chở của lòng thương xót của Mẹ, chúng con ẩn náu, lạy Mẹ Thiên Chúa : xin đừng từ chối lời cầu nguyện của chúng con khi cần, nhưng hãy giải thoát chúng con khỏi nguy hiểm, Mẹ là Đấng duy nhất trong sạch và được chúc phúc.»

Trong số các nhà viết Tin Mừng, Thánh Lu-ca và Thánh Gio-an đặc biệt chú ý truyền đạt cho chúng ta những gì các nhân chứng đầu tiên biết về Đức Maria. Chẳng phải là Gio-an, môn đệ thân cận nhất của Chúa Giêsu, là người đã chào đón Maria sau khi Thầy qua đời, để bà trở thành người mẹ của tất cả mọi người sao ?

Maria đến từ Nazareth, miền Galilê, nơi Chúa Giêsu trải qua thời thơ ấu. Theo một truyền thống cổ xưa không được đề cập trong Tin Mừng, Maria có cha mẹ là Joachim và Anne. Luca nói rằng bà có họ hàng với Zacharias, thuộc dòng dõi tư tế. Đối với các môn đệ của Chúa Giêsu, ký ức về Đức Maria vẫn gắn liền với sự

ra đời, «ngày giáng sinh» của Chúa họ. Đối với họ, Mẹ vẫn là «Mẹ của Chúa Giêsu», «Mẹ của Thiên Chúa». Và những hình ảnh truyền thống nhất luôn thể hiện bà bế đứa con trên tay. Chỉ có Luca kể lại sự ra đời này của Chúa Giêsu, nơi mà mọi sự kỳ diệu về sự xuất hiện của Đấng Messia đã bị lu mờ bởi những gì báo trước sự từ chối và cái chết của Người : Người chỉ được một vài người chần chừ chào đón, Người đã bị Hêrôđê truy đuổi. Sinh ra bởi Đức Mẹ Maria, Chúa Giêsu không thoát khỏi những thăng trầm của thân phận con người. «Thiên Chúa đã sai Con Ngài, sinh bởi một người nữ và sống dưới Lễ Luật...» Phao-lô sẽ nói (Gl 4.4).

Nhưng đối với Maria, việc làm mẹ còn có ý nghĩa hơn nhiều so với việc sinh ra Chúa Giêsu. Hay đúng hơn, nó cũng nảy sinh trong đức tin và lời cầu nguyện của một người. Khi thụ thai Chúa Giêsu, Mẹ đã làm nhiều hơn là chỉ mang thai Người, Mẹ đã cho Người một thân xác. Hay đúng hơn là sinh ra Người trong đức tin và lời nguyện của mình. Nếu Chúa Giêsu là hoa trái đức tin của dân Do Thái, nếu Người là lời hứa của Thiên Chúa đến để hoàn thành niềm hy vọng của toàn thể dân tộc, thì điều đó nằm trong Đức Maria và qua Đức Maria. Maria là người Do Thái cuối cùng đã trung thành, người chào đón món quà tuyệt vời là lòng trung thành của Thiên Chúa.

Người cha và người mẹ đều vô cùng ngạc nhiên...

Hồi ấy ở Giê-ru-sa-lem, có một người tên là Si-mê-ôn. Ông là người công chính và sùng đạo, ông những mong chờ niềm an ủi của Ít-ra-en, và Thánh Thần hằng ngự trên ông. Ông đã được Thánh Thần linh báo cho biết là ông sẽ không thấy cái chết trước khi được thấy Đấng Ki-tô của Đức Chúa. Được Thần Khí thúc đẩy, ông lên Đền Thờ. Vào lúc cha mẹ Hài Nhi Giê-su đem con tới để chu toàn tập tục Luật đã truyền liên quan đến Người, thì ông ẵm lấy Hài Nhi trên tay, và chúc tụng Thiên Chúa rằng : «Muôn lạy Chúa, giờ đây theo lời Ngài đã hứa, xin để tôi tớ này được an bình ra đi. Vì chính mắt con được thấy ơn cứu độ Chúa đã dành sẵn cho muôn dân : Đó là ánh sáng soi đường cho dân ngoại, là vinh quang của Ít-ra-en Dân Ngài.» Người cha và người mẹ đều vô cùng ngạc nhiên vì những lời ông Si-mê-ôn nói về Người.

Lc 2.25-33.

Cha mẹ bối rối

Giống như tất cả những người mẹ thực sự, Đức Mẹ Maria không độc chiếm Chúa Giêsu. Bà không kìm hãm các dự án và thiên chức của Người. Bà chỉ có thể cho đi mà thôi. Kể cả khi điều đó thật đau đớn khi khiến

Người phải xa rời sự an toàn ấm áp của gia đình.

Các sách Tin Mừng thậm chí còn ghi lại những lời của Chúa Giêsu có vẻ khắc nghiệt với gia đình Người. Vì vậy, khi trong một cuộc họp công khai, Chúa Giêsu được thông báo rằng mẹ và anh em của Người đang tìm Người bên ngoài : «Ai là mẹ tôi và anh em tôi ?» Người trả lời. Rồi Người nhìn những người đang ngồi thành vòng tròn xung quanh mình và nói : «Đây là mẹ tôi và anh em tôi.» «Bất cứ ai thi hành ý muốn của Thiên Chúa, người ấy là anh chị em và là mẹ tôi» (Mc 3.31-35). Nếu Đức Maria là mẹ của Người, trước hết là vì bà là một phần trong nhóm những người thực hiện ý muốn của Thiên Chúa. Nếu anh em của ông thực sự là gia đình của Người, trước hết là vì họ đồng ý coi Người có cùng huyết thống với Thiên Chúa.

Những người xung quanh Người dường như không phải lúc nào cũng hiểu được sự lựa chọn này, và đôi khi xuất hiện một khoảng cách thực sự giữa Chúa Giêsu và dân Người. Vì vậy, khi những người thân của Người, lo lắng về lối sống của Người (Người quá no đến nỗi bỏ bữa), đến muốn bắt Người : Người không khỏe, họ nghĩ rằng, «Người không còn là chính mình nữa», «Người đã mất trí rồi» (Mc 3.21).

Thậm chí còn triệt để hơn nữa, đó là cách Chúa Giêsu tách mình khỏi mối quan hệ cha con với Thánh Giu-se. Những lời đầu tiên của Chúa Giêsu, được lưu giữ cho chúng ta trong Tin Mừng theo Thánh Lu-ca, những lời duy nhất chúng ta có về Chúa Giêsu khi còn nhỏ, gần như trái ngược cách khắc nghiệt về quyền làm cha của Thánh Giu-se, mà Mẹ Maria nhắc nhở Người, và cha đẻ là Thiên Chúa, mà Người tuyên bố. Chúa Giêsu đã mười hai tuổi, độ tuổi để đích thân xác nhận đức tin của dân Người. Và ở đó, Người đã tách khỏi gia đình, trong chuyến hành hương đến Giê-ru-sa-lem, để trò chuyện uyên bác với các học giả của Đền thờ. Phản ứng của mẹ Người, sau hai ngày tìm kiếm và đau khổ, là nhắc nhở Người về bổn phận gia đình : «Con ơi, sao con lại làm thế với chúng ta ? Nay, cha con và mẹ đang đau khổ tìm con.» Câu trả lời của Chúa Giêsu thật khó chịu, đòi hỏi một bổn phận khác và một dòng dõi khác : «Vậy tại sao các người lại tìm tôi ? Các người không biết rằng tôi phải ở nhà cha tôi sao ?» (Lc 2.49).

Không chút do dự, Đức Maria chỉ vào Thánh Giu-se và nói : «Cha của con và mẹ.» Tuy nhiên, trong ký ức của trái tim, Mẹ vẫn giữ ký ức về sự ra đời khác thường của Chúa Giêsu. Mẹ sẽ tâm sự với cộng đoàn đầu tiên. Đúng vậy, «điều đã được thụ thai trong Mẹ là bởi Chúa Thánh Thần» (Mt 1.20). Mẹ biết rằng người thực sự

là con của Mẹ không chỉ là hoa trái của lịch sử chúng ta và sự kế thừa của các thế hệ. Đó là món quà miễn phí của Thiên Chúa, vừa được hy vọng vừa bất ngờ : Người được «thụ thai bởi Chúa Thánh Thần». Các Kitô hữu sẽ xác minh rằng điều này luôn đúng với Vương quốc Thiên Chúa khi nó hình thành trong cuộc sống của chúng ta : hoàn toàn ở trong chúng ta, nó hoàn toàn thoát khỏi chúng ta.

Chúa Giêsu, con trai Thánh Giu-se

Điều này không ngăn cản Mẹ Maria gọi Chúa Giêsu là «cha của con» khi nói về Thánh Giu-se. Và khi Philip đến gặp Nathanael để loan báo rằng ông đã tìm thấy Đấng Messia, ông nói với Nathanael : «Đây là Giêsu, con ông Giuse, người Nazareth» (Ga 1.45). Thánh Giuse thực sự là cha của Chúa Giêsu. Trước hết, xét về mặt pháp lý, chúng ta đã thấy, vì thông qua Thánh Giu-se mà Chúa Giêsu được đưa vào dòng dõi và di sản hoàng gia của Đa-vít.

Và mối quan hệ cha con với Thánh Giu-se chắc chắn có tầm quan trọng hơn nhiều đối với Chúa Giêsu so với suy nghĩ chung. Để gọi tên Đấng mà mọi người gọi là Thiên Chúa, để chỉ sự hiện diện rất gần mà từ đó Người đã nhận được mọi sự, Đấng mà Người luôn ý thức là một, Chúa Giêsu đã tự phát sử dụng cái tên

mà Người trù mền đặt cho chính Thánh Giuse : « Cha, ba, abba. » Và khi phải giải thích về sự quen thuộc khó hiểu này với Thiên Chúa của Do Thái, Đáng mà Người tuyên bố sẽ tiếp tục công trình sáng tạo, Chúa Giêsu đã dùng những lời đơn giản nhất khi Người học nghề ở Nazareth, trong xưởng mộc của người thợ mộc Thánh Giu-se : « Cha Ta vẫn làm việc cho đến bây giờ, và Ta cũng làm việc... Điều Cha làm, Con cũng làm như vậy. Bởi vì Chúa Cha yêu Chúa Con và cho Chúa Con thấy mọi sự Ngài đã làm » (Ga 5.17-20). Chính bằng những lời nói hằng ngày, những lời mà Thiên Chúa dùng để mô tả cuộc sống, các mối quan hệ, tình cảm của mình, mà Chúa Giê-su muốn nói về Thiên Chúa là ai đối với Người. Làm sao Người không thể tìm thấy trong tình cảm của cha mẹ Người đã dùng những lời thích hợp nhất để nói với chúng ta về mối quan hệ hoàn toàn độc đáo này, mối quan hệ luôn chiếm trọn trái tim Người : « Ta và Cha là một » (Ga 10.30) ?

Lời cầu nguyện Kaddish của người Do Thái

Nguyện danh Thầy được tôn vinh và thánh hóa trên thế giới mà Ngài đã tạo ra theo ý muốn của Ngài. Và xin Ngài làm cho vương quốc của Ngài ngự trị trong cuộc sống của bạn, trong những ngày tháng của bạn,

và trong cuộc sống của toàn thể nhà Israel, sớm thôi và trong tương lai gần. Và nói : Amen.

Xin chúc tụng danh Thầy, trên thế gian và cõi vĩnh hằng. Đáng ngợi khen, tôn vinh, nâng cao, tôn cao, minh họa, tôn vinh và tôn vinh danh Đấng Thánh, đáng ngợi khen Ngài, trên hết mọi lời chúc tụng và mọi bài ca, mọi lời ngợi khen và mọi sự an ủi được thốt ra trên thế gian. Và nói : Amen.

Xin cho lời cầu nguyện và khẩn cầu của toàn thể dân Do Thái được Cha của họ trên trời chấp nhận. Và nói : Amen.

Chúc tụng danh Thiên Chúa từ nay cho đến muôn đời. Nguyện xin hòa bình lớn lao từ trời và đất đến với chúng ta và toàn thể Do Thái. Và nói: Amen.

Sự giúp đỡ của tôi đến từ Thiên Chúa, Đấng đã dựng nên đất và trời. Đấng tạo nên hòa bình trên cao, xin Ngài tạo nên hòa bình cho chúng con và cho toàn thể Do Thái.

Chúa Giêsu sinh ra

Sự thận trọng của các sách Tin Mừng về Đức Maria, và đặc biệt là về Thánh Giuse, không nên làm chúng ta coi nhẹ tầm quan trọng của cha mẹ Chúa Giêsu. Chính thông qua họ mà nó bắt nguồn từ một dân tộc, một truyền thống. Họ dẫn Người đến Đền thờ, họ hướng dẫn Người lần đầu tiên lên Giê-ru-sa-lem, chuyến đi này giống như điềm báo trước cho toàn bộ hành trình cuộc đời Người, cuộc hành hương hướng đến Lễ Vượt Qua của Người tại thành thánh. Họ dạy Người Lễ Luật và Thánh vịnh, họ truyền lại cho Người lời cầu nguyện của dân Do Thái và những lời đức tin của họ. Chúng ta tưởng tượng Chúa Giêsu đang học cách lặp lại Shema Yisrael ², ngồi trên đầu gối của mẹ mình : «Nghe đây, hỡi Israel, Chúa là Thiên Chúa chúng ta là Chúa duy nhất...» Hoặc đọc kinh Kaddish một cách ngoan đạo, khi Thánh Giu-se qua đời, giống như mọi đứa trẻ Do Thái, ngay cả ngày nay, khi cha mình qua đời : «Danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến...»

«Đề tạo nên một người đàn ông, trời ơi, phải mất rất nhiều thời gian !» một bài hát của ngày hôm nay. Cũng vậy với Chúa Giêsu, một con người đích thực. Trong

2 Shema Yisrael (Hỡi Israel, hãy lắng nghe), lời cầu nguyện hàng ngày của người Do Thái

ba mươi năm, Đức Maria «mang Người vào thế gian». Thánh sử Gio-an chỉ gọi bà là «mẹ của Chúa Giêsu», vì ông nhận thức rõ rằng thiên chức làm mẹ này không có hồi kết. Nó cho chúng ta thấy Đức Maria ở những thời điểm quan trọng trong cuộc đời Chúa Giêsu. Vì vậy, trong lần biểu lộ công khai đầu tiên, «dấu hiệu đầu tiên», tại Cana ở Galilê, nơi Đức Maria dường như gần như gây áp lực lên con trai mình để có được một cử chỉ từ Người (Ga 2.1-12). Bằng cách can thiệp để rượu cưới, tượng trưng rất tốt cho công trình của Chúa Giêsu, được ban tặng dồi dào, Đức Maria là mẹ của dấu hiệu đầu tiên của Người. Cũng tại đó, bà sinh ra Người.

Gần thập giá, mẹ của Người

Đứng gần thập giá Đức Giê-su, có thân mẫu Người, chị của thân mẫu, bà Ma-ri-a vợ ông Cơ-lô-pát, cùng với bà Ma-ri-a Mác-đa-la. Khi thấy thân mẫu và môn đệ mình thương mến đứng bên cạnh, Đức Giê-su nói với thân mẫu rằng : «Thưa Bà, đây là con của Bà.» Rồi Người nói với môn đệ : «Đây là mẹ của anh.» Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình.

Ga 19.25-27.

Dưới chân thập giá, «mẹ của Chúa Giêsu» vẫn đứng đó, đón lấy những lời cuối cùng, hơi thở cuối cùng và môn đệ đầu tiên của con mình (Ga 19.25-30). Bởi vì Người tự cho đi, Mẹ cũng cho đi. Mẹ trao lại cho Chúa Cha, trao lại cho thế giới. Một lần nữa, và vẫn còn đau đớn, Mẹ đưa Người đến với thế giới này, Mẹ mở lòng mình ra với cuộc sống.

Mẹ các môn đệ

Vì thế, tình mẫu tử của Đức Maria mở rộng đến các môn đệ của Chúa Con : «Hỡi bà, đây là con bà», Chúa Giêsu nói và chỉ vào người bạn (Ga 19.26). Cũng hiện diện trong Lễ Ngũ Tuần, giữa các tông đồ đón nhận ân huệ của Chúa Thánh Thần, do đó, Đức Maria giữ một vị trí quan trọng trong truyền thống bắt nguồn từ Chúa Giêsu.

Trong ý thức của người Kitô giáo, Đức Mẹ Maria hiện diện ân sủng của nữ tính. Không dễ để nhận ra những nét tính cách của tình yêu Thiên Chúa, của tình mẫu tử : sự gần gũi, sự dịu dàng, sự quan phòng liên tục của Người. Sự tôn kính của những người theo đạo Thiên chúa đối với Đức Mẹ Maria cho phép họ tái khám phá, bằng cách hoán cải họ, toàn bộ động lực phổ biến mà trong chủ nghĩa ngoại giáo sẽ bị mất đi đối với các vị thần không tồn tại. Không phải là không có sự đảo

ngược triệt để : Mẹ Maria, người phản ánh cho chúng ta một điều gì đó dịu dàng của Chúa, không phải là một vị thần. Mẹ ở bên phe chúng ta. Khi chúng ta cầu nguyện với Mẹ, tức là chúng ta nói với Mẹ rằng : «Xin cầu nguyện cho chúng con !» Mẹ hoàn toàn hướng về Chúa Giêsu, hướng về Người, tận tụy làm cho Người sống và trao Người cho chúng ta.

Đây là lý do tại sao vai trò chính của lòng sùng kính Đức Mẹ, vốn đã có nhiều hình thức trong truyền thống của Giáo hội, trên hết là thể hiện tính xác thực của con người Chúa Giêsu, điều mà thần học gọi là chủ nghĩa hiện thực của «Sự nhập thể» của Người. Chúa Giêsu không giả vờ là một trong số chúng ta, vì Người có một người mẹ như chúng ta. Các công đồng lớn của thế kỷ III và IV, sau nhiều cuộc tranh luận, sẽ cố gắng xây dựng thành những biểu thức giáo điều chặt chẽ và chính xác («Chúa Giêsu thực sự là Thiên Chúa và thực sự là người», hoàn toàn là một với Chúa Cha và hoàn toàn đoàn kết với con người), lòng đạo đức bình dân diễn đạt điều đó một cách tự phát, bằng cách tôn kính mẹ của Chúa Giêsu, và bằng cách ban cho Mẹ, từ thế kỷ thứ 2, danh hiệu «Mẹ Thiên Chúa». Mẹ là mẹ của Chúa Giêsu, nơi Người, các Kitô hữu nhận ra Thiên Chúa đã trở nên một người trong chúng ta.

4. Cử chỉ nói lên điều gì đó

Chúa Giêsu trước hết không phải là một nhà thuyết giáo hay một giáo viên. Người được nhớ đến như một người «đi khắp nơi làm việc thiện» (Cv 10.38). Những điều gì Người phải nói, Người làm thực hiện trước. Hành vi của Người không chỉ nhằm minh họa cho lời nói của mình, giống như một người «nói được làm được». Mà ngược lại : lời nói của Người, những lời đơn giản hoặc bài phát biểu dài được nhà truyền giáo ghi chép cẩn thận, làm rõ ràng và giải thích ý nghĩa những việc Người làm.

Khi Chúa Giêsu nói : «Ta là ánh sáng thế gian» (Ga 8.12 ; 9.5), Người chỉ đang diễn giải thành lời những gì đang xảy ra xung quanh Người : những người thực sự mù sẽ lấy lại được thị lực, nhưng cũng có những người bắt đầu nhìn thấy rõ ràng trong cuộc sống của họ, ngay cả khi những người khác quay lưng lại với ánh sáng làm tổn thương họ.

«Vương quốc của Thiên Chúa», thực tại bí ẩn và hấp dẫn mà Chúa Giêsu công bố không phải là một tập hợp các giáo lý, mà là điều đang xảy ra ngay lúc này, một sự kiện dần dần hình thành trong hành động của Chúa Giêsu và của những người tiếp tục công việc của Người.

Lòng thương xót của Thiên Chúa

Những cử chỉ của Chúa Giêsu dường như không phải là một phần của chương trình mà Người sẽ triển khai một cách có hệ thống, hoặc của một loạt các cuộc biểu tình mà Người muốn thực hiện. Chúng phụ thuộc vào các sự kiện, vào hoàn cảnh. Đôi khi chúng thậm chí còn có vẻ như bị xé ra khỏi Người.

Vậy nên có một số cách chữa bệnh. Chúa Giêsu không tổ chức các cuộc tụ họp của người bệnh, các cuộc họp để chữa bệnh. Chúng ta đến với Người. Khi đó, Người «chanh lòng thương», không phải với một kiểu hạ cố về mặt cảm xúc, mà là với lòng cảm thông, lòng trắc ẩn vô bờ bến, chính là cái nhìn của Thiên Chúa dành cho những người đang đau khổ. Chúa Giêsu thực sự xúc động trước quá nhiều đau khổ về thể xác, tinh thần, đạo đức. Vì vậy, nhân danh Đấng đã sai Người đến và Người hiện thân cho lòng thương xót, Người không thể không can thiệp : Người đưa tay ra với người bệnh, hoặc chạm vào người bệnh, hoặc nắm lấy người bệnh. Một cuộc gặp gỡ thực sự, tiếp xúc vật lý, một lời nói. Và thông qua Người Quyền năng của Thiên Chúa, quyền năng của tình yêu bị tổn thương của Ngài, bị ảnh hưởng bởi sự ác, được thể hiện qua sự yếu đuối của người nằm đó. Bởi vì Thiên Chúa, trong Chúa Giêsu, cho phép được

tiếp cận Ngài, chạm đến sự ác đang kìm kẹp chúng ta, cái ác trong chúng ta đã bị tiếp cận, bị chạm đến, bị đánh bại, bởi quyền năng của Thiên Chúa.

Xin thương xót tôi !

Khi gần đến thành Giêricô, Chúa Giê-su thấy có một người mù đang ngồi ăn xin bên vệ đường. Nghe thấy tiếng đám đông đi qua, ông hỏi đó là gì. Họ trả lời ông: «Ông Giêsu người Na-xa-rét đang đi ngang qua đó». Ông kêu lên: «Lạy Chúa Giêsu, Con vua Đa-vít, xin thương xót tôi !» Những người đi trước mắng ông im lặng ; nhưng ông càng kêu lớn tiếng hơn : «Lạy Con vua Đa-vít, xin thương xót tôi !» Chúa Giê-su dừng lại và truyền đem anh ta đến. Khi anh ta đến gần, Người hỏi anh ta : «Anh muốn tôi làm gì cho anh ?» Anh ta đáp : «Lạy Chúa, xin cho tôi nhìn thấy được !» Chúa Giêsu bảo anh ta : «Hãy sáng mắt lại. Đức tin của anh đã cứu anh !» Ngay lập tức anh ta được sáng mắt và đi theo Chúa Giêsu tôn vinh Thiên Chúa. Mọi người thấy vậy đều ngợi khen Thiên Chúa.

Lc 18.35-43.

Bên vệ đường, những người mù kêu lên với Chúa Giêsu đang đi ngang qua, và họ chạy về phía có tiếng Người. Những người liệt được đưa đi trên con đường của Người. Trong đám đông chen chúc quanh Người, một người phụ nữ bị bệnh nhiều năm đã lén vào và ít nhất cũng chạm vào, một cách lén lút, viền áo khoác của Người. Chúa Giêsu không lợi dụng sự ủng hộ của dân chúng để tổ chức hoạt động quảng cáo hay thể hiện quyền năng thiêng liêng của mình. Nhưng Người để cho mình bị tiếp cận, bị chiếm đoạt, bị bắt giữ bởi tất cả những đau khổ này, gần như trái với ý muốn của Người. Và trong cuộc gặp gỡ giữa nỗi thống khổ của con người và tình yêu sáng tạo của Thiên Chúa, phép lạ đã được thực hiện.

Họ yêu cầu Người một dấu hiệu

Những người Pha-ri-sêu đến và bắt đầu tranh luận với Chúa Giêsu ; Để gài bẫy Người, họ yêu cầu Người một dấu hiệu từ trời. Thở dài, Chúa Giêsu nói : «Tại sao thế hệ này lại xin một dấu lạ ? Quả thật, Ta bảo các ngươi, thế hệ này sẽ không được ban cho một dấu lạ nào». Rồi Người bỏ họ lại, lên thuyền và đi sang bờ bên kia.

Mác 8.11-13.

Điều này có thể giải thích tại sao Chúa Giêsu liên tục từ chối những phép lạ mà người ta đòi hỏi Người phải làm. Đám đông muốn có những dấu hiệu thuyết phục, «từ thiên đường», bằng chứng rõ ràng về sứ mệnh của Người. Người ta sẵn sàng đi theo Người, nhưng không muốn có quá nhiều rủi ro. Về phần mình, Hérode sẽ yêu cầu một cuộc trình diễn tại tư gia, một phép lạ theo yêu cầu, gần giống như một bản báo cáo của viên chấp hành. Và mỗi lần như vậy, Chúa Giêsu đều từ chối tham gia vào trò chơi này. Vì chính Người đã từ chối đòi hỏi những sự can thiệp như thế từ Chúa Cha : «Người đừng thử thách Chúa là Thiên Chúa của người» (Mt 4.7). Chúa Giêsu không quan tâm đến việc chứng minh quyền năng của Thiên Chúa, Người đang thể hiện tình yêu của mình. Người không tìm cách áp đặt bằng chứng, Người hiến thân mình cho sự tự do của chúng ta.

Toàn bộ cuộc đời Người là một dấu hiệu

Vì vậy, đối với «người có mắt để thấy», mọi hành vi của Người đều có ý nghĩa, mang tính tiết lộ và đáng nói. Cuộc sống của Người chính là lời Chúa phán với con người. Chính Người là Lời trong mọi việc Người làm. Đến nỗi Tin Mừng thứ tư, được cho là của thánh Gio-an, người môn đệ được yêu mến, đã gọi Chúa Giêsu bằng tên này : Người là Lời của Thiên Chúa, là Động

từ.

Và những cử chỉ này của Chúa Giêsu, mặc khải phần nào chiều sâu của Thiên Chúa, không phải tất cả đều ngoạn mục hay khác thường, «kỳ diệu» theo nghĩa chúng ta hiểu ngày nay. Chúa Giêsu cho phép các trẻ em đến gần và chào đón các em, trong khi các bạn đồng hành của Người cho rằng giáo sĩ Do Thái nghiêm túc không thể giảng dạy trong cảnh hỗn loạn như thế này, điều này nói lên điều gì. Sự thật là Chúa Giêsu dường như cố tình dùng bữa với những người bất hảo, những người thu thuế làm giàu trên sự bóc lột của đồng bào mình, những cô gái mại dâm, những người bị cộng đồng ruồng bỏ, điều này đáng để bàn cãi : Thiên Chúa quan tâm trước tiên đến những người có vẻ xa cách. Bằng cách ăn uống với họ, và bằng cách cầu nguyện với họ, bằng cách cử hành nghi lễ tôn giáo của bữa ăn với những phước lành, Chúa Giêsu không chỉ xóa bỏ sự tuyệt thông đang đè nặng lên họ, mà Người còn nói rằng Thiên Chúa khai mạc bữa tiệc tận thế với những người này, bữa tiệc của những người công chính. Cũng với sự táo bạo đó, và gây ra nổi kinh hoàng như vậy, Người sẽ nói với người này người kia rằng : «Tội lỗi của anh đã được tha». «Ai có thể tha tội, ngoại trừ một mình Thiên Chúa ? » (Mc 2.7). Người nghĩ mình là ai ?

Một cuộc chiến cho sự sống

Mọi hành động của Chúa Giêsu đều phản ánh ý muốn của Thiên Chúa là làm cho con người đứng lên, làm cho con người sống và phục hồi. «Đứng lên, đứng dậy, đi, hãy đi đi !» Chúa Giêsu liên tục nói với những người bởi sự dữ, thể chất và tinh thần, bị tấn công và cản trở. Cử chỉ và lời nói của Người nói lên hy vọng của Thiên Chúa Đấng đã sai Người đến, với hy vọng về một thể

Để họ được sống

Tôi đến để cho chiên được sống và sống dồi dào.

Ga 10.10.

giới cuối cùng thành công, được hòa giải, điều mà Chúa Giêsu gọi là «Nước Thiên Chúa». Ngôn sứ Isaiah đã từng mơ về điều này : «Bấy giờ, mắt người mù mở ra, tai người điếc nghe được. Bấy giờ, kẻ què sẽ nhảy nhót như nai, miệng lưỡi người câm sẽ reo hò» (Is 35.5-6).

Chúng con cảm tạ Cha, là Cha trung tín và nhân từ, vì đã ban cho chúng con Chúa Giêsu, Con Cha, Chúa và anh của chúng con. Tình yêu của Người được thể hiện đối với người nghèo, người bệnh, trẻ em và tội nhân. Người vẫn thờ ơ với mọi sự đau khổ. Cuộc đời

và sứ điệp của Người là bằng chứng cho chúng ta thấy rằng Người là Thiên Chúa quan tâm đến con người, như người cha quan tâm đến con cái mình. Vì thế, chúng con ngợi khen và tôn vinh Chúa, chúng con tôn vinh lòng nhân từ và lòng thành tín của Chúa, và cùng với các thiên thần và toàn thể các thánh, chúng con ca ngợi vinh quang của Chúa...

Kinh Tiền Tụng Thánh Thể cho các buổi lễ quan trọng của Giáo hội, Kinh Tiền Tụng C.

Đối với những người đến gần Chúa Giêsu, mọi cử chỉ của Người đều là sự phục sinh. Vì vậy, chúng ta sẽ không thể hiểu đầy đủ cho đến khi chính Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết. Đỉnh cao của quá trình phục sinh này, diễn ra trong suốt cuộc đời của Chúa Giêsu, sẽ là khi chính Người vượt qua sự chết đến sự sống. Ở đó, chúng ta sẽ nhận ra một cách rõ ràng rằng chính quyền năng yêu thương của Thiên Chúa đã được triển khai trong mọi cử chỉ của Chúa Giêsu. Bằng cách khiến Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết, Chúa Cha sẽ chứng thực, theo một cách nào đó, mọi điều Chúa Giêsu đã làm.

Chúa Giêsu nắm lấy tay đứa trẻ vừa được cứu khỏi bệnh, đứa trẻ «như đã chết», rồi đỡ dậy và đặt đứng lên

(Mc 9.27, trong đó tác giả Tin Mừng sử dụng hai động từ tiếng Hy Lạp để diễn tả sự phục sinh của chính Chúa Giêsu). Chúa Giêsu dẫn đầu, nhân danh Chúa Cha, cuộc chiến đấu cho sự sống. Người đối mặt và tố cáo những thế lực xấu xa ẩn núp bên trong con người. Nó trực xuất những «con quỷ» ngăn cản chúng ta sống và chúng ta thường tiếp tay cho chúng.

Nhân danh Chúa Cha

Cuộc chiến này không thể diễn ra mà không có sự kháng cự. Một số cử chỉ của Chúa Giêsu, giống như một số lời nói của Người thực sự gây sốc. Và điều gây sốc nhất không phải là cử chỉ đó, mà là ý nghĩa tôn giáo mà Chúa Giêsu mang đến cho cử chỉ đó, điều này được nhận thức rất rõ. Vậy thì Người là ai mà dám tuyên bố mình có thể hoàn thành công việc của Thiên Chúa theo cách này ? Liệu ông có cao hơn cả Moïse không? Điều quan trọng là thái độ của Chúa Giêsu đối với ngày Sa-bát, ngày mà người tôn giáo kiêng mọi hoạt động, chỉ để tưởng nhớ đến Thiên Chúa, Đấng chiêm ngưỡng sự hoàn thành công trình sáng tạo của Ngài. Có vẻ như Chúa Giêsu đã chọn hành động chính xác vào ngày hôm đó. Sự thờ ơ ? Sự khiêu khích ? Ngược lại, Chúa Giêsu khẳng định Người sẽ ban cho nó ý nghĩa thực sự. Người đã «làm trọn» ngày Sa-bát : vào ngày đó

hoặc không bao giờ thực hiện công cuộc cứu rỗi (Mt 12.12). Trên hết, đối với Người, Chúa Giêsu là Đấng ý thức được việc hoàn thành công trình của Đấng Tạo Hóa: «Cha Ta vẫn làm việc cho đến bây giờ, thì Ta cũng làm việc» (Ga 5.17). Hành động theo cách này, và đặc biệt là bằng cách giải thích theo cách này ý nghĩa các hành động của mình, Chúa Giêsu không hề né tránh, ngược lại, lời buộc tội của những kẻ thù của Người : «Từ đó, người Do Thái càng tìm cách giết Người, vì Người không những vi phạm ngày Sa-bát, mà còn gọi Thiên Chúa là Cha của mình, tự cho mình ngang hàng với Thiên Chúa» (Ga 5.18).

Một sự phạm thượng ?

Người Do Thái lại nhặt đá để ném Người. Nhưng Chúa Giê-su đáp : «Tôi đã cho các ông thấy nhiều việc tốt đẹp đến từ Chúa Cha. Trong các việc đó, các ông muốn ném đá tôi vì việc nào ?» Người Do Thái trả lời: «Chúng tôi không muốn ném đá ông vì một việc tốt, nhưng vì một lời phạm thượng : vì ông là người phạm mà lại tự cho mình là Thiên Chúa».

Ga 10.31-33.

Mọi cử chỉ của Chúa Giêsu đều biểu thị và khởi đầu cho chiến thắng của Thiên Chúa trước sự ác. Khi Tin Mừng cho chúng ta biết rằng Chúa Giêsu đã đi trên mặt nước Hồ Tiberias để cùng các tông đồ chèo thuyền trong cơn bão, chúng ta sẽ bị cám dỗ coi đó là một phép lạ miễn phí, hoặc một cuộc biểu hiện siêu nhiên, gần như là một trò lừa bịp (Mc 6.45-52). Trên thực tế, tình tiết này luôn diễn ra theo cùng một logic về chiến thắng của Thiên Chúa trước mọi thế lực tử thần : đối với người Do Thái, Đấng luôn giữ đôi chân mình trên mặt đất, nước là sự chết, là sự nhấn chìm. Và chính Thiên Chúa sẽ cứu chúng ta khỏi điều đó, như Ngài đã làm cho tổ phụ chúng ta khi họ rời Ai Cập, qua Biển Đỏ (Xh 14 ; xin xem thêm G 9.8 và Tv 65.8). Khi Chúa Giêsu chà đạp lên mọi đe dọa của cái chết này, Người đã bày tỏ rõ ràng cùng một chiến thắng của Thiên Chúa trên mọi thứ có thể nhấn chìm chúng ta : «Đừng sợ!» Và Người làm điều đó bằng khẳng định duy nhất căn tính của Người : «Cứ yên tâm, chính Thầy đây, đừng sợ !» (Mc 6.50). Giống như mọi cử chỉ của Người, việc Người đi trên mặt nước, điều này làm cho tâm trí chúng ta bối rối, là điềm báo trước về sự phục sinh của chính Người. Đó là một dụ ngôn trong hành động, một giáo lý cử chỉ, về chiến thắng của Người trước cái chết.

Cũng giống như việc đánh cá «kỳ diệu» không phải là phép lạ chủ yếu nhằm đánh vào trí tưởng tượng của các môn đệ, hay giúp họ tiết kiệm công sức. Việc này nói cho họ biết sứ mệnh tương lai của họ, tiết lộ cho họ biết sự sinh hoa trái sắp đến của sự phục sinh (Lc 5. 1-11). Thậm chí Tin Mừng theo Thánh Gioan còn kể lại vụ đánh bắt dòi dào này vào ngày sau lễ Phục sinh (Ga 21.1-14).

Những cử chỉ của Giáo Hội

Bởi vì cử chỉ của Chúa Giêsu sẽ được mở rộng thành cử chỉ của các tông đồ, cử chỉ của Giáo hội. Đây là sứ mệnh mà Chúa Giêsu đã trao phó cho Nhóm Mười Hai, là sứ giả của Người : «Anh em hãy chữa lành người đau yếu, làm cho kẻ chết sống lại, làm cho người phong hủi được sạch bệnh, và trừ quỷ» (Mt 10.8). Đối với người què xin bố thí ở cổng Đền thờ, Thánh Phê-rô trả lời : «Tôi không có vàng bạc ; nhưng cái tôi có, tôi cho anh: nhân danh Đức Giêsu Kitô, người Nazareth, anh hãy bước đi !» (Cv 3.6). Và ông nắm tay anh, cũng đỡ anh đứng dậy.

Trong cộng đồng các môn đệ, tức là Giáo hội, những cử chỉ quan trọng nhất, được gọi là bí tích, cũng rất cụ thể. Giống như các dấu hiệu của Chúa Giêsu, chúng bao gồm sự tiếp xúc thực sự. Chúng chạm tới cơ thể

con người. Nước mà người ta ngâm mình, bánh mì mà người ta đồng hóa khi nhai, dầu thơm mà người ta phủ lên người, sự đồng ý và kết hợp của đôi vợ chồng, không phải là «phép lạ», nếu chúng ta muốn nói đến những điều kỳ diệu thoát khỏi quy luật tự nhiên. Nhưng, theo logic của những cử chỉ đầy ý nghĩa của Chúa Giêsu, chúng thực sự đạt được điều mà chúng là dấu chỉ : chúng giúp toàn bộ con người đứng dậy, chúng làm cho con người sống, hồi sinh. Chúng đang tiết lộ và đang nói. Như Chúa Giêsu, Đấng tiếp tục hành động qua họ, họ nói về Thiên Chúa bằng cách làm cho con người sống.

5. Những từ ngữ hồi sinh

«Người gieo giống ra đi gieo giống» (Lc 8.5). Với hình ảnh này, dụ ngôn này, Chúa Giêsu mô tả sứ mệnh của Người : «Hạt giống là lời Thiên Chúa» (Lc 8.11). Và Người, Chúa Giêsu, là người gieo giống, là Đấng «đến từ Chúa Cha và đến thế gian» để gieo sự sống. Và điều này, bất kể những người ở trước Người có thái độ như thế nào : hạt giống được gieo vãi một cách dồi dào, với sự dư thừa luôn đặc trưng cho món quà của Thiên Chúa, trên mọi địa hình, ngay cả những địa hình khó khăn nhất, với nguy cơ khô héo trên đá hoặc bị những bụi gai làm ngạt thở.

Chúa Giêsu là người gieo giống, nhưng Người cũng là hạt giống, là món quà của Thiên Chúa, là mầm mống của Chúa Cha, là hạt lúa được chôn vùi trong đất để nảy mầm thành sự sống. Người gieo Lời Chúa và Người là Lời của Chúa Cha. Chúng ta vừa chứng kiến : toàn bộ cuộc đời của Người đã tự nói lên tất cả. Và những lời Người nói, lời nói của Người, giải thích phạm vi cuộc sống và những việc Người làm.

Một từ có tác dụng

Đây chính là đặc điểm của Người : không có khoảng cách, không có sự gián đoạn giữa những gì Người nói và những gì Người làm. Không giống như các kinh sư và người Pha-ri-sêu «nói mà không làm» (Mt 23.3). Người không hề có chút đạo đức giả nào. Người giữ lời hứa. Trong Người, Thiên Chúa giữ lời hứa của Người. Và lời của Người, lời khiến Người hoàn toàn cam kết, là một lời hiệu quả : lời đó sáng tạo, lời đó làm cho sống động. Trong đó, chúng ta thấy được sự phong phú kỳ diệu của lời Đấng Tạo Hóa, như toàn bộ Cựu Ước đã làm chứng : Thiên Chúa phán, thì điều đó xảy ra.

Một lời nói hiệu quả

*Cũng như mưa với tuyết sa xuống từ trời
không trở về trời
nếu chưa thấm xuống đất,
chưa làm cho đất phì nhiêu và đâm chồi nảy lộc,
cho kẻ gieo có hạt giống,
cho người đói có bánh ăn,
thì lời Ta cũng vậy,
một khi xuất phát từ miệng Ta,
sẽ không trở về với Ta nếu chưa đạt kết quả,*

*chưa thực hiện ý muốn của Ta,
chưa chu toàn sứ mạng Ta giao phó*

Is 55.10-11.

Lời Chúa Giêsu thật sâu sắc. Nó mang lại sự sống, nhưng không phải là sự sống bên ngoài, được thêm vào; nó tiết lộ cuộc sống, chân lý mà mỗi người mang trong mình, trong sâu thẳm trái tim họ, nơi họ theo hình ảnh của Thiên Chúa. Lời Chúa Giêsu giống như một dụng cụ phẫu thuật. Nó sắc bén, mang tính chất chất vấn : nó thách thức đặt bạn vào trước một sự lựa chọn mang tính quyết định. «Ngày Sa-bát được phép làm điều lành hay điều dữ ? Cứu một sinh vật hay giết nó ?» (Mc 3.4). Ngay cả khi câu trả lời có vẻ hiển nhiên, thì người đối thoại phải chịu trách nhiệm : «Bạn nói vậy» (Ga 18.37).

Không phải ngẫu nhiên mà nhiều lời Chúa Giêsu lại là câu hỏi. Thông thường, khi được hỏi, chính Người sẽ trả lời : «Có được phép nộp thuế cho Caesar không ?» - «Hình ảnh ai trên đồng tiền ?» (Mt 22.17 và 20). Đây không chỉ là một cuộc đấu khẩu hùng biện, một cuộc tranh luận của các giáo sĩ Do Thái, nơi bậc thầy làm chúng ta thích thú với tài năng của mình. Đây là biểu hiện rằng sự thật đã có trong mỗi chúng ta, ngay cả khi chúng ta muốn chôn vùi nó.

Lời Chúa Giêsu tìm cách khơi dậy nơi người khác một lời đáp lại. Nó tạo ra lời nói. Lời ấy khiến người cảm nói được. Nó tạo ra người đối thoại để giao tiếp, để xây dựng mối quan hệ. Bằng cách này, lời ấy bày tỏ sự tin tưởng của Chúa Giêsu vào công việc của Chúa Cha và trong quyền năng của Chúa Thánh Linh : «Này anh Si-môn con ông Giô-na, anh thật là người có phúc, vì không phải phàm nhân mặc khải cho anh điều ấy, nhưng là Cha của Thầy, Đấng ngự trên trời.» (Mt 16.17). Người khám phá ra nguồn sống ở người khác. Người tiết lộ cho mỗi người khả năng biết Chúa, được Người sinh ra và trở thành con của Thiên Chúa. Chúa Giêsu khơi dậy nơi mỗi người khả năng nói về Thiên Chúa.

Một lời nói giải phóng

Khi đặt câu hỏi, lời Chúa Giêsu cũng là điều bắt buộc. Lời kêu gọi sự sống : «Hãy trỗi dậy, tỉnh thức, đến đây, ra ngoài !» Đó là lời kêu gọi phục sinh. Không chỉ là một lời mời, đó là một sự khởi đầu mới. Ngày mà, bị đám đông dồn vào góc trong một ngôi nhà thân thiện, Chúa Giêsu nhìn thấy một người đàn ông cứng đờ được đưa đến trước mặt Người trên một chiếc cáng, người mà bạn bè Người đang thông xuống qua một lỗ trên mái nhà, Người đi thẳng vào vấn đề và ngay lập tức tấn công vào tội lỗi đang làm Người tê liệt : «Này con, con

đã được tha tội rồi» (Mc 2.5). Và chỉ trước phản ứng phần nộ của những người bị mắc kẹt trong định kiến của mình, Chúa Giêsu mới thêm lời này, mà hiệu quả lần này có thể được kiểm chứng : «Hãy đứng dậy, vác chõng mà đi về nhà !» (Mc 2.11). Đôi lời nhưng là một sự phục sinh duy nhất, nắm bắt toàn bộ con người.

Lời Chúa Giêsu thường ngắn gọn và súc tích. Nó bắt nguồn từ sự im lặng sâu thẳm bên trong. Khi một người phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình bị đưa đến trước Đền thờ vào lúc rạng sáng, Chúa Giêsu không đưa ra bài phát biểu dài về đức hạnh, tội lỗi hay sự tha thứ. Dường như không nhìn thấy và không nghe thấy gì, Người bắt đầu viết bằng ngón tay trên mặt đất. Đây cũng là lần duy nhất chúng ta thấy Người viết gì đó, ký hiệu hoặc từ ngữ bị xóa quá nhanh. Sau đó, Người đứng dậy và làm những kẻ cáo buộc đến gài bẫy Người phải bối rối bằng một lời : «Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi» (Ga 8.7). Và khi mọi người đã ra về hết, người lớn tuổi nhất đi đầu, Chúa Giêsu giải thoát người phụ nữ : «Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu! Thôi chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa !» (Ga 8.11). Tội lỗi không được bào chữa, giảm nhẹ, nhưng người phụ nữ được tha bổng. Chỉ cần một từ «phẫu thuật» là đủ để tách biệt nó. Một lời tin rằng người phụ nữ này có khả năng, khiến bà có khả năng,

sống mà không có tội lỗi này, và đưa bà lên đường : «Hãy đi». Bà không phải là «người đàn bà ngoại tình», như thể tội lỗi của bà là một với bà. Bà là một người phụ nữ, một người con của Thiên Chúa, một ngày nọ bị bắt gặp trong tội lỗi, và ngạc nhiên bởi một lời, Lời, có khả năng giải thoát bà khỏi tội lỗi. Bởi vì cuối cùng, Người đã yêu thương bà : «Hãy đi !»

Lời này có thẩm quyền gì ! Xung quanh Người, các kinh sư, người Phariseu, các thầy tế lễ thượng phẩm, tất cả các bậc thầy ở Do Thái, đều có thói quen diễn giải, bình luận, lặp lại, trích dẫn lẫn nhau để trở nên đáng tin cậy. Về phần mình, Chúa Giêsu dường như tìm thấy sự quy chiếu của chính mình trong chính bản thân Người: «Mọi người đều kinh ngạc về lời giảng dạy của Người, vì Người giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền, chứ không như các kinh sư» (Mc 1.22). Ở đây, Người đang ban hành luật thay cho Moïse : «Các người đã nghe lời phán rằng : Người xưa... Ta bảo các người rằng...» (Mt 5.21, 27, 31, 33, 38, 43...). Mọi người đều mời gọi chúng ta tuân theo Lễ Luật, Chúa Giêsu mời gọi chúng ta theo Người. Tất cả những gì Người phải làm là đến và gọi điện. Ở đây, một lần nữa lời của Người lại có tác dụng ngay lập tức : «Người bảo ông : ‘Hãy theo Ta’. Ông đứng dậy và đi theo Người» (Mc 2.14).

Giống như bánh mì mà chúng ta đồng hóa

Lời nói này cũng nuôi dưỡng những người mà nó tác động. Lời được đám đông đói khát háo hức chờ đợi. Vì vậy, ngày hôm đó, trên bờ hồ Tiberias, «Chúa Giêsu, khi lên bờ, thấy một đám đông lớn. Người chạnh lòng thương họ vì họ như bầy chiên không có người chăn, và Người bắt đầu dạy họ nhiều điều» (Mc 6.34). Nhân danh Thiên Chúa, Đấng chăn chiên đích thực của dân Người, Chúa Giêsu cho phép mình bị tác động bởi nỗi thống khổ này và Người chăm sóc những người này, trước tiên ban cho họ lời của Người, sau đó là bánh của Người. Trên thực tế, lời dạy này diễn ra ngay trước đoạn Chúa Giêsu cho năm ngàn người đàn ông ăn giữa sa mạc (Mc 6.35-44). Bánh mì và lời nói không thể tách rời ; bánh mà Chúa Giêsu ban cho là một dấu chỉ biết nói, và lời của Người là bánh nuôi dưỡng. Quả thật đúng như vậy khi nói rằng «người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Thiên Chúa» (Đnl 8.3, trích trong Mt 4.4).

Vương quốc ở đây và bây giờ

Chúa Giêsu nói về Vương quốc Thiên Chúa. Người không nói về nó như thể nó là một thế giới khác, với mục đích khiến chúng ta quên đi những lo lắng của thế giới này, như trong một câu chuyện cổ tích. Vương quốc

này là chiều sâu của thế giới chúng ta, đối với những ai có mắt để nhìn : đó là thế giới của chúng ta khi chúng ta nhìn vào nó như là lãnh địa của Thiên Chúa. Đây chính là nơi Thiên Chúa ngự trị, ngay tại đây và ngay bây giờ. Đúng là điều đó không rõ ràng, nhưng thật là một lời hứa hẹn trong dấu hiệu nhỏ nhất: khi người mù trở nên sáng suốt, khi một người bị tê liệt bởi sự ích kỷ có thể bước về phía người khác, khi người từng tin rằng mình không có gì đáng nói để bắt đầu ca ngợi vinh quang của Thiên Chúa, khi người nghèo là những người đầu tiên chào đón tin vui về Thiên Chúa, Đáng cứu rồi, khi một góa phụ khiêm nhường, bằng cách đặt lễ vật của mình vào kho bạc của Đền thờ, phản ánh phần nào lòng quảng đại của Thiên Chúa !

Những phác họa đầu tiên về Vương quốc của Thiên Chúa giữa chúng ta vẫn chưa thực sự ấn tượng. Tuy nhiên, phác họa tuyên bố rằng mọi thứ đều có thể thay đổi. Hiện tại, Chúa Giê-su nói rằng Vương quốc giống như hạt cải, loại hạt nhỏ nhất trong các loại hạt. Nhưng khi lớn lên, nó trở thành một cây khổng lồ, có khả năng che chở cho tất cả các loài chim trời (Mc 4.30-32). Tất cả các dụ ngôn của Chúa Giêsu, về gieo giống, phát triển hay tiệc cưới, đều mơ hồ với những người nghĩ rằng họ biết mọi thứ, nhưng lại sáng tỏ với những người đồng ý tìm hiểu, gọi lên thực tại bí ẩn này : Thiên Chúa

đang lật đổ thể giới của chúng ta, để tình yêu cuối cùng có thể nắm quyền lực. Đây là Vương quốc.

Đây là lý do tại sao Chúa Giêsu nói về điều này như thể nó đã được thực hiện. Người đã tin vào điều đó rồi. «Phúc cho những ai hiền lành..., phúc cho những ai than khóc..., phúc cho những ai đói khát sự công chính...!» (Mt 5.3-12). Không phải lời của một kẻ mơ mộng, sự ngây thơ của một người không tưởng, mà là sự sáng suốt của một người nắm giữ chìa khóa cho sự tiến hóa của thế giới, và Thiên Chúa đã nhìn thấy nó như nó phải trở thành, như chúng ta phải thực hiện điều đó, theo logic của Thiên Chúa có khả năng làm «mới lại mọi vật» (Kh 21.5).

Bạn thật hạnh phúc...

Thấy đám đông, Đức Giê-su lên núi. Người ngồi xuống, các môn đệ đến gần bên.

Người mở miệng dạy họ rằng :

«Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.

Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.

Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.

Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.

Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.

Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính, vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa.

Anh em hãy vui mừng hơn hở, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao.

Quả vậy, các ngôn sứ là những người đi trước anh em cũng bị người ta bách hại như thế».

Mt 5.1-12.

Để nói về Cha

Tất cả những lời của Chúa Giêsu đều hướng đến Đấng là nguồn gốc và cội nguồn, cũng như mọi cử chỉ của Người đều hướng về Ngài. «Đây là điều gì vậy ?» «Đây là lời dạy mới» (Mc 1.27). «Sự khôn ngoan này

đến từ đâu ?»

Lời dạy có hệ thống hơn của Chúa Kitô trong Tin Mừng theo Thánh Gio-an chỉ trả lời câu hỏi này bằng cách nêu rõ sự tham chiếu liên tục này đến Chúa Cha, Đấng mà Chúa Giêsu nhận được mọi thứ : «Đạo lý của Ta không đến từ Ta, nhưng từ Đấng đã sai Ta» (Ga 7.16). «Như Chúa Cha có sự sống trong chính mình, thì Ngài cũng đã ban cho Chúa Con có sự sống trong chính mình» (Ga 5.26).

Cuối cùng, Chúa Giêsu chỉ nói về Chúa Cha. Không chỉ lời dạy của Người mà toàn bộ cuộc đời Người, và như chúng ta sẽ thấy, cả cái chết và sự phục sinh của Người, đều chỉ nói về Chúa Cha. Từ Chúa Cha, Chúa Giêsu là Lời duy nhất và sau cùng, là «Lời của Thiên Chúa» như Thánh Gio-an đã nói.

Không phải ngẫu nhiên mà trong Tin Mừng theo Thánh Lu-ca, lời đầu tiên và lời cuối cùng của Chúa Giêsu là dành cho Chúa Cha. «Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao ?» Chúa Giêsu tuyên bố, lúc mười hai tuổi, trong Đền thờ (Lc 2.49). Và lời cầu nguyện cuối cùng của Người diễn tả động lực của toàn bộ cuộc đời Người : «Lạy Cha, con xin phó thác linh hồn con trong tay Cha» (Lc 23.46).

6. Sự từ chối, phiên tòa xét xử và cái chết của Người

Là ngôn sứ ở Do Thái không phải điều dễ dàng. Những người được kêu gọi làm như vậy đều biết rằng họ phải nói nhân danh Thiên Chúa, và thường phải nói những điều khó nghe : họ là những người kêu lên khi niềm tin vào Thiên Chúa phai nhạt, khi việc thờ phượng trở nên nhàm chán, khi góa phụ và trẻ mồ côi bị lãng quên, khi mọi người nghĩ rằng họ có thể giải quyết mọi vấn đề thông qua chính trị và ngoại giao, mà không cần phải đáp lại tiếng gọi của Thiên Chúa trước.

Số phận của các ngôn sứ

Những người đàn ông đi ngược lại xu hướng thời trang và bỏ bê thời trang, sứ mệnh của họ chính là hướng đến những người chạy theo xu hướng hiện tại. Thường được coi là «ngôn sứ giả», số phận hợp lý của họ là được chào đón bởi một số bị phần lớn bác bỏ. Sự từ chối và lòng trung thành của họ sau đó trở thành lời chứng thực. Trong tiếng Hy Lạp của Tân Ước, nhân chứng là *martus*, nghĩa là tử đạo.

Chúa Giêsu biết rõ số phận của các ngôn sứ : «Giêrusalem, Giêrusalem, ngươi giết các ngôn sứ và ném đá những người được sai đến với ngươi !» (Mt

23.37). Người nhớ đến Jeremiah, người bị ném xuống một cái hố. Người bị sốc vì vụ bắt giữ Gioan Tẩy Giả, người mà Người đã theo dấu chân : Người chứng kiến Gioan bị cầm tù, sau đó bị chặt đầu trong một bữa tiệc thác loạn của hoàng tử, vì đã dám lên án đạo đức của gia đình Herod. Chúa Giêsu biết rõ rằng không có ngoại lệ, tai nạn hay hiểu lầm nào ở đây : Người lên án sự mù quáng của những người, trong suốt lịch sử Do Thái, đã đổ máu các sứ giả của Thiên Chúa, «từ máu Abel người công chính đến máu Zechariah, con trai của Barachiah, người mà các người đã giết giữa nơi thánh và bàn thờ» (Mt 23.35). Nếu Do Thái là một vườn nho được giao cho những người làm công nổi loạn, những kẻ đối xử tệ bạc với tất cả các sứ giả kế tiếp của chủ nhân mình, thì làm sao họ không thể đối xử như vậy với chính con trai mình, người thừa kế, người đã đến để yêu cầu họ giải trình (Mc 12.1-11) ? Chúa Giêsu biết điều gì đang chờ đợi Người.

Một dấu hiệu mâu thuẫn

Và điều này càng đúng hơn khi hành vi của Người khá đáng lo ngại. Người không sống giống như mọi người khác. Là một bậc thầy du mục, Người dường như đã thoát khỏi sự ràng buộc của môi trường gia đình. Người vẫn còn ở đâu đó sao ? «Con cáo có hang, chim

trời có tổ ; Con Người không có chỗ gối đầu» (Lc 9.58). Mẹ và anh em của Người thậm chí còn được nhìn thấy đến đón Người để cố gắng đưa Người trở lại cuộc sống bình thường hơn, gần như cáo buộc Người bị mất trí (Mc 3.21). Đi theo Người là một nhóm bạn nhỏ, có nguồn gốc rất đa dạng, và Người có vẻ thoải mái với cả những người giản dị nhất cũng như với một viên chức hoàng gia hay một thành viên nổi tiếng của Hội đồng lớn. Phụ nữ tuân theo lời dạy của Người mà không phải chịu bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. Và Chúa Giêsu phản đối khi người ta muốn đuổi những đứa trẻ hư hỏng đi. Mọi người đều có thể tiếp cận Người. Nhưng với một ưu tiên : những người biết rằng họ nghèo và nhỏ bé, những người bị tổn thương bởi cuộc sống, bị ảnh hưởng bởi cái ác dưới mọi hình thức, những người thực sự cần một vị cứu tinh để thoát khỏi nó.

Chúng ta đã thấy rằng Chúa Giêsu không thực sự thuộc về bất kỳ giáo phái chính nào của Do Thái giáo vào thời của Người. Người tôn kính Đền thờ và đến đó hành hương vào những ngày lễ lớn, nhưng Người vẫn giữ khoảng cách xa với đẳng cấp giáo sĩ. Người có vẻ gần gũi hơn với tôn giáo thuần túy nội tại và những đòi hỏi đạo đức của người Pharisêu, nhưng Người không ngần ngại lên án sự đạo đức giả của họ. Người có những lời lẽ rất gay gắt với Herod, vị vua bù nhìn có đạo đức

suy đồi, người hợp tác với kẻ chiếm đóng La Mã, nhưng Người không bao giờ khuyến khích cuộc nổi loạn vũ trang của những người cuồng tín và những người mang kiếm. Rất thoải mái trong bài phát biểu thách thức thế giới thời bấy giờ, tuy nhiên Người không chọn cách chạy trốn khỏi nó, giống như cộng đồng những người sống đơn độc ở Qumrân, hay thậm chí là Gioan Tẩy Giả, người đã đi qua sa mạc trong trang phục kỳ quái. Chúa Giêsu vẫn hiện diện giữa những người đương thời như một thách thức đáng lo ngại và lời kêu gọi hoán cải.

Liên quan đến lề luật, tôn giáo và việc thờ phượng của người Do Thái, Chúa Giêsu không tự coi mình là người phản đối muốn phá vỡ mọi phong tục. Từ nhỏ, Người đã phải chịu nghi lễ cắt bao quy đầu và dâng mình tại Đền thờ. Người ta thấy Người đang tham dự hội đường Do Thái và đi đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua. Trong các cuộc trò chuyện và tranh luận, Người đều trích dẫn Kinh thánh. Vậy thì rõ ràng là Người có cùng thông tin tham khảo. Người ta thậm chí có thể nói rằng thay vì hạ thấp Lề Luật, Người lại khuếch đại nó. Đây có lẽ là điều gây ra nhiều tai tiếng nhất. Người không chỉ giải thích Lề Luật và bình luận về nó như bất kỳ giáo sĩ Do Thái nào, mà Người còn đẩy những giới hạn của nó đi xa hơn nữa yêu cầu. Nói như một nhà lập pháp, Người có tự coi mình là Moïse không ?

Luật pháp của Moïse cho phép trong một số trường hợp nhất định người ta có thể từ bỏ vợ mình ? «Ta bảo các ngươi : Ai rẫy vợ mình là làm cho vợ mình phạm tội ngoại tình» (Mt 5.32). Moïse có dạy về tình yêu thương bạn bè và anh em không ? «Còn Ta bảo các con : hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi các con» (5.44). Từ đó trở đi, Chúa Giêsu không còn chỉ là một nhà bình luận nguyên thủy nữa. Trong Do Thái giáo, Người được coi là một nhà cải cách. Và những người cải cách đã bị loại bỏ.

Thiên Chúa đã thỏa hiệp

Tuy nhiên, không hề có sự giả vờ cá nhân nào ở đây. Mỗi khi được yêu cầu giải thích về lời nói táo bạo hoặc tính độc đáo trong hành vi của mình, Chúa Giêsu đều ẩn mình sau «Đấng đã sai Người», tức là Thiên Chúa của Do Thái. Nhưng chính xác là Người nói về Ngài và nhắc đến Ngài như thể Người có sự tiếp xúc trực tiếp, ngay lập tức với Ngài, thậm chí không cần qua trung gian là truyền thống của Do Thái. Người khẳng định mình lấy thông tin trực tiếp từ nguồn.

Điều này thể hiện rõ trong lời cầu nguyện của Người. Hoàn cảnh, địa điểm và thái độ cầu nguyện của Chúa Giêsu dường như không có gì mới lạ. Người cầu nguyện với Thánh Vịnh, giống như mọi người Do Thái có đức

tin, Người được Thiên Chúa ban phước liên tục : «Chúc tụng Thiên Chúa, Thiên Chúa là Đáng...» Tuy nhiên, những người thân của Người nhanh chóng cảm nhận rằng, trong thâm tâm lời cầu nguyện của Người, có điều gì đó mà họ không thể chia sẻ trọn vẹn, sự tiếp xúc trực tiếp và ngay lập tức này với Đáng mà Chúa Giêsu thậm chí còn gọi là «Cha».

Chúa Giêsu, người tự do

Chúa Giêsu là người tự do. Và lời cầu nguyện của Người dường như chính là nguồn gốc cho sự tự do của Người. Mỗi quan hệ của Người với Chúa Cha giải thoát Người khỏi cám dỗ thần thánh hóa mọi thứ không phải là Chúa. Ngay cả Lễ Luật cũng không phải là Thiên Chúa. Và Chúa Giêsu đã tự do diễn giải lại mọi sự theo ánh sáng của sự chắc chắn cơ bản này : Chúa Cha là tất cả đối với Người và Người là tất cả đối với Chúa Cha. Vì vậy, «phần còn lại» không phải là không có gì, nhưng nó có thể được đặt lại đúng vị trí của nó tùy thuộc vào việc nó có thể là nơi chốn và phương tiện để hiệp thông với Thiên Chúa hay không.

Ngày nay, một số người cho rằng mỗi quan hệ này với Chúa Cha là xa lạ với Chúa Giêsu. Họ tin rằng Người không thể được tự do vì Người dường như đang tuân theo một kế hoạch đã được định sẵn. «Điều đó

là cần thiết», Người liên tục nói, ám chỉ đến những gì được viết về Người trong các sách thánh. Nhưng Kinh Thánh, như chúng ta đã thấy, không phải là một chương trình rõ ràng và hạn chế. Từ Cựu Ước, một người nào đó ngoài Chúa Giêsu có thể đã vẽ ra một vận mệnh cứu thế hoàn toàn khác, chắc chắn là sáng chói hơn trong mắt con người. Chúa Giêsu giải thích Kinh Thánh rất tự do dựa theo các sự kiện, cuộc gặp gỡ và trên hết là nhận thức về sứ mệnh của Người. Khi đám đông lang thang không có người chăn trong sa mạc không có bánh, hoặc khi trẻ em tung hô Người trong Đền Thờ, hoặc khi mọi thứ, ngược lại, dường như đều chống lại Người, thì đoạn văn này hay đoạn văn kia trong Kinh Thánh trở nên có ý nghĩa với Người. Không phải như một chương trình được thiết lập trước và hạn chế, nhưng vì Chúa Giêsu tự do nhận ra trong đó, ngay lúc đó, đối với Người, biểu hiện hữu hình của tình yêu thương của Chúa Cha.

Chúa Giêsu không phải là món đồ chơi của số phận, cũng không phải là diễn viên chính trong một vở kịch mà các vai diễn đều đã được định sẵn từ trước. Về cơ bản, nó miễn phí. Ràng buộc duy nhất của Người là sự cấp thiết phải yêu thương («để thế gian biết rằng Ta yêu Cha», Ga 14.31). Cũng như tất cả những ai xác định mình có mối quan hệ với Người, bao gồm cả Giu-đa, kẻ phản bội Người. Nói rằng «Đã có lời chép» không

phải là để loại bỏ hay giảm nhẹ trách nhiệm của những người tham gia vào thảm kịch này. Câu này chỉ muốn nói rằng không có điều gì, ngay cả tội lỗi, có thể khiến Thiên Chúa ngạc nhiên. Chúa Giêsu không bị Chúa Cha «khuất phục». Những người đàn ông sẽ muốn khuất phục Người và sẽ đóng đinh Người vào cây thánh giá. Chúa Cha, Ngài không thống trị hay đè bẹp bất cứ ai, đặc biệt là Chúa Con Duy Nhất. Chúa Giêsu là người «vâng phục» (Pl 2.8), điều này hoàn toàn khác : Người lắng nghe Chúa Cha, Người chia sẻ kế hoạch của Chúa Cha, Người tha thiết với ý muốn của Chúa Cha, «Nước Cha trị đến», cũng như Chúa Cha chia sẻ sự dữ mà Chúa Con tự hiến, và tham gia vào Cuộc Khổ Nạn của Chúa Con.

Chính sự tự do này, có nguồn gốc từ chính Thiên Chúa, mà người sẽ không tha thứ Chúa Giêsu.

«Ông ta đã phạm thượng !»

Cuộc xung đột dẫn đến phiên tòa xét xử và cái chết của Người trước hết và quan trọng nhất là một cuộc xung đột tôn giáo. Chúng ta có thể nhầm lẫn làm ngơ trước việc không tuân thủ các yêu cầu pháp lý. Chúa Giê-su không phải là người duy nhất thấy mình vi phạm Lễ Luật, hoặc thậm chí giải thích Lễ Luật theo cách khác. Nhưng điều không thể chấp nhận được là Người

che đậy sự tảo bạo của mình bằng chính thẩm quyền của Thiên Chúa. Điều này đang trở thành sự phạm thượng. Bằng cách kể lại một trong nhiều sự việc do Chúa Giêsu chữa lành cho một người vào ngày Sa-bát, thánh sử Gioan cho thấy rõ ràng rằng Chúa Giêsu chỉ làm trầm trọng thêm vụ việc của mình bằng cách tuyên bố tiếp tục công việc của Đấng Tạo Hóa : «Người không những vi phạm ngày Sa-bát, mà còn gọi Thiên Chúa là Cha của mình, tự cho mình ngang hàng với Thiên Chúa» (Ga 5.18). Trớ trêu thay, Chúa Giêsu xuất hiện như một người của Thiên Chúa mà lời nói và hành vi của Người khiến Người xung đột trực tiếp với những người mà theo Người, đáng lẽ phải đại diện chính quyền năng của Thiên Chúa. Do đó, cuộc tranh cãi trở nên gay gắt.

Người Kitô hữu hát bài Khổ nạn

*Đức Giê-su Ki-tô vốn dĩ là Thiên Chúa
mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị
ngang hàng với Thiên Chúa,*

*nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang
mặc lấy thân nô lệ,
trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế.*

*Người lại còn hạ mình,
vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết,
chết trên cây thập tự.*

*Chính vì thế, Thiên Chúa đã siêu tôn Người
và tặng ban danh hiệu
trổi vượt trên muôn ngàn danh hiệu.*

*Như vậy, khi vừa nghe danh thánh Giê-su,
cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ,
muôn vật phải bái quỳ;*

*và để tôn vinh Thiên Chúa Cha,
mọi loài phải mở miệng tuyên xưng rằng :
«Đức Giê-su Ki-tô là Chúa».*

Pl 2.6-11.

Do đó, phiên tòa xét xử Chúa Giêsu trước hết và quan trọng nhất là một phiên tòa tôn giáo. Các nhà chức trách tôn giáo đã chủ động : các thầy tế lễ thượng phẩm và «các trưởng lão trong dân» đã ra lệnh bắt Chúa Giêsu bằng cách cử quân đội Đền thờ vào ban đêm để bắt Người. Chính vị tư tế thượng phẩm Caiaphas là người chủ trì cuộc thẩm vấn, và trước Công đồng lớn, Tòa công luận Sanhedrin do ông chủ trì, các nhân chứng

tiềm năng đã đến để buộc tội Chúa Giêsu đã đưa ra những phát biểu mang tính lật đổ Đền thờ : Người đã loan báo về sự sụp đổ và trỗi dậy của Đền thờ, như thể điều đó chỉ phụ thuộc vào một cử chỉ từ phía Người.

Một phiên tòa trá hình như một phiên tòa chính trị

Nhưng ở một đất nước chịu sự cai trị của chính quyền La Mã, lời buộc tội phạm thượng như vậy chỉ có thể trở thành sự lên án theo ý muốn của thống đốc. Chỉ mình ông nắm giữ «quyền sử dụng gươm», quyền sống và quyền chết. Và thế là các nhà chức trách Đền thờ đã khéo léo chuyển hướng xung đột tôn giáo của họ thành hoạt động lật đổ chính trị : Chúa Giêsu gây rối trật tự công cộng, đe dọa quyền lực của Caesar. Ông ta thậm chí còn nói mình là vua ! Lời buộc tội này, Chúa Giêsu «vua dân Do Thái», là cách diễn giải vụng về hoặc ác ý về lời của Chúa Giêsu về «Vương quốc Thiên Chúa» sẽ đến, sẽ được Phi-lát mang đi một cách mỉa mai, người sẽ cho đóng dấu trên thập tự giá của Chúa Giê-su.

Bởi vì chính ông là người cuối cùng tuyên án tử hình. Thập giá là hình phạt của người La Mã. Chính Chúa Giêsu, người chứng kiến nhiều cuộc đóng đinh những nô lệ nổi loạn hoặc những chiến binh mang vũ khí trên tay, đã gọi lên sự tra tấn này : Người nói rằng mọi người

đều được mời vác thập giá của Người. Người có linh cảm rằng mình thậm chí sẽ không bị xử tử như các ngôn sứ thời xưa đã bị ném đá. Bằng cách đóng đinh Người như một kẻ khủng bố, họ thậm chí còn muốn cướp đi cái chết của Người. «Người bị kẻ vào hàng tội phạm» (Is 53.12, trích dẫn trong Lc 22.37).

Một đảng cứu thế bị đóng đinh

Người Do Thái cầu xin phép lạ và người Hy Lạp tìm kiếm sự khôn ngoan ; nhưng chúng ta rao giảng cho chính mình một Đấng Kitô bị đóng đinh, là sự vấp phạm đối với người Do Thái và sự điên rồ đối với dân ngoại, nhưng đối với những người được kêu gọi, cả người Do Thái lẫn người Hy Lạp, thì Người là Đấng Kitô, là quyền năng của Thiên Chúa và là sự khôn ngoan của Ngài. Vì sự điên dại của Thiên Chúa thì khôn ngoan hơn loài người, và sự yếu đuối của Thiên Chúa thì mạnh mẽ hơn loài người.

1 Cr 1.22-25.

Mỗi người trong bốn nhà Thánh sử đã kể lại cách dài dòng vụ bắt giữ, phiên tòa xét xử và vụ giết Chúa Giêsu. Đến mức Tin Mừng của họ có thể xuất hiện như những lời tường thuật về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, được mở đầu bằng những sự kiện chuẩn bị và làm sáng tỏ cuộc khổ nạn đó như thể có một lời giới thiệu. Chính qua những văn bản này, mang tính phụng vụ hơn là giai thoại, mà các cộng đồng tưởng nhớ đến cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Và chính tại đó, ngoài lễ kỷ niệm, chúng ta tìm thấy cốt lõi của sự kiện : những người tham gia, người Do Thái và người La Mã, các phiên tòa xét xử tôn giáo và chính trị, với sự phê chuẩn của quần chúng, cùng những cảnh tượng phần nô và chế giễu từ phía những người lính.

Trong vài giờ, vấn đề đã được giải quyết. Mọi người dường như đang hòa giải với nhau trên lưng Chúa Giêsu. Những nhân chứng gian đã được tìm thấy, các tông đồ đã biến mất, tiếng reo hò của đám đông đã nhường chỗ cho những tiếng kêu căm thù được dàn dựng khéo léo: «Đóng đinh hắn đi ! Đóng đinh hắn đi !» (Mc 15.13-14). Phiên tòa được giải quyết nhanh chóng để không ảnh hưởng đến ngày Sa-bát của Lễ Vượt Qua. Và đúng vào giờ lễ Vượt Qua đang được chuẩn bị trong Đền Thờ, Chúa Giêsu bị lôi ra khỏi thành thánh và bị đóng đinh vào hai thanh gỗ. Đây rồi, chú cừ Phục sinh mới !

«Cuộc sống của tôi, chính tôi ban tặng nó»

Hơn nữa, Chúa Giêsu muốn nói trước ý nghĩa của vụ giết người này mà Người đã thấy trước. Người không chết một cách ngẫu nhiên. Người không bị tra tấn vì sự hiểu lầm. Rõ ràng là nếu Người thực hiện những gì Người phải làm và phải nói, nếu Người kiên trì rao giảng về một Thiên Chúa và lòng thương xót mà rất nhiều người không mong muốn, Người sẽ phải tỉnh táo đối mặt với nguy cơ bị từ chối và giết chết. Nhưng Người không thể không yêu cho đến cùng.

Đây là lý do tại sao Người muốn bạn bè mình hiểu được logic sâu xa của con đường dẫn đến cái chết này. Đằng sau chuỗi sự kiện này, có một kế hoạch riêng của Người : «Không ai lấy được mạng sống của tôi, nhưng chính tôi tự hy sinh» (Ga 10.18). Bằng cách chấp nhận rủi ro tử vong, Người đã nói lên điều gì và Người đã cống hiến cuộc đời mình cho ai. Cái chết của Người là sự lựa chọn, nó đóng dấu xác thực cho toàn bộ cuộc đời cống hiến để nói rằng Thiên Chúa không yêu thương nữa rồi.

Ngay ngày trước khi chết, vài giờ trước khi bị bắt tại Vườn Gethsemane, Chúa Giêsu đã nói tất cả những điều này theo một cách rất cụ thể : cầm trên tay bánh và rượu theo truyền thống được dâng lên Thiên Chúa để

ban phước, Người nói rõ với bạn bè của mình : «Đây là mình Ta, đây là Ta, đây là sự sống của Ta, đây là máu Ta, như sắp đổ ra» Ở đó, hy lễ đã không còn là một cử chỉ tượng trưng để trở thành một ân huệ cá nhân, một cam kết xác thịt, một cuộc sống thực sự được bộc lộ và công hiến.

Hiến tế vì anh em... máu đổ ra vì anh em

Khi giờ đã đến, Đức Giê-su vào bàn, và các Tông Đồ cùng vào với Người. Người nói với các ông : «Thầy những khát khao mong mỗi ăn lễ Vượt Qua này với anh em trước khi chịu khổ hình. Bởi vì, Thầy nói cho anh em hay, Thầy sẽ không bao giờ ăn lễ Vượt Qua này nữa, cho đến khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa». Rồi Người nhận lấy chén, dâng lời tạ ơn và nói: «Anh em hãy cầm lấy mà chia nhau. Bởi vì, Thầy bảo cho anh em biết, từ nay, Thầy không còn uống sản phẩm của cây nho nữa, cho đến khi Triều Đại Thiên Chúa đến». Rồi Người cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra, trao cho các ông và nói : «Đây là mình Thầy, hiến tế vì anh em. Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy». Và tới tuần rượu cuối bữa ăn, Người cũng làm như vậy và nói : «Chén này là giao ước mới,

lập bằng máu Thầy, máu đổ ra vì anh em».

Lc 22.14-20.

7. Đã Phục sinh và sống lại

Chết và chôn cất. Không ai tranh cãi về cái chết cũng như việc giết chết một cách nhục nhã của Chúa Giêsu. Ngôi mộ của Người được biết đến, giống như ngôi mộ của Abraham hay David. Sau này, người ta thậm chí còn đến đó để hành hương.

«Người còn sống !»

Nhưng những Kitô hữu, những người tưởng nhớ người sáng lập của họ, biết rằng Người vẫn còn sống. Và không chỉ sống trong ký ức của họ, giống như Socrates sống trong thư viện của chúng ta và trong tất cả những người ông ảnh hưởng, hay như Mozart sống lại dưới sự chỉ huy của nhạc trưởng. Đối với những người Kitô hữu, nói rằng Chúa Giêsu còn sống là khẳng định rằng Người thực sự đã sống lại từ cái chết thực sự, rằng chúng ta có thể đổi mới mối quan hệ của mình với Người, rằng sự phục sinh này không chỉ là một niềm tin an ủi nhưng là một sự kiện lỗi thời trong lịch sử của chúng ta, và ngôi mộ của Chúa Giêsu hiện đã mở và trống rỗng. Việc không có xác Chúa Giêsu trong ngôi mộ có liên quan đến sự hiện diện mới của Người giữa dân Người : «Hãy nhìn nơi họ đã đặt Người, những người phụ nữ đến vào lúc rạng sáng ngày thứ ba để

tôn kính một xác chết sẽ nghe họ nói với nhau. Người không còn ở đây nữa. Hãy đến với anh em của bạn. Người đang đợi bạn».

«Chúng tôi đã thấy Người !»

Vì thế, đức tin vào sự phục sinh của Chúa Giêsu dựa trên những nhân chứng. Họ làm chứng rằng họ không chỉ nghe sứ điệp này và nhìn thấy ngôi mộ trống, mà họ còn gặp Chúa Giêsu : Người đã chủ động đến với họ, để tỏ mình ra. Không phải đức tin của họ, đức tin đã chết trên thập tự giá, khiến họ tin rằng Chúa Giêsu chỉ có thể sống. Chính Chúa Giê-su hằng sống đã phục hồi đức tin của họ. Các sách Tin Mừng nói về sự đảo ngược này, về sự hoán cải này, mặc dù nó không phải là điều hiển nhiên. Sự sốc này lớn đến nỗi một số người còn nghi ngờ (Mt 28.17).

Trước hết là Phêrô, nhưng cũng là những người phụ nữ trở về từ ngôi mộ trống, hai môn đệ trên đường Emmau, và trên hết là các tông đồ, với tư cách là một thân thể được cấu thành, đã trải nghiệm cuộc gặp gỡ này. Và đối với họ, nó giống như một ơn gọi thứ hai, một tiếng gọi mới. Được an ủi và củng cố đức tin, họ được giao sứ mệnh công bố cho toàn thể giới tin vui : Người đã sống lại.

Ngài hiện ra với Kê-pha, rồi với Nhóm Mười Hai

Ngay cả trước khi các sách Tin Mừng được viết ra, Phao-lô đã làm chứng :

Thưa anh em, tôi xin nhắc lại cho anh em Tin Mừng tôi đã loan báo và anh em đã lãnh nhận cùng đang nắm vững. Nhờ Tin Mừng đó, anh em được cứu thoát, nếu anh em giữ đúng như tôi đã loan báo, bằng không thì anh em có tin cũng vô ích. Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là : Đức Ki-tô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Kinh Thánh, rồi Người đã được mai táng, và ngày thứ ba đã trỗi dậy, đúng như lời Kinh Thánh. Người đã hiện ra với ông Kê-pha, rồi với Nhóm Mười Hai. Sau đó, Người đã hiện ra với hơn năm trăm anh em một lượt, trong số ấy phần đông hiện nay còn sống, nhưng một số đã an nghỉ. Tiếp đến, Người hiện ra với ông Gia-cô-bê, rồi với tất cả các Tông Đồ. Sau hết, Người cũng đã hiện ra với tôi, là kẻ chẳng khác nào một đứa trẻ sinh non. Thật vậy, tôi là người hèn mọn nhất trong số các Tông Đồ, tôi không đáng được gọi là Tông Đồ, vì đã ngược đãi Hội Thánh của Thiên Chúa.

1 Cr 15.1-9.

Những người khác sau họ cũng sống theo Thánh Linh của Chúa Giêsu, sẽ lần lượt trải nghiệm sự hiện diện sống động của Thiên Chúa. Nhưng các tông đồ đầu tiên vẫn là những chứng nhân cho sự liên tục theo một cách đặc biệt. Những người bạn đồng hành của Chúa Giêsu từ khi Người chịu phép rửa bởi Gioan Tẩy Giả cho đến khi Người bị bắt, chịu chết và phục sinh, họ chứng thực rằng thực sự là như nhau : Đáng bị đóng đinh đã phục sinh, và Chúa phục sinh mà họ tôn kính vẫn mãi mãi là Đáng bị đóng đinh, là Đáng đã yêu thương đến cùng. Cuộc sống của Người hoàn toàn mới, cách hiện diện của Người cũng mới, nhưng vẫn vậy. Vì vậy, họ có vai trò sáng lập nên Giáo hội. Chính nhờ đức tin của họ mà các thế hệ sau, những người chưa từng thấy mà đã tin, sẽ tin (Ga 20.29).

Thời gian đã được hoàn thành

Vào thời Chúa Giêsu, những người Do Thái sùng đạo nhất tin vào sự phục sinh của người chết. Họ mong đợi điều đó xảy ra vào thời điểm tận thế, khi tất cả những người công chính tụ họp trước mặt Thiên Chúa. Vì vậy, việc công bố Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết là khẳng định rằng thời gian đã trọn, rằng ngày tận thế đã được khai mạc, rằng Chúa Giêsu là «người đầu tiên sống lại từ cõi chết» (Cl 1.18), «Người làm trưởng tử giữa một

đàn em đông đúc» (Rm 8.29). Thiên Chúa khai mở ơn cứu độ vĩnh cửu nơi Chúa Giêsu.

Bởi vì những Kitô hữu đầu tiên nhấn mạnh vào sáng kiến của Thiên Chúa trong sự phục sinh của Chúa Giêsu. Dân chúng thành Giêrusalem và các nhà lãnh đạo của họ đã từ chối Người và giết Người, giao nộp Người cho Philatô ; Thiên Chúa đã khiến Người sống lại (Cv 2.23-24). Ngay cả ở đó, Thiên Chúa cũng biểu lộ rõ ràng nhất rằng Ngài là Thiên Chúa, nguồn mạch của mọi sự sống, rằng Ngài là Cha : Ngài đã cho Chúa Giêsu, Con của Ngài, sống lại, theo như lời Thánh Vịnh đã loan báo: «Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con» (Cv 13.33).

Hoàng tử của sự sống

Tại Đền thờ Giê-ru-sa-lem, Phêrô đã thuyết giảng cho mọi người :

Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob, Thiên Chúa của cha ông chúng ta, đã tôn vinh Tôi tớ Người là Chúa Giêsu, Đấng mà anh em đã nộp và từ chối trước mặt Philatô, người đã quyết định thả Người. Anh em đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công Chính và tự cho mình lòng thương xót của một kẻ giết người. Chúa

tể sự sống, Đáng mà anh em đã giết, Thiên Chúa đã khiến Người sống lại từ cõi chết, chúng tôi là người làm chứng về điều đó.

Cv 3.13-15.

Thiên Chúa đã tôn vinh Người

Sự phục sinh này, công trình của Chúa Cha, Đáng đã đặt trọn tình yêu của Ngài vào Con Ngài, do đó không phải đối với Chúa Giêsu là sự trở về quá khứ, một sự hồi sinh tạm thời đơn giản, như đối với người bạn của Người là Lazarus, hay đối với người con trai của góa phụ thành Nain. Các tông đồ nhận thấy rằng người kết nối lại với họ, người kết nối lại với mọi thứ họ đã cùng nhau trải qua, giờ đây đang ở trong cuộc sống vĩnh cửu. Người «ở cùng Thiên Chúa». Thiên Chúa đã «nâng cao» Người (Pl 2.9), «làm cho vinh hiển» Người (Cv 3.13). Đây là một loại lễ đăng quang, trong đó lễ đăng quang của các vị vua Do Thái trong quá khứ vẫn là hình ảnh và điềm báo : Chúa Giêsu giờ đây ngự trên ngai vàng như Chúa của toàn thể nhân loại. «Ngài ngự bên hữu Đức Chúa Cha», người Kitô hữu sẽ hát trong Kinh Tin Kính.

Mọi việc đều có ý nghĩa

Và chiến thắng trước cái chết này sẽ soi sáng toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu sau này. Chẳng phải Người đã là người chiến thắng các thế lực của cái chết, là người chiến thắng cái ác dưới mọi hình thức hay sao ? Sự chữa lành, sự tha thứ tội lỗi, sự xua đuổi ma quỷ, đã biểu hiện trước quyền năng của sự sống và sự phục sinh, cuối cùng bùng nổ trong sự phục sinh của chính Chúa Giêsu. Mọi người đều ngạc nhiên khi thấy Người có sức mạnh như vậy. Hiệu quả sáng tạo của cử chỉ và lời nói của Người là sự mong đợi, trong suốt cuộc hành trình trần thế của mình, về sức mạnh của sự sống sắp diễn ra trong sự phục sinh của chính mình. Chúa Giêsu, Đáng mà Thiên Chúa sẽ «cho sống lại từ cõi chết», chính là Đáng luôn nói với những ai đến gần Người : «Hãy đứng dậy, chỗi dậy, đứng dậy, hãy sống lại !» Trong Người, trong những cử chỉ nhỏ nhất của Người, đã có sức mạnh sự sống của Thiên Chúa, Cha của Người, hoạt động. Chúa Giêsu đã nhập thể cho tất cả những điều này, Thiên Chúa muốn làm cho con người sống, muốn hồi sinh.

Nếu không có sự phục sinh...

Nếu kẻ chết không sống lại, thì Đức Ki-tô đã không trỗi dậy. Mà nếu Đức Ki-tô đã không trỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng. Thế ra chúng tôi là những chứng nhân giả của Thiên Chúa, bởi vì đã chống lại Thiên Chúa mà làm chứng rằng Người đã cho Đức Ki-tô trỗi dậy, trong khi thực sự Người đã không cho Đức Ki-tô trỗi dậy, nếu quả thật kẻ chết không trỗi dậy. Vì nếu kẻ chết không trỗi dậy, thì Đức Ki-tô cũng đã không trỗi dậy. Mà nếu Đức Ki-tô đã không trỗi dậy, thì lòng tin của anh em thật hão huyền, và anh em vẫn còn sống trong tội lỗi của anh em. Hơn nữa, cả những người đã an nghỉ trong Đức Ki-tô cũng bị tiêu vong. Nếu chúng ta đặt hy vọng vào Đức Ki-tô chỉ vì đời này mà thôi, thì chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người. Nhưng không phải thế ! Đức Ki-tô đã trỗi dậy từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu.

1 Cr 15.13-20.

Từ đó trở đi, sự phục sinh của Chúa Giêsu sẽ cho phép các tông đồ trả lời câu hỏi khó chịu đã làm phiền tất cả những người theo Người : «Nhưng người này là ai ?» Sức mạnh này đến từ đâu ? Người là ai mà gió và biển phải tuân lệnh người? Anh ta nghĩ mình là ai khi tha thứ những tội lỗi như thế này ?»

Toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu, cử chỉ và lời nói của Người, đều hướng về Đấng mà Người đã có được mọi thứ. Phiên tòa xét xử và tra tấn đã chứng minh rõ ràng rằng Người bị từ chối vì Người tuyên bố có mối quan hệ độc nhất và khó hiểu với Đấng mà mọi người gọi là Thiên Chúa. Sự phục sinh của Người, đối với những ai có mắt để thấy, chứng thực cho mối quan hệ và sự thân mật này. Vì thế, chính từ sự phục sinh mà các môn đệ, như thể đang quay lại, đã có thể nhận thức được ý nghĩa và những điều quan trọng trong toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu. Từ đó trở đi, đối với họ, Tin Mừng đã trở thành tin tốt lành.

8. Chúa Giê-su nói về Thiên Chúa

Có những cuộc đời biết lên tiếng. Và có những người mà cuộc sống của họ «chẳng nói cho chúng ta biết điều gì cả». Nhiều thập kỷ sau khi Chúa Giêsu chết và phục sinh, Thánh Gioan, Thánh sử, suy ngẫm về những gì ông chứng kiến, cùng với cộng đồng các tông đồ. Và toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu dường như có ý nghĩa và mang tính biểu tượng đối với ông : không chỉ những lời của Thầy mà ông trung thành tường thuật lại, mà cả cách sống, cử chỉ của Người. Cuộc đời của Người là một lời, không chỉ là lời chỉ định và kể lại, mà còn là lời có tác động, có làm nên, có sáng tạo, có giải phóng. Hơn nữa, chính con người của Chúa Giêsu, bản thể sâu thẳm nhất của Người, chính là Lời. Ngài chính là Ngôi Lời. Từ Thiên Chúa, Ngài là Lời được ban cho và giữ gìn. Ngài là Thiên Chúa giữ lời hứa.

Thiên Chúa như cuốn sách mở

«Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử. Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn vật muôn loài» (Dt 1.1-2). Các ngôn sứ không phải

là những nhà tiên tri tìm cách mô tả tương lai. Đây là những người phát ngôn «nhân danh Chúa». «Ta đặt lời Ta trong miệng ngươi» Chúa phán với Giê-rê-mi-a đầy sợ hãi (Gr 1.9). Ngôn sứ nhận ra và tiết lộ sự hiện diện của Thiên Chúa ngày nay. Ông nói về dự án nghiên cứu lịch sử loài người. Ông cảm nhận được mong muốn của Thiên Chúa và diễn đạt cụ thể bằng cử chỉ và lời nói.

Không ai biết Chúa Cha, ngoại trừ Chúa Con

Ngay giờ ấy, được Thánh Thần tác động, Đức Giê-su hớn hở vui mừng và nói : «Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha. Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết người Con là ai, trừ Chúa Cha, cũng như không ai biết Chúa Cha là ai, trừ người Con, và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho».

Lc 10.21-22.

Theo nghĩa này, cuộc đời của Chúa Giêsu mang tính tiên tri, và cuộc đời của các Kitô hữu, trong Giáo hội, dân của các vị tiên tri, cũng có thể mang tính tiên tri sau Người. Bằng cách tiếp tục nghiên cứu cuộc đời của Chúa Giêsu trong suốt hai mươi thế kỷ, các Kitô hữu không chỉ tìm thấy ở đó lời dạy, lời khuyên, nghệ thuật sống mà còn cả sự mặc khải về bản chất của Chúa. «Chưa hề có ai thấy Thiên Chúa ; nhưng Con Một là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, Đấng thấu suốt mầu nhiệm của Thiên Chúa, đã mặc khải cho chúng ta» (Ga 1.18). Vì vậy, khi Chúa Giêsu chào đón, chữa lành, dạy dỗ, tha thứ hoặc chia sẻ bánh, Người nói lên Thiên Chúa là ai, là Đấng ban sự sống và phục sinh. Cuộc đời của Chúa Giêsu là Thiên Chúa như một cuốn sách mở. «Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống. Không ai đến được với Cha mà không qua Ta» (Ga 14.6).

Tất cả là Chúa Cha !

Và không chỉ, như chúng ta đã thấy, trong những cử chỉ ngoạn mục hoặc kỳ lạ, như khi Người ra lệnh cho quỷ dữ hoặc cơn bão một cách đầy uy quyền. Nhưng cũng khi Người tỏ ra rất nhân đạo với những đứa trẻ hư, hoặc với bé gái mà Người vừa cho sống lại : Người khuyên đừng quên cho em bé ăn (Mc 5.43). Nơi đó, Người cũng nói Thiên Chúa là ai.

Thậm chí nơi Người là con người nhất Người nói lên nhiều điều nhất. Trước sự thử thách, tra tấn và cái chết của Chúa Giêsu, không ai có thể phủ nhận sự thật về nhân tính của Người. Bị đóng đinh trên thập tự giá, theo cách không thể chối cãi nhất, Người là một thành viên trọn vẹn của nhân loại dễ bị tổn thương này. Và chính xác là ở đó, khi Chúa Giêsu yêu thương đến cùng, đến mức chấp nhận cái chết, thì Người giống Thiên Chúa nhất với lòng khao khát ban tặng và thể hiện chính mình. Đây là tất cả những gì là Chúa Cha ! Thập giá của Chúa Giêsu không mâu thuẫn với Thiên Chúa mà Người muốn bày tỏ trong suốt cuộc đời Người ; nó bộc lộ trọn vẹn con người Người ở nơi sâu thẳm nhất trong trái tim Người. Trước Chúa Giêsu chịu đóng đinh, các Kitô hữu có can đảm hát rằng : «Người là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình». (Cl 1.15). Vì trên khuôn mặt của Đấng bị đóng đinh, họ có thể đọc được trong ánh sáng đầy đủ Thiên Chúa là Đấng yêu thương đến cùng.

Ngôi Lời nhập thể

Truyền thống Do Thái đã suy ngẫm sâu rộng về Lời Chúa. Sách Sáng Thế làm chứng cho điều này : lúc khởi đầu mọi sự, Thiên Chúa phán, và mọi điều Ngài phán, trời và đất, ánh sáng, rồi sự sống, tất cả đều hiện hữu bởi quyền năng duy nhất của lời này. Và người dân Do

Thái lặp lại kinh nghiệm này trong suốt lịch sử của họ : chỉ bằng lời của mình, Thiên Chúa giải thoát dân Ngài khỏi Ai Cập, hay khỏi Babylon, Ngài dẫn dắt họ, nuôi dưỡng họ, quản lý họ. Ngài tỏ ra cho họ mình là một đồng minh, một đối tác, một người bạn và thậm chí là một người chồng rất yêu thương vợ. Vì thế, Lời Chúa là sự gần gũi, lòng trung tín, sự dịu dàng, sự chắc chắn về sự hiện diện và giao ước của Ngài.

Lời cuối cùng và quyết định

Bằng cách ban cho chúng ta Chúa Con như Ngài đã làm, là Lời cuối cùng và quyết định của Ngài, Thiên Chúa đã nói với chúng ta mọi điều cùng một lúc, và Ngài không còn gì để nói nữa... Những gì Ngài đã từng nói trong những lời tuyên bố riêng biệt, qua các n gon sứ, thì giờ đây Ngài đã nói trọn vẹn, bằng cách ban cho chúng ta mọi điều trong Chúa Con. Kết luận rằng mong muốn có những khái tượng và sự mặc khải theo Lễ Luật mới không chỉ là làm những điều ngu ngốc mà còn xúc phạm đến Thiên Chúa, vì khi làm như vậy, mắt chúng ta không chỉ hướng về Chúa Kitô mà không tìm kiếm điều gì mới mẻ.

Thánh Gioan Thánh Giá,
Lên núi Carmel, 2.20.

Lời sáng tạo, giải thoát và yêu thương này, mà các môn đệ của Chúa Giêsu nhận ra nơi Người. Người là Ngôi Lời vĩnh cửu và duy nhất của Chúa Cha, là Đấng đã dùng để tạo dựng thế gian (Dt 1.2) và lãnh đạo dân Ngài. Trong Chúa Giêsu, lời này đã thành hình. Lời không là những chữ rời rạc, luôn có chút xa cách. Lời đã trở thành cuộc sống của một người, gần gũi, hữu hình và dễ bị tổn thương. «Ngôi Lời đã trở nên xác thịt», Gioan tuyên bố (Ga 1.14).

Và theo cách này, cuộc đời của một người đã trở thành lời của Chúa. Sự kiện cuộc đời của Chúa Giêsu, qua những cử chỉ bình thường nhất và thậm chí trong chính cái chết của Người, có thể nói về Thiên Chúa, cho thấy rằng từ nay trở đi, mọi cuộc sống con người, bằng cách lặp lại những cử chỉ tương tự, bằng cách được truyền cảm hứng bởi cùng một hành vi, được thúc đẩy bởi cùng một Thánh Thần, cũng sẽ có thể phản ánh điều gì đó của cùng một Thiên Chúa này, trong mong muốn chia sẻ và hiệp thông của Người.

Một vị thần khác

Những gì Chúa Giêsu nói về Thiên Chúa, qua cả cách cư xử lẫn lời dạy của Người, đều thách thức mọi ý niệm có sẵn. Cho đến khi Chúa Giêsu, kể cả trong truyền thống Do Thái, tuyên bố rằng Thiên Chúa là Thiên Chúa

có nghĩa là cần phải đặt Ngài xa cách. Người ta nhắc lại một cách có lý rằng con người không được tự cho mình là Thiên Chúa. Điều này cũng có nghĩa là Thiên Chúa, là nguồn gốc của mọi sự và là Đấng dẫn dắt mọi sự bằng sự quan phòng của Ngài, không coi mình là con người, trong sự yếu đuối và dễ bị tổn thương của con người. Chúng ta không tưởng tượng được rằng mong muốn gần gũi và liên minh có thể đi xa đến thế. «Thật vậy, tư tưởng của Ta không phải là tư tưởng của các người, và đường lối các người không phải là đường lối của Ta - sấm ngôn của ĐỨC CHÚA» (Is 55.8).

Bí ẩn Thiên Chúa được mặc khải trong khiêm nhường của Đức Kitô

Thiên Chúa là chính mẫu nhiệm của tình yêu điều không thể hiểu được tạo nên Ngài trong Bản thể vĩnh cửu của Ngài chỉ có thể được diễn đạt, diễn tả, tiết lộ, bằng sự nghèo khó, sự phụ thuộc và sự khiêm nhường của Chúa Kitô.

François Varillon

«Tổng hợp đức tin Công giáo»,

Tạp chí Nghiên cứu, tháng 4 năm 1967, tr. 12.

Vì vậy, Chúa Giêsu là Thiên Chúa được phán ra hoàn toàn trong sự hiện hữu của con người, loại «nhập thể» này, đến từ Thiên Chúa trong xác thịt của chúng ta, mà truyền thống Kitô giáo gọi là «nhập thể», lật đổ, đảo ngược, hoán cải, tất cả những ý tưởng mà người ta có thể có về Thiên Chúa.

Thật khó có thể nói đến Thiên Chúa. Vì chúng ta chỉ nói bằng lời nói của con người, những lời nói được tạo ra để diễn tả cuộc sống của chúng ta : bánh mì và rượu, cha và mẹ, chiến tranh và hòa bình. Nếu thực sự, trong miệng chúng ta, những lời này nói lên điều gì đó về Thiên Chúa và công việc của Ngài, nếu, khi gọi lên mối quan hệ của chúng ta với tư cách là cha, mẹ, con cái, vợ chồng, chúng ta thực sự đạt đến một điều gì đó của Đấng Hoàn toàn Khác, thì hoặc là chúng ta đã phát minh ra Thiên Chúa theo khuôn mẫu của trải nghiệm con người, hoặc là Thiên Chúa thực sự đã tạo ra chúng ta theo hình ảnh của Ngài : cử chỉ và lời nói của chúng ta, thành quả của quá trình tiến hóa kéo dài hàng ngàn năm, khi đó chính là bằng chữ cái, được Thiên Chúa hình thành từ thời xa xưa, để một ngày nào đó tên của Ngài có thể được đánh vần trong cuộc sống của chúng ta. Các ngôn sứ trong Cựu Ước đã bắt chước Thiên Chúa trong cuộc sống của họ : chẳng hạn như Hô-sê vẫn tiếp tục yêu một người vợ không chung thủy, có nghĩa là Thiên Chúa

không chịu từ bỏ dân Do Thái. Dần dần, họ đã chuẩn bị tâm lý cho sự mặc khải về một Thiên Chúa gần gũi đến mức đáng xấu hổ. Trong sự mặc khải này, Chúa Giêsu là đỉnh cao. Trong suốt cuộc đời mình, Người luôn thể hiện sự gần gũi yêu thương mà cuối cùng Thiên Chúa đã nhận ra. Vì vậy, một trong hai điều sau đây : hoặc Người là kẻ chối bỏ Thiên Chúa lớn nhất, Người sẽ phá vỡ sự siêu việt uy nghiêm của Ngài, và đó là điều mà những kẻ muốn đàn áp Người đã nghĩ ; hoặc chính Thiên Chúa đang thúc đẩy mong muốn vượt giới hạn của Ngài vươn tới chúng ta.

9. Chúa Giê-su là Thiên Chúa

«Hắn cứu được thiên hạ, mà chẳng cứu nổi mình. Hắn là Vua Ít-ra-en ! Hắn cứ xuống khỏi thập giá ngay bây giờ đi, chúng ta tin hắn liền ! Hắn cậy vào Thiên Chúa, thì bây giờ Người cứu hắn đi, nếu quả thật Người thương hắn ! Vì hắn đã nói : «Ta là Con Thiên Chúa!» (Mt 27, 42-43). Vì thế các thầy cả đã chế giễu Chúa Giêsu trong lúc Người bị tra tấn. Đối với cả những người chống đối lẫn những người ủng hộ Người, Chúa Giê-su là người «tin cậy Chúa». Người chỉ nói về Chúa, toàn bộ cuộc đời Người hướng về Chúa, Người chỉ sống bởi Chúa và vì Chúa. Chính mối quan hệ độc đáo này nơi Người khiến người ta thích thú hoặc phẫn nộ, nhưng không ai phủ nhận rằng đây chính là chìa khóa cho sự tồn tại của Người.

Chỉ có Chúa là Chúa

Thiên Chúa là duy nhất : «Ta là Chúa, Thiên Chúa của ngươi..., ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta», Người phán với ông Môsê (Xh 20, 2-3). Không phải một vị thần nào trong số những vị thần khác, ngay cả vị thần quyền năng nhất, nhưng là vị thần duy nhất. Nếu Thiên Chúa này, Thiên Chúa của Do Thái, thực sự là Thiên Chúa, thì không có gì và không ai

khác là Thiên Chúa. Đây là «độc thần giáo», sự khẳng định về một Thiên Chúa duy nhất. Và nó mang tính giải phóng sâu sắc : con người không còn bị vướng vào bất kỳ thần tượng nào nữa, không phải Caesar và quyền lực của ông ta, không phải tiền bạc và sự quyến rũ của nó, không phải khả năng sinh sản và cạm bẫy của nó. Nếu Chúa thực sự là Chúa duy nhất, thì tất cả những điều này đều không phải là Chúa. Do đó, con người được tự do nhờ Chúa, tự do vì Chúa.

Bây giờ chính sự tự do này bùng nổ trong Chúa Giêsu. Mọi thứ đều chỉ là tương đối đối với Người, vì chỉ có Chúa là tuyệt đối. Thay vì phản đối «chủ nghĩa độc thần» của người Do Thái, ngược lại, Chúa Giêsu dường như là người đã sống theo tính duy nhất của Chúa đến mức Người cho phép thoáng thấy mối quan hệ độc nhất với Chúa, Đấng vẫn là Đấng duy nhất. Cách sống của Chúa Giêsu rất độc đáo, một sự độc đáo không tuyên bố điều gì cho riêng mình nhưng mọi sự đều dành cho Thiên Chúa, đến nỗi toàn bộ cuộc đời Người cho thấy rằng chính Người có mối quan hệ độc đáo với Thiên Chúa duy nhất này. Đây là điều mà Phaolô sẽ giải thích cho các cộng đồng Kitô hữu đầu tiên : «Đối với chúng ta chỉ có một Thiên Chúa, là Cha, Người là nguồn gốc của muôn vật và là Đấng chúng ta đi đến, và chỉ có một Chúa là Chúa Giêsu Kitô, nhờ Người mà muôn vật hiện

hữu và nhờ Người mà chúng ta hiện hữu» (1 Cr 8.6. Xem thêm Ep 4.6 ; 1 Tm 2.5 ; Ga 17.3). Và, trong Kinh Tin Kính của mình, các Kitô hữu sẽ tuyên bố rằng Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, là «Người là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, Ánh Sáng bởi Ánh Sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật» (Công đồng Nicaea, năm 325).

Kinh Tin Kính

*Tôi tin kính một Chúa Giêsu Kitô,
Con Một Thiên Chúa,
sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời :
Người là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa,
Ánh Sáng bởi Ánh Sáng,
Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật ;
được sinh ra mà không phải được tạo thành,
đồng bản thể với Đức Chúa Cha ;
nhờ Người mà muôn vật được tạo thành.*

Trong Kinh Tin Kính của Công đồng Nicaea (năm 325)
và Constantinople (năm 381).

Làm sao chúng ta có thể hiểu được mối quan hệ giữa Chúa Giêsu và Thiên Chúa, một mối quan hệ mà chúng ta có thể gọi Đức Kitô bằng chính danh hiệu của Thiên Chúa ? Người Kitô hữu thấy rõ đây không phải là sự nhân đôi của Chúa. Không có hai vị thần, hoặc ba người có Đức Thánh Linh. Nó cũng không phải là sự thay thế hay thế chỗ. Chúa Giêsu không đồng nhất mình với Chúa Cha, Người không dành chỗ của Thiên Chúa. Nhưng Người ấy có mối quan hệ đặc biệt với.

Từ Thiên Chúa...

Mối quan hệ này trước hết là mối quan hệ có nguồn gốc : Chúa Giêsu là Đấng đến từ Thiên Chúa, «từ Thiên Chúa», như thánh Gio-an đã nói. Không chỉ vì Người được Chúa sai đến, mà còn vì bản thể của Người từ chính Thiên Chúa. Đây chính là ý nghĩa của tiêu đề Con. Nhưng nguồn gốc này lại không có điểm khởi đầu. Sự tồn tại lịch sử trên trần gian của Chúa Giêsu giữa chúng ta có một điểm khởi đầu dễ nhận biết : Chúa Giêsu, con trai của Đức Maria, được sinh ra vào một ngày cụ thể. Nhưng sự hiện hữu của Người với tư cách là Con Thiên Chúa, bắt nguồn từ Chúa Cha, không có khởi đầu. Người hiện hữu, Ngài là, «từ lúc khởi đầu», giống như chính Thiên Chúa (Ga 1.1). Người là «khởi đầu» của mọi sự (Cl 1.18), với Thiên Chúa và giống

như Ngài. Nếu Người thực sự là Con Thiên Chúa, hoàn toàn là một với nguồn gốc, cội nguồn của Người, thì Người chỉ có thể luôn như vậy. Sự phục sinh của Chúa Giêsu, hay sự biến hình của Người, hay phép rửa tội của Người, hay chính sự thụ thai của Người, không phải là điểm khởi đầu của sự hiện hữu cha con của Người : chúng là sự mặc khải về điều đó, ngày càng sáng tỏ hơn, trong suốt sự hiện hữu của Người giữa chúng ta.

... hướng về Chúa

Chúa Giêsu đi về Thiên Chúa. Người hoàn toàn tập trung vào Chúa Cha, Đấng vừa là nguồn mạch vừa là niềm hy vọng của Người. Toàn bộ sự tồn tại của Người giữa chúng ta, lời nói, hành vi của Người, đều chứng minh cho sự hấp dẫn và sự phân cực này. Đây là sự chuyển động, quỹ đạo, động lực xuất hiện trong toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu : «Ta từ Chúa Cha mà đến và đến thế gian ; nhưng bây giờ Ta từ bỏ thế gian mà về cùng Chúa Cha» (Ga 16.28). Nhưng một lần nữa, cuộc hành trình giữa chúng ta này cho thấy một động lực sâu sắc hơn : chính trong bản thể của mình, trong bản thể vĩnh cửu của mình, mà Chúa Con vươn tới Chúa Cha, trong một trạng thái xuất thần. Đấng luôn nhận được chính mình từ Chúa Cha, từ muôn đời, sẽ «hướng về Chúa Cha» (Ga 1.1 và 18) trong một chuyển động ngạc

nhiên và tạ ơn. Từ sự xuất thân của lòng hiếu thảo này, cuộc đời của Chúa Giêsu là sự chuyển dịch, sự chuyển vị, sự nhập thể thành một con người.

Với Thiên Chúa và trong Ngài

Chúa Con nhận mọi sự từ Chúa Cha và hoàn toàn là món quà chính mình trao tặng cho Chúa Cha. Vì thế, Người luôn ở cùng Chúa Cha, và Chúa Cha luôn ở cùng Người, không hề có sự sai lệch nhỏ nhất. Và cuộc sống loài người của Người không thể tạo ra khoảng cách dù là nhỏ nhất ở đó. Chúa Giêsu không thể rời bỏ Chúa Cha, và Chúa Cha cũng không thể bỏ rơi Người. Sự gần gũi của họ đến mức Chúa Cha hiện diện và tham gia vào mọi hành động của Chúa Giêsu : «Anh không tin rằng tôi ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong tôi sao? Những lời tôi nói với anh em, tôi không tự mình nói ra. Nhưng Chúa Cha, Đấng ngự trong tôi, chính Ngài làm những việc của Ngài» (Ga 14.10).

Người là Thiên Chúa

Vì vậy, nhân danh mối quan hệ này, sự thân mật này, sự hiệp thông này, dường như việc gọi Chúa Giêsu bằng chính danh Thiên Chúa là điều hợp lý. Không phải trong sự nhầm lẫn về ngôi vị : Chúa Giêsu không tự nhận mình là Chúa Cha, cũng như Chúa Thánh Thần, «Đấng

bảo vệ khác» mà Chúa Cha sai đến cho chúng ta (Ga 14.16), không tự nhận mình là Chúa Giêsu. Chúa Giêsu không thay thế vị trí của Thiên Chúa. Nhưng Người hành động đến mức độ này trong danh Ngài, đến mức độ này Người là sự hiện diện của Ngài, khuôn mặt của Ngài, lời nói của Ngài, Lời của Ngài, đến mức độ này Người là một với Đấng là nguồn gốc của Người, mà trung thành với sự mặc khải này, các môn đệ của Người đã có thể gọi chính Người là «Thiên Chúa».

Tân Ước đã chứng thực điều này. Gio-an, môn đệ gần gũi nhất, đã truyền lại cho chúng ta lời kêu cầu đức tin của tông đồ Tôma khi nhận ra Đấng đã phục sinh : «Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa của tôi !» (Ga 20.28). Ông thậm chí còn dùng nó làm lời mở đầu trang trọng cho Tin Mừng của mình : «Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời. Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa» (Ga 1.1). Và chính Phao-lô, trong các lá thư của mình, đã nhắc đến danh Thiên Chúa này của Chúa Giê-su nhiều lần, như thể đó là điều hiển nhiên đối với các cộng đồng mà ông đang gửi lời đến. Đối với những người Kitô hữu ở Rô-ma, ông nói về anh em của mình, những người Do Thái, «theo xác thịt, từ họ, Đấng Kitô đã ra đời, Người là Thiên Chúa trên hết mọi sự, đáng được ngợi khen đời đời» (Rm 9.5). Và với môn đệ Ti-tô, ông nói rằng ông đang trông đợi «niềm hy vọng

phước hạnh và sự xuất hiện vinh quang của Thiên Chúa vĩ đại và Cứu Chúa chúng ta là Chúa Giêsu Kitô» (Tt 2.13).

Thiên Chúa thật và con người thật

Để nói về «thiên tính» này của Chúa Giêsu, mà không hề làm giảm đi nhân tính của Người, truyền thống Kitô giáo, sau Công đồng Chalcedon (451), nói về «hai bản tính» của Chúa Giêsu có bản chất con người và bản chất thần thánh. Chúa Giêsu «có cùng bản tính với Chúa Cha» (Kinh Tin Kính Nicea), và Người chia sẻ bản tính con người với chúng ta.

Lời dạy của Công đồng Chalcedon

Công đồng Chalcedon năm 451 đã làm sáng tỏ những tuyên bố về thần tính và nhân tính của Chúa Kitô. Công đồng nhấn mạnh đến sự hiệp nhất cá nhân của Chúa Giêsu. Trong Người, bản tính con người được kết hợp với ngôi vị thần linh («hypostasis») của Chúa Con (chúng ta sẽ nói «sự kết hợp bản thể»). Chúa Giêsu không phải là Đấng kép hay bị chia cắt : Người là ngôi vị duy nhất của Chúa Con, Đấng tham gia vào bản tính thần linh của Chúa Cha, và là Đấng, trong sự Nhập thể,

chia sẻ bản tính con người của chúng ta. Sau đây là kết luận của Hội đồng :

Vì vậy, theo các Giáo Phụ, tất cả chúng tôi đều đồng thanh dạy rằng có một và cùng một Chúa Con, Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô, cùng một sự hoàn hảo trong thần tính, cùng một sự hoàn hảo trong nhân tính, cùng một Thiên Chúa thực sự và thực sự là người, có một linh hồn và một thân xác có lý trí, đồng bản thể với Chúa Cha theo thần tính, đồng bản thể với chúng ta theo nhân tính, giống chúng ta trong mọi sự ngoại trừ tội lỗi, được sinh ra bởi Chúa Cha từ trước các thời đại về thần tính của Người, nhưng vào những ngày sau hết, vì chúng ta và để cứu rỗi chúng ta, bởi Đức Maria, Trinh nữ, Mẹ Thiên Chúa, về nhân tính của Người, là một và cùng một Đấng Kitô, Chúa Con, Thiên Chúa, Con Một, người mà chúng tôi thừa nhận là có hai bản tính, không lẫn lộn, không thay đổi, không chia rẽ, không tách biệt, sự khác biệt của các bản tính không bị xóa bỏ theo bất kỳ cách nào bởi sự kết hợp, nhưng ngược lại, các đặc tính của mỗi bản tính vẫn an toàn và gặp nhau trong một ngôi vị và một hình thành, không được chia sẻ hoặc chia tách thành hai ngôi vị, nhưng là một và cùng một Chúa Con, Con Một, Thiên Chúa, Ngôi Lời, Chúa, Chúa Giêsu Kitô, như các ngôn sứ đã nói về Người trong quá khứ, như chính Chúa

Giêsu Kitô đã dạy chúng ta, và như Kinh Tin Kính của các Giáo Phụ đã truyền cho chúng ta.

Đối với chúng ta, những người có một số kinh nghiệm về con người, dễ bị tổn thương, mong manh và thậm chí là tội lỗi, và đồng thời, hình thành một ý niệm nhất định về Thiên Chúa, toàn năng, vô cảm và thậm chí xa cách, thì việc nói rằng ai đó vừa là con người vừa là Chúa có thể có vẻ là một sự căng thẳng không thể chịu đựng được giữa hai thuật ngữ không tương thích. Nhưng nếu không có Chúa Giêsu, liệu chúng ta có thực sự biết con người là gì và Thiên Chúa là gì không ? Bản chất con người trước hết phải được nhìn thấy nơi con người hoàn hảo, con người cuối cùng đã thành công, Chúa Giêsu : mong manh, tất nhiên, nhưng hoàn toàn cởi mở để hiệp thông và chia sẻ, không hề có chút bóng tối thu mình lại. Tương tự như vậy, chỉ có Con Một, là Chúa Giêsu, mới khiến chúng ta nhận thức đầy đủ về Thiên Chúa, là Đấng mà chưa ai từng thấy (Ga 1.18). Nếu thiên tính của Chúa Giêsu là sự hiệp thông mà Người sống với Chúa Cha mọi lúc đến mức cho chúng ta thấy rằng Người chỉ là một với Chúa Cha, thì nhân tính của Chúa Giêsu và những thăng trầm trong cuộc sống con người của Người, không mâu thuẫn với thiên tính của

Người. Ngược lại, bản chất con người của Người là nơi mà thần tính của Người được thể hiện, nơi nó được bộc lộ, nơi mà mọi người sẽ được mời gọi để uống từ đó. Nhân tính của Chúa Giêsu không làm lu mờ thiên tính của Người, cũng không che khuất thiên tính đó. Ngược lại, nhân tính ấy tiết lộ nó, thể hiện nó. Các Giáo phụ gọi đó là một «sự hiển linh», một sự biểu hiện sáng ngời.

Đừng tách rời Thiên Chúa khỏi con người !

Điều này có nghĩa là trong cuộc đời của Chúa Giêsu, người ta không thể tách biệt nơi Người là con người và nơi Người là Thiên Chúa. Như thể Người là Chúa trong những phép lạ và sự phục sinh của Người, và như thể Người là con người khi Người ngồi, mệt mỏi, bên giếng Shechem, khi Người ngủ trên thuyền, hoặc khi Người khóc than về sự đổ nát sắp xảy ra của Giê-ru-sa-lem. Như thể Người vừa là người vừa là Chúa, bán thời gian... Không, Chúa Giêsu thực sự là con người, không hề giả vờ hay gian lận, trong suốt cuộc đời làm người, và chính tại đó, Người cho thấy mình hoàn toàn là một với Chúa Cha, Đấng đã sai Người.

Trong Chúa Giêsu, chúng ta đừng tách biệt Thiên Chúa khỏi con người. Chúng ta đừng phân rẽ những gì Thiên Chúa đã kết hợp một lần và mãi mãi trong Con

của Ngài.

Ngay cả khi Chúa Giêsu rõ ràng là con người thì Người cũng là Thiên Chúa một cách rõ ràng nhất. Origen (thế kỷ thứ 3) đã đi xa hơn khi nói rằng chính trong cuộc khổ nạn của mình, Chúa Giêsu là hình ảnh hoàn hảo nhất của Chúa Cha : «Vì chúng ta phải dám nói rằng lòng nhân từ của Đức Kitô xuất hiện lớn lao hơn và thiêng liêng hơn, và thực sự theo hình ảnh của Chúa Cha, khi Người hạ mình xuống». Sự tra tấn trên thập giá không phải là khoảnh khắc mà Chúa Giêsu không là gì hơn một con người đau khổ và đáng thương, bởi vì chính tại đó, Người cho chúng ta thấy rõ ràng nhất Thiên Chúa là ai và thế nào là Thiên Chúa : «Thiên Chúa là tình yêu» (1 Ga 4.8). Khi nhìn thấy dấu đinh và ngọn giáo trên thân thể Chúa Giêsu phục sinh, lúc đầu Tôma còn hoài nghi, nhưng cuối cùng đã hiểu được thiên tính của Người : «Lạy Chúa tôi và Thiên Chúa của tôi» (Ga 20.28). Đối với bất kỳ ai có mắt để thấy, Chúa Giêsu, trong cuộc khổ nạn của mình, con người theo cách không thể chối cãi nhất, chính là Thiên Chúa theo cách rõ ràng nhất.

Nhân tính của Chúa

Tuy nhiên, khi nhìn vào Chúa Giêsu Kitô, chúng ta đồng thời thấy rằng thiên tính của chính Thiên Chúa, không loại trừ nhân tính của Người, mà ngược lại bao gồm nhân tính đó... Làm sao chúng ta có thể loại trừ nhân tính của Thiên Chúa, vì thiên tính của Người chính là sự tự do yêu thương và do đó là quyền năng không chỉ ở những nơi cao nhất mà còn ở những nơi sâu thẳm, để trở nên vĩ đại và đồng thời trở nên nhỏ bé, trong chính Người nhưng cũng với và vì người khác, và cuối cùng là hiến mình cho người khác ? Vì vậy, trong Thiên Chúa có đủ chỗ cho sự hiệp thông này với con người.

Karl Barth,

Nhân tính của Chúa,

Lao động và đức tin, 1956, tr. 26-27.

Là Chúa và biết điều đó

Đôi khi người ta tự hỏi làm sao con người có thể ý thức được mình là Chúa. Và, một lần nữa, ý niệm về thần thánh có thể chỉ có vẻ áp đảo, hủy diệt đối với tâm trí con người. Nhưng nếu thiên tính của Chúa Giêsu là mối quan hệ nguyên thủy và hoàn toàn độc nhất của

Người với Chúa Cha, là sự chắc chắn được Chúa Cha yêu thương đến mức nên một với Ngài mãi mãi, thì nhận thức về mối quan hệ này chính là điều soi sáng cuộc đời và lời cầu nguyện của Người. Các sách Tin Mừng làm chứng về điều này : không ai, kể cả cha mẹ Chúa Giêsu hay những người thầy vĩ đại của Đền thờ, phải dạy Người những điều mà Người vẫn luôn biết một cách trực giác. Một đứa trẻ còn rất nhỏ chưa bao giờ rời xa mẹ mình không cần phải học một khóa về quan hệ gia đình để biết mẹ mình là ai. Theo cách tương tự nào đó (nhưng chúng ta có thể nói về điều đó bằng cách nào khác ?), với một ý thức nguyên thủy, sâu sắc và chắc chắn, Chúa Giêsu biết Chúa Cha là ai đối với Người và Người là ai đối với Chúa Cha.

Người ý thức về mối quan hệ này ngay lập tức, tức là không chậm trễ và không qua trung gian. Sau đó, để có thể tự nói với mình và bày tỏ với người khác, con người dần dần học cách diễn đạt điều đó bằng vốn từ vựng về mối quan hệ gia đình (cha, con) và bằng lời lẽ của truyền thống Do Thái. Khi suy ngẫm về Kinh thánh, Chúa Giêsu không tìm thấy chính mình, mà Người đã khám phá lại chính mình.

Trong Chúa Giêsu, Thiên Chúa không đẽ bẽp con người : không có ai nhân bản hơn Thiên Chúa.

10. Những người đã theo Người

Chúa Giêsu không viết gì cả. Công việc của Người là thành lập một nhóm nhỏ các môn đệ do Người chỉ định. Chúng ta chỉ biết đến Người thông qua họ. Tác động của Chúa Giêsu trong lịch sử chính là «Giáo hội» của Người, là tập hợp những người tự nhận là tín đồ của Người qua nhiều thế kỷ. Đến nỗi Phao-lô, một trong những người đầu tiên gia nhập cộng đồng sau khi Chúa Giê-su ra đi, có thể nói rằng Chúa Giê-su là một với các môn đệ của Người : họ cùng nhau là «thân thể của Đấng Kitô», là sự hữu hình, là sự hiện diện của Người (1 Cr 12.27). Trong họ và thông qua họ, Người luôn hiện diện. Họ là bàn tay Người mở ra hôm nay, là lời Người nói và là khuôn mặt Người. Khi Chúa Giê-su phán, đám đông kéo đến với Người. Một đám đông hỗn tạp gồm những người ủng hộ và người tò mò, những người bệnh đang mong đợi một cử chỉ, hoặc những người phản đối đang tìm kiếm một bước đi sai lầm. Bất cứ nơi nào Chúa Giêsu đi đến, Người đều tìm thấy những người này. Hiếm khi ở một mình, ngoại trừ khi Người rời đi vào ban đêm để cầu nguyện, Người trông giống như tù nhân của những người luôn vây quanh Người. Họ vẫn hiện diện ngay giữa sa mạc, xa mọi nguồn cung cấp, như thể họ chỉ sống nhờ vào lời hứa của Chúa. Đôi khi họ còn đoán được ý định của Người, giống như ngày họ

đi trước Người đến bờ bên kia Hồ Galilê để đợi Người khi Người bước xuống thuyền. Nhưng đây vẫn chưa phải là «đi theo» Chúa Giêsu theo nghĩa mạnh mẽ.

Chính Người đang gọi

Thật kỳ lạ là chính Chúa Giêsu đã chọn và đích thân kêu gọi những người Người yêu cầu đi theo. Theo phong tục thời đó, có lẽ mọi người đều quyết định đi theo người chủ mà họ lựa chọn. Mỗi cộng đồng, mỗi nhóm nhỏ, mỗi bậc thầy đều có những người theo mình. Gioan Tẩy Giả có các môn đệ riêng của mình. Và các Thánh viết Tin Mừng thậm chí còn làm chứng rằng lúc đầu Chúa Giêsu đã đi theo ông ta. Có lẽ người ta hỏi người chủ có thể theo ông ấy được không. Chúa Giêsu, Người thân nhận. Và Người đã làm điều đó một cách có chủ quyền, với một lời có thẩm quyền, mà tất cả các nhân chứng đều đồng ý : «Hãy theo Ta !» Thậm chí không phải là : «Hãy theo Ta, Thiên Chúa, hãy theo Sự Khôn Ngoan, hãy theo Con Đường...», mà là : «Hãy theo Ta !», với ngôi thứ nhất số ít này, khi đó hẳn phải có vẻ hấp dẫn hoặc tai tiếng. Và điều đáng ghi nhớ là sự vâng lời phi thường của những người đã lên đường, không do dự và không chậm trễ. Họ đã từ bỏ mọi thứ để theo Thầy. Vì vậy, hai anh em ngư dân xứ Galilê là Simon và Anrê, Giacôbê và Gioan, những người sẽ trở

thành trụ cột của nhóm tông đồ : «Lập tức họ bỏ lưới lại và đi theo Người» (Mc 1.18).

Nhóm Mười Hai

Mỗi nhà viết Tin Mừng, phản ánh giáo lý của một trong những cộng đồng đầu tiên, đều có sự nhấn mạnh và sở thích riêng trong những câu chuyện về ơn gọi và việc tuyển dụng. Mọi người đều sẵn lòng tưởng nhớ đến các tông đồ là những người khởi nguồn cho truyền thống của họ. Nhưng tất cả đều đồng ý rằng Chúa Giêsu đã thiết lập một nhóm có cấu trúc gồm mười hai thành viên, mười hai giống như mười hai chi tộc của Do Thái: do đó, dân tộc mới của Thiên Chúa đã ra đời, có dự án phổ quát được tượng trưng bằng con số này. Họ vừa là bạn đồng hành vừa là sứ giả, là môn đệ và là tông đồ : «Người lên núi và gọi những người Người muốn. Họ đến với Người và Người chỉ định mười hai người ở với Người và sai họ đi rao giảng với thẩm quyền trừ quỷ. Người lập Nhóm Mười Hai : Phêrô, như Người gọi là Simon, Giacôbê con của Zebedee, và Gioan em của Gia-cô-bê và Người đặt cho họ cái tên Boanergès, nghĩa là con trai của sấm sét ; Anrê, Phi-líp, Ba-thê-lê-mi, Mát-thêu, Thô-ma, Gia-cô-bê con của A-phê, Tha-đê, Si-môn người Nhiệt thành, và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, chính là kẻ sẽ phản bội Người» (Mc 3.13-19).

Mỗi nhà viết Tin Mừng đều cung cấp cho chúng ta danh sách Mười Hai Tông Đồ, không ngần ngại đặt tên hoặc biệt danh cho người này hay người kia. Nhưng tất cả bọn họ đều chứng thực, thông qua chính những cái tên này và sự phù hợp của chúng, sự đa dạng cực độ của những người thấy mình cùng nhau theo Người : tên Do Thái và tên Hy Lạp, ngư dân Galilê và một người quen biết với thầy tế lễ thượng phẩm, một người thu thuế, gần gũi với quyền lực tại chỗ, và ít nhất một người cuồng tín theo chủ nghĩa dân tộc, có lẽ là hai nếu Giu-đa là một. Trong tất cả những điều đó, chỉ có một điểm chung : lời kêu gọi của Chúa Giêsu.

Được giao sứ mạng

Và Chúa Giêsu sai họ đi truyền giáo, vì chính Người tự giới thiệu mình là «người được Chúa Cha sai đến». Họ cũng phải loan báo rằng Vương quốc Thiên Chúa đã đến gần, và họ phải làm chứng về điều đó bằng những cử chỉ giống như Chúa Giêsu : chữa lành, thanh tẩy người phong hủi, xua đuổi ma quỷ, phục sinh, chiến thắng cái ác dưới mọi hình thức. Và họ cũng sẽ bị đối xử như Thầy : thù hận và ngược đãi đang chờ đợi họ. Đây là một phần trong lời chứng của họ.

Lời cầu nguyện của các môn đệ

Có một lần Đức Giê-su cầu nguyện ở nơi kia. Người cầu nguyện xong, thì có một người trong nhóm môn đệ nói với Người : «Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện, cũng như ông Gio-an đã dạy môn đệ của ông». Người bảo các ông : «Khi cầu nguyện, anh em hãy nói : «Lạy Cha, xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển, Triều Đại Cha mau đến, xin Cha cho chúng con ngày nào có lương thực ngày ấy; xin tha tội cho chúng con, vì chính chúng con cũng tha cho mọi người mắc lỗi với chúng con, và xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ».

Lc 11.1-4.

Trong đoàn người theo Chúa Giêsu, thánh sử Lu-ca cũng đề cập đến sự hiện diện của một số phụ nữ, điều này có vẻ khá đặc biệt trong môi trường Palestine này: «Có Nhóm Mười Hai ở với Người, cũng như những người phụ nữ đã được chữa khỏi quỷ dữ và bệnh tật : Maria, gọi là Mađalêna, người đã được giải thoát khỏi bảy con quỷ, Joanna, vợ của Chuza, người quản lý của Hêrôđê, Susanna, và nhiều người khác đã giúp đỡ họ bằng của cải của mình» (Lc 8.1-3). Một số trong số họ là những nhân chứng đầu tiên của sự phục sinh.

Câu hỏi về lòng tin

Khi Chúa Giê-su đến vùng Sê-sa-rê Phi-líp, Người hỏi các môn đệ rằng : «Người ta bảo Con Người là ai?» «Họ đáp : người thì nói là Gioan Tẩy Giả ; người thì nói là Êlia; người thì nói là Giêrêmia hay một trong các ngôn sứ». Người đáp : «Còn các con, các con bảo Thầy là ai ?» Simon Phêrô trả lời: «Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống.»

Mt 16.13-16.

Do đó, Mười Hai Tông Đồ là cốt lõi của một cộng đồng lớn hơn nhiều. Họ là khởi đầu của một lời kêu gọi phổ quát và là nền tảng của dân mới của Thiên Chúa được xây dựng trên lời của Chúa Giêsu. Sau đó, Chúa Giêsu sai bảy mươi hai tông đồ đi trước Người, theo số lượng các quốc gia ngoại giáo cần được truyền giáo. Và sau khi Chúa sống lại, nhóm nhỏ các tông đồ, gồm mười một người sau khi Giuđa bỏ đi, được sai đến mọi dân tộc trên trái đất : «Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây,

Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế». (Mt 28.18-20).

Các Kitô khác

Sách Công Vụ Tông đồ kể lại rằng : «Tại Antioch, lần đầu tiên danh xưng Kitô hữu được đặt cho các môn đệ» (Cv 11.26). Điều này có nghĩa là vào thời điểm đó, đối với những người không theo đạo Thiên Chúa, họ không còn chỉ là một giáo phái Do Thái nữa. Trong số họ, họ tự gọi mình là «anh em», hoặc «những người tin đạo», hoặc «những môn đệ». Hoặc một lần nữa là «các thánh» : không phải họ tự cho mình đã đạt đến sự thánh thiện, nhưng là môn đệ của Chúa Giêsu, Đấng Thánh của Thiên Chúa, được đánh dấu bởi Thánh Linh của sự thánh thiện, họ đang trên con đường nên thánh. Phao-lô viết như sau «gửi Giáo hội của Thiên Chúa tại Cô-rin-tô, tức là cho những người đã được thánh hóa trong Chúa Giêsu Kitô, được gọi nên thánh, cùng với mọi người ở khắp mọi nơi, kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô, là Chúa của họ và của chúng ta» (1 Cr 1.2).

Do đó, những người theo Chúa Giêsu theo cách này không chỉ là môn đệ của Người, những người được truyền cảm hứng từ lời dạy và hành động của Người, và coi Người là mẫu mực. Họ biết rằng họ đã nhận được từ Chúa Thánh Thần, sự hiện diện cá nhân của Chúa

trong họ.

Rồi Đức Giê-su nói với các môn đệ : «Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo. Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất ; còn ai liều mất mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ tìm được mạng sống ấy».

Mt 16.24-25.

Trong mọi việc Người làm, Chúa Giêsu biết rằng Người được Thánh Linh của Chúa soi dẫn và nâng đỡ. Hơn nữa, đây chính là danh tính của Người : khi gọi Người là Christos, theo tiếng Hy Lạp, hay Mashiah, đáng cứu thế, theo tiếng Do Thái, Người được chỉ định là người đã nhận được «sự xức dầu» của Thánh Linh, là người mà Thánh Linh của Thiên Chúa ngự trên người. Vì vậy, Người có thể tuyên bố trong hội đường Nazareth: «Thánh Linh Chúa ngự trên tôi vì Ngài đã xức dầu cho tôi để rao giảng tin mừng cho người nghèo. Ngài đã sai tôi đi...» (Lc 4.18, trích dẫn Is 61.1). Những người mà Chúa Giêsu lần lượt chọn để tiếp tục công việc của Người không chỉ là «những người theo đạo

Thiên Chúa», theo nghĩa mà chúng ta nói về những người theo chủ nghĩa Kant, Mohammed, hay Gaullists, đề chỉ những người thừa kế của Kant, Mohammed hay De Gaulle. Sau khi nhận được chính Thánh Linh của Chúa Kitô, bản thân họ cũng giống như những Chúa Kitô khác, và mỗi người trong số họ có thể lần lượt nói: «Thánh Linh Chúa ngự trên tôi... Ngài đã sai tôi đi...»

Nên một với Chúa Giêsu

Mối liên hệ giữa Chúa Giêsu và những người thuộc về Người luôn được họ diễn tả theo một cách rất thực tế: họ được «ghép» vào Chúa Kitô, họ đã trở thành «một với Người» (Rm 6.5). Họ sống nhờ chính sự sống của Người, như các nhánh nho tiếp nhận nhựa cây nho (Ga 15.1-10). Qua phép rửa tội (*baptizo* có nghĩa là nhúng mình), họ được chìm vào sự sống của Chúa Kitô, hiệp thông với cái chết và sự phục sinh của Người. Qua Bí tích Thánh Thể, bí tích trung tâm của đời sống Kitô giáo, họ ý thức mình trở thành thân thể của Người.

Do đó, «Kitô giáo» không chỉ là một tôn giáo, một niềm tin, một tập hợp các niềm tin, một hệ thống giáo lý. Đó là một cuộc sống, một sự hiện hữu, được hiểu như chính cuộc sống của Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, được tiếp tục và kéo dài trong đời sống cá nhân và tập thể của những ai muốn trở thành thành viên của nó.

Nhìn từ bên ngoài, Kitô giáo dường như là một sự hiểu biết, trong số những hiểu biết khác, về Chúa và thế giới. Thực ra, những ai sống theo tinh thần này, trong sự đoàn kết giữa họ với nhau mà họ gọi là «sự hiệp thông của các thánh», luôn dành cho mình một chút gì đó cho chính Chúa Giêsu. Mỗi người trong số họ, noi theo Chúa Kitô, chẳng phải đã đích thân nhận được, vào ngày chịu phép rửa tội, tiếng nói của Chúa Cha chứng thực rằng : «Con là Con yêu dấu của Cha, Cha hài lòng về Con». (Mc 1.11) ? Trở thành một Kitô hữu là trở nên một với Chúa Giêsu, Đấng Kitô, đến mức biết rằng mình được Thánh Thần của Người hoạt động, chỉ vì Chúa Cha nhìn chúng ta bằng cái nhìn yêu thương mà qua cái nhìn này Ngài đã gọi chúng ta vào đời sống Con Một của Ngài.

Ta đã chọn các con

Ta đã nói với các con những điều này để niềm vui của Ta ở trong các con và niềm vui của các con được trọn vẹn. Đây là điều răn của Ta : Hãy yêu thương nhau như Ta đã yêu thương các con. Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người đã hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu. Các người là bạn của ta nếu các người làm theo những điều ta truyền dạy. Ta không còn gọi các

người là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ mình làm ; Ta gọi các con là bạn hữu, vì Ta đã cho các con biết mọi điều Ta đã nghe từ Cha Ta. Không phải các con đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn các con và lập các con, để các con ra đi và sinh hoa trái, và hoa trái các con tồn tại, hầu cho bất cứ điều gì các con cầu xin Chúa Cha nhân danh Thầy, thì Người sẽ ban cho các con. Điều Ta truyền cho các người là các người phải yêu thương nhau.

Ga 15.11-17.

11. Những tên người ta gọi Người

Cha mẹ đặt tên cho Người là Giêsu. Người không phải là người duy nhất mang cái tên này. Trong tiếng Do Thái, *Jehoshua* hay *Joshua* có nghĩa là «Chúa cứu rồi» hoặc «Chúa là sự cứu rồi». Dưới hình thức tương tự, đây là tên được Joshua và ngôn sứ Isaiah sử dụng. Vì vậy, tên này là một chương trình, một sứ mệnh.

Đối với thánh sử Luca, chính Thiên Chúa đã chủ động đặt tên này và mặc khải cho Đức Maria, như trong lời loan báo về sự ra đời của Cự Ước : «Này đây bà sẽ thụ thai, sinh một con trai, và đặt tên là Giêsu» (Lc 1.31). Chúng ta đã thấy Thánh Mát-thêu thậm chí còn nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của cái tên này : khi chịu trách nhiệm trao tặng nó cho Chúa Giêsu, đó là Thánh Giuse, hậu duệ vua Đavít, người thực hiện quyền làm cha hợp pháp của mình đối với đứa trẻ, và do đó ghi tên đứa trẻ vào dòng dõi hoàng gia : «Người sẽ đặt tên cho con trẻ là Giê-su.» Và Mát-thêu giải thích ý nghĩa của nó : «Vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ» (Mt 1.21).

Trong suốt các sách Tin Mừng và truyền thống của Giáo hội, bất kể những danh hiệu danh giá nhất nào được gán cho Người, Chúa Giêsu vẫn giữ nguyên tên

này, tên riêng của Người, tên con người của Người. Và chính danh này sẽ được tôn vinh, qua nhiều thế kỷ, trong phụng vụ của các cộng đồng Kitô giáo, «để khi nghe danh Chúa Giêsu, mọi đầu gối phải quỳ xuống, trên trời, dưới đất và trong nơi âm phủ» (Pl 2.11).

Đấng cứu thế

Những người theo Người đã tuyên bố rằng Chúa Giêsu chính là Đấng Messiah. Trong tiếng Do Thái, *mashiah*, được phiên âm sang tiếng Pháp là *messiah*, chỉ người đã nhận được sự xức dầu, và do đó được đánh dấu, thánh hiến, cho một sứ mệnh cụ thể. Dầu mà Người được xức là dầu chỉ sự thâm nhập của Chúa Thánh Thần, Đấng ban cho người đàn ông này sức sống và quyền năng để thực hiện sứ mệnh của mình. Vì vậy, các vị vua, như David (2 Sm 5.3), một số ngôn sứ (1 V 19.16 ; Is 61.1), hoặc các thầy tế lễ thượng phẩm, được coi là, sau thời kỳ lưu đày, với tư cách là người đứng đầu cộng đồng, có một số đặc quyền của hoàng gia. Tân Ước, được viết bằng tiếng Hy Lạp, dịch *mashiah* là *christos* (từ *chrein*, nghĩa là xức dầu) mà chúng tôi đã phiên âm sang tiếng Pháp là *christ*. Do đó, Đấng Messiah và Đấng Kitô là một và cùng một danh hiệu.

Trong niềm hy vọng của người Do Thái, vào thời Chúa Giêsu, người ta trông đợi Đấng Messiah để phục

hội dân Do Thái và thiết lập Vương quốc của Chúa, theo lời hứa đã ban cho con cháu vua Đa-vít (Tv 2 ; 72; 110). Một ngày sau khi chịu phép rửa tội, khi Người đã nhận được sự xúc dầu của Chúa Thánh Thần, Chúa Giêsu, khi mở cuộn sách Kinh thánh trong hội đường Nazareth, đã thấy mình hoàn toàn ở trong lời loan báo của ngôn sứ Isaia. Người công bố đoạn văn : «Thánh Thần Chúa ngự trên tôi...» Và Người nói thêm, khiến mọi người ngạc nhiên : «Hôm nay, lời Kinh Thánh này đã ứng nghiệm cho anh em là những người đang nghe» (Lc 4.18-21). Tuy nhiên, Chúa Giêsu dường như vẫn thận trọng với danh hiệu Đấng Messiah này, chắc hẳn là vì cách giải thích mang tính chính trị và dân tộc chủ nghĩa quá mức của những người đương thời. Với người phụ nữ Sa-ma-ri đã nói với Người rằng : «Tôi biết rằng một Đấng Mê-si-a, gọi là Đấng Christ, sẽ đến; khi Người đến, Người sẽ loan báo cho chúng ta mọi sự», Chúa Giê-su tiết lộ : «Ta, người đang nói với ngươi, chính là Đấng ấy» (Ga 4.25-26). Nhưng chỉ tại phiên tòa xét xử, Người mới có thể công khai thừa nhận điều này và không có nguy cơ gây mơ hồ. Đối với vị thượng tế đã hỏi Người : «Ông có phải là Đấng Messia, Con Thiên Chúa đáng chúc tụng không ?» Chúa Giêsu trả lời, theo lời chứng của thánh Mác-cô: «Ta là» (Mc 14.61-62). Khi đó, không còn nguy cơ hiểu lầm bản chất quyền

năng mà Người tuyên bố nữa.

Và Phêrô, vào ngày Lễ Ngũ Tuần, có thể tuyên bố rằng Chúa Giêsu phục sinh giờ đây đã được ban đầy đủ Thánh Thần của Thiên Chúa : «Người đã được tôn lên bên hữu Thiên Chúa, đã nhận được Chúa Thánh Thần mà Chúa Cha đã hứa, và Người đã đổ Thánh Thần xuống, như anh em đang thấy và đang nghe... Thiên Chúa đã tôn Người làm Chúa và làm Đấng Kitô, là Đức Giêsu mà anh em đã đóng đinh vào thập giá» (Cv 2.33 và 36).

Con Người

Trong Tin Mừng, khi Chúa Giêsu nói về chính mình, Người thường nói : «Con Người». Thật đáng ngạc nhiên khi có người tự nói về mình ở ngôi thứ ba. Và, đối với Chúa Giêsu, thường là tương lai : «Khi Con Người đến trong vinh quang mình...» Vì vậy, những lời loan báo về cuộc khổ nạn. Như thể Chúa Giêsu muốn ám chỉ rằng sự biểu lộ đầy đủ về danh tính của Người vẫn chưa đến, thông qua cái chết và sự phục sinh. Chúng ta chỉ tìm thấy danh hiệu Con Người này trong miệng Chúa Giêsu khi Người tự nói về mình. Danh hiệu cổ xưa, nó sẽ không được các cộng đồng tiếp nhận, và Phao-lô không sử dụng.

Thịt của Con Người

«Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban tặng, chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống».

Người Do-thái liền tranh luận sôi nổi với nhau. Họ nói : «Làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được ?»

Đức Giê-su nói với họ : «Thật, tôi bảo thật các ông : nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết, vì thịt tôi thật là của ăn, và máu tôi thật là của uống. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy

Ga 6.51-56.

Chúng ta thậm chí còn do dự về ý nghĩa của nó. Trong tiếng Aram, cụm từ «Con người» có thể mang một ý nghĩa rất tầm thường : ông ấy là một con người. Thánh Augustinô sẽ hiểu theo nghĩa này, liên kết với tước hiệu «Con Thiên Chúa» để diễn tả «hai bản tính», nhân tính và thần tính, của Chúa Giêsu. Nhưng trong Tin Mừng,

biểu hiện này có thể ám chỉ đến toàn bộ truyền thống Kinh thánh. Ngôn sứ Daniel đã bí ẩn gọi lên sự xuất hiện trang trọng của «Con Người» trên mây trời (Đn 7). Sự lên ngôi trên thiên đàng này mang lại cho Người một phần sự siêu việt của Thiên Chúa. Được Chúa Giêsu sử dụng để loan báo chiến thắng vượt qua và sự xuất hiện của Người vào thời điểm tận thế, danh hiệu này chắc chắn mang ý nghĩa Kinh Thánh này. Do đó, sự việc gây sốc khi Chúa Giêsu, bị buộc tội và chế giễu, tuyên bố trước Công đồng lớn : «Từ nay, các ngươi sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự trên mây trời mà đến» (Mt 26.64). Trước sự phạm thượng như vậy, vì hiểu rất rõ rằng đằng sau sự mặc khải này ở ngôi thứ ba, Chúa Giêsu tuyên bố một tương lai chỉ thuộc về Thiên Chúa, nên Thầy tế lễ thượng phẩm chỉ có thể xé áo mình. Bản thân sự do dự của người phiên dịch về phạm vi chính xác của tiêu đề này cũng rất đáng kể. Chúng ta có thể nghĩ rằng nếu Chúa Giêsu chọn chỉ gán cho mình danh hiệu Con Người, thì chính xác là vì sự mâu thuẫn của Người. Không có nguy cơ Người bị mắc kẹt.

Con Thiên Chúa

Để diễn tả mối quan hệ hoàn toàn độc nhất của Người với Chúa Cha, các môn đệ của Người thích dùng danh

hiệu là Con Thiên Chúa. Bản thân Chúa Giêsu dường như đã tránh gọi mình như vậy, một lần nữa là để tránh bị mắc kẹt trong một vai trò, vai trò mà người ta mong đợi ở một vị vua, con trai vua Đa-vít, người mà sách Thánh vịnh ca ngợi là Con Thiên Chúa. Tuy nhiên, danh hiệu này phản ánh tốt nhất hành vi đặc biệt của Chúa Giêsu : toàn bộ cuộc đời Người là lòng hiếu thảo. Không có điều gì Người làm, không có điều gì Người nói, có thể được hiểu nếu không liên tục nhắc đến Đấng mà mọi người gọi là Thiên Chúa, và Đấng mà Người, với sự thân mật khó hiểu, gọi là Cha, và thậm chí là «Abba», «Papa» (Mc 14.36).

Giáo Hội hát ngợi ca Con Thiên Chúa

*Ánh sáng vui tươi
của vinh quang vĩnh cửu của Chúa Cha,
Đấng Tối Cao, Đấng Thánh Thiện Nhất,
Chúa Giêsu Kitô !*

*Vâng, Người xứng đáng được ngợi ca
trong mọi thời đại bằng những giọng nói thánh thiện,
Con Thiên Chúa là Đấng ban sự sống :
toàn thể vũ trụ tôn vinh Người.*

*Đến cuối ngày,
suy ngẫm về sự sáng tỏ này vào buổi tối,
chúng ta hát bài Chúa Cha và Chúa Con
và Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời.*

Bài thánh ca buổi tối,
Phụng vụ Hy Lạp vào những thế kỷ đầu tiên.

Đối với những người chứng kiến, lời cầu nguyện của Chúa Giêsu thể hiện rõ mối quan hệ hiệp thông mật thiết giữa Người Con duy nhất và Cha của Người. Trong lúc Chúa Giêsu đang cầu nguyện, bước ra khỏi nước chịu phép rửa, thì có tiếng từ trời phán rằng : «Con là Con Ta, ngày hôm nay Ta đã sinh ra Con» (Lc 3.22). Và đúng vào khoảnh khắc lời cầu nguyện của Chúa Giêsu biến đổi khuôn mặt Người đến mức để vinh quang của Thiên Chúa chiếu rọi, thì các môn đệ thân cận nhất của Người đã nhận được sự mặc khải rõ ràng nhất về danh tính con thảo và sứ mệnh của Người : «Đây là Con Ta đã tuyển chọn, các ngươi hãy vâng nghe lời Người» (Lc 9.35).

Giống như danh hiệu Đấng Messiah, danh hiệu Chúa Con, soi sáng toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu, chỉ được Người chấp nhận trong cuộc khổ nạn, khi Người

tỏ lộ rõ ràng rằng «vương quyền của Người không thuộc về thế gian này» (Ga 18.36). Khi được hỏi liệu Người có phải là Đấng Messiah không, Chúa Giêsu đã nói về vinh quang sắp xảy ra của Con Người. Và ngay lập tức mọi người dịch : «Vậy thì ông là Con Thiên Chúa !» (Lc 22.70). Lời buộc tội này sẽ trở thành một hành động đức tin trong miệng viên sĩ quan La Mã đã chứng kiến cách mà Người trút hơi thở cuối cùng : «Quả thật, người này là Con Thiên Chúa ! » (Mc 15.39). Và ngay sau khi chịu phép rửa tội, Phao-lô, với lòng nhiệt thành của một người từng bắt bớ và sự hăng hái của một người mới hoán cải, đã công bố trong tất cả các hội đường ở Dams «Đức Giê-su là Con Thiên Chúa» (Cv 9.20).

Ngôi Lời của Thiên Chúa đã làm người, và Đấng là Con Thiên Chúa đã trở thành Con người, để con người có thể trở thành con Thiên Chúa, bằng cách thông phần vào Ngôi Lời của Thiên Chúa và được nhận làm con nuôi.

Irenaeus thành Lyon (IIe s.),
Adversus Haereses, III, 19.1.

Chúa

Ngay từ đầu, những người Kitô hữu đã cầu nguyện với Chúa Giêsu. Nhờ Người, với Người và trong Người, ý thức rằng đã nhận được Thánh Thần và lời cầu nguyện của Người, họ đã thưa với Chúa Cha, theo lời dạy của Người : «Lạy Cha chúng con, Đấng ngự trên trời...» (Mt 6.9-13 và Lc 11.2-4). Với Người, họ là con cái và có thể kêu lên : «Abba, Cha ơi» (Rm 8.15). Nhưng lời cầu nguyện của họ cũng hướng về Chúa Giêsu, như một với Chúa Cha. Chúng ta đọc báo cáo của quan tổng đốc Pliny gửi Hoàng đế Trajan về phụng vụ của những người Kitô hữu đầu tiên : «Họ hát thánh ca về Chúa Kitô như về một vị Chúa». Vị công chức tận tâm này hiểu rõ rằng Chúa Giêsu không chỉ là người sáng lập ra đạo Thiên chúa : Ngài là một với Chúa của những người Kitô hữu.

Đây là lý do tại sao những người Kitô hữu gọi Chúa Giêsu là «Chúa», tên riêng của Thiên Chúa trong Cựu Ước và trong truyền thống Do Thái. Sống lại cuộc tử đạo của mình về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, Stêphanô, trong khi bị ném đá, đã tiếp tục lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trên thập giá, nhưng chuyển hướng nó, lần này hướng đến chính Chúa Giêsu : «Lạy Chúa Giêsu, xin nhận lấy linh hồn con» (Cv 7.59 ; xem Lc 23.46). Khi

nói về Chúa Giêsu, người Kitô hữu thường xuyên diễn đạt bằng cách trích dẫn Kinh Thánh nói về Thiên Chúa bằng cách gọi Người là Chúa. Đối với Phao-lô, «kêu cầu danh Chúa», như ngôn sứ Giô-en đã mời gọi chúng ta, giờ đây có nghĩa là công nhận quyền lãnh chúa của Chúa Giê-su trong sự phục sinh của Người (Rm 10.9-13).

Câu nói «Chúa Giêsu Kitô là Chúa» là một trong những lời tuyên xưng đức tin được sử dụng rộng rãi nhất trong các cộng đồng Kitô giáo đầu tiên (Pl 2.11 ; 1 Cr 12.3 ; Cv 2.36 ; Kh 19.16).

Thiên Chúa

Cũng theo logic đó mà các Kitô hữu đặt cho Chúa Giêsu chính cái tên của Thiên Chúa. Chúa Giêsu nói rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa. Và chúng ta đã thấy rằng khi Phao-lô trao cho Người danh hiệu này (Rm 9.5; Tt 2.13), ông không hề cố ý, như thể đó là điều hiển nhiên đối với những cộng đồng mà ông đang nói đến. Tin Mừng thứ tư đạt đến đỉnh cao trong lời thốt lên đức tin của tông đồ Tôma : «Lạy Chúa tôi và Thiên Chúa của tôi» (Ga 20.28). Trước Đấng Phục Sinh cho ông thấy những vết thương, Tôma không có ý định chối bỏ nhân tính của Người. Ngược lại, ông thoáng thấy được chiều sâu đầy đủ của nó. Qua những vết thương

của Chúa Giêsu, Thiên Chúa cho chúng ta biết thế nào là Thiên Chúa : Thiên Chúa là tình yêu. Và toàn bộ Tin Mừng theo Thánh Gio-an chỉ là lời mở đầu dài cho hành động đức tin này, được công bố ngay từ dòng đầu tiên: những gì Thánh Tôma nhận thấy trong sâu thẳm cuộc khổ nạn là sự thật ngay từ đầu. Chúa Giêsu này, Đấng trên thập giá, đã hướng về Chúa Cha, đến mức xuất hiện, trong sự phục sinh của Người, như là Đấng từ nay trở đi chia sẻ vinh quang của Thiên Chúa, luôn luôn là một với nguồn gốc Thiên Chúa này : «Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời. Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa». (Ga 1.1). Không có gì trừu tượng về triết lý này : đó là bản dịch của Gio-an, môn đệ chắc chắn được yêu thương, về những gì ông chứng kiến trong cuộc khổ nạn sáng ngời của Chúa Giêsu.

Đấng cứu rỗi

Thiên Chúa cứu rỗi. Ngài là Đấng Cứu Thế duy nhất. «Tâm hồn tôi tràn đầy niềm vui vì Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi», Đức Maria hát (Lc 1.47). Tên riêng của Thiên Chúa, các Kitô hữu đặt cho Chúa Giêsu, nơi Người họ nhận ra và chào đón ơn cứu độ của Thiên Chúa. Pha-ô-lô trông đợi «sự hiện ra vinh hiển của Thiên Chúa vĩ đại và Cứu Chúa chúng ta là Chúa Giêsu Kitô» (Tt 2.13). Đây chính là ý nghĩa của tên Chúa Giêsu.

«Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít», những người chăn chiên ở Bê-lem đã nghe nói như thế (Lc 2.11). Sau khi Chúa phục sinh, các tông đồ đã giảng dạy trong các hội đường : «Thiên Chúa đã cho Chúa Giêsu sống lại để cứu độ dân Do Thái» (Cv 13.23). Và Kinh Tin Kính tuyên bố rằng Con Thiên Chúa đã đến thế gian «vì chúng ta và để cứu rồi chúng ta».

Sự cứu rỗi này là sự tha thứ, xóa bỏ tội lỗi. Bất cứ ai trở nên một với Chúa Giêsu, qua đức tin và phép rửa tội, sẽ được giải thoát khỏi mọi thế lực xấu xa đã cản trở nhân loại từ thuở ban đầu. Hơn nữa, với Chúa Giêsu và trong Chúa Giêsu, chính họ trở thành «con Thiên Chúa» (Ga 1.12), họ bước vào «sự hiệp thông với bản tính Thiên Chúa» (2 Pr 1.4). Do đó, sự cứu rỗi trong Chúa Giêsu không chỉ là một sự ân xá, một sự đền bù hay một sự trở về trạng thái ban đầu : cuối cùng, đó là sự hoàn thành ơn gọi đích thực của con người, đó là trở thành «con trong Chúa Con». Khi người mới chịu phép rửa tội nhận được dầu xức, người ấy được bảo rằng : «Từ nay trở đi, con là chi thể của Chúa Giêsu Kitô, là tư tế, ngôn sứ và vua».

Đừng quên ngày sinh của bạn !

Anh chị em yêu dấu, chúng ta phải tạ ơn Chúa Cha, qua Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần. Với lòng thương xót vô biên mà Ngài yêu thương chúng ta, Ngài đã thương xót chúng ta, và mặc dù chúng ta đã chết trong tội lỗi mình, Ngài đã cho chúng ta sống lại với Chúa Kitô để chúng ta có thể trở thành một tạo vật mới trong Người, một công trình mới của bàn tay Người... Hỡi những người Kitô hữu, hãy nhận thức được phẩm giá của mình. Vì bây giờ bạn đã tham gia vào bản chất thiêng liêng, đừng suy đồi bằng cách quay trở lại sự suy đồi của cuộc sống trước đây. Hãy nhớ rằng bạn thuộc về đâu nào và bạn là thành viên của cơ thể nào. Hãy nhớ rằng bạn đã được đưa khỏi quyền lực của bóng tối để vào ánh sáng và vương quốc của Chúa.

Léon thành Rome (thế kỷ thứ 5),
Bài giảng cho lễ Giáng sinh, 1, 3,
Nguồn Kitô giáo, 22 bis, Le Cerf, tr. 72-74.

Chúa Giêsu là Đấng cứu thế trong mọi cử chỉ của cuộc đời Người, tất cả đều thể hiện tình yêu của Thiên Chúa, Đấng ban sự sống và sống lại. Và sự cứu rỗi này được hoàn tất trọn vẹn trong Lễ Vượt Qua của Chúa Giêsu, nơi Người yêu thương «cho đến cùng» (Ga 13.1), nơi Người bước vào, với tất cả những gì thuộc

về con người, vào vinh quang trọn vẹn của Thiên Chúa, nơi Người đầu tư cho chúng ta với tất cả quyền năng sáng tạo và tái sinh của Thánh Linh Thiên Chúa. Vì thế, cuộc đời của Chúa Giêsu, cái chết, sự phục sinh và Lễ Ngũ Tuần của Người đều là một cử chỉ cứu độ.

Chúa Giêsu là ơn cứu độ cho chúng ta vì Người là cử chỉ của Thiên Chúa đối với chúng ta, và đồng thời, là lời đáp trả tự do của con người cuối cùng dành cho Chúa Cha. Đó là lời thưa «xin vâng» của con người đối với lời thưa «xin vâng» của Thiên Chúa. Trong sự hiệp nhất của ngôi vị Người, và trong sự liên đới kép này với Chúa Cha và với chúng ta, chính Người là giao ước.

Đấng muốn nên một với chúng ta cũng chính là Đấng nên một với Chúa Cha.

Augustine thành Hippo (354-430),
Bình luận về Thánh vịnh 142.3.

Sau khi dành thời gian lắng nghe Người, dân thành Sa-ma-ri, là tiền thân của mọi dân tộc trên trái đất, đã có thể nhận ra : «Chúng ta biết rằng Người thật là Đấng cứu độ thế gian» (Ga 4.42).

Người ta còn gọi Chúa Giêsu bằng nhiều tên khác nhau : đức tin dồi dào, nhưng ngôn ngữ cũng yếu đuối. Không có từ ngữ nào của con người được dùng để mô tả con người lại hoàn toàn phù hợp với danh tính của con người thực sự này, người mà qua đó chúng ta được ban cho chiều sâu của Thiên Chúa. Các cộng đồng Kitô giáo đã tích lũy được nhiều danh hiệu. Không có yếu tố nào trong số chúng có tính quyết định riêng. Để nói người, cùng lúc, tham gia cùng chúng ta và thoát khỏi chúng ta, câu chuyện về những gì chúng ta trải nghiệm cùng Người thì có sức truyền tải và năng động hơn tất cả những danh hiệu này, vốn luôn quá tĩnh tại và hạn hẹp : Chúa Kitô của Giáo hội chính là Chúa Giêsu trong những câu chuyện Tin Mừng.

12. Vẫn còn chờ đợi Người ngày hôm nay ?

Sách cuối cùng của Kinh thánh Kitô giáo, Khải huyền, có nghĩa là «sự tiết lộ» về sự hiện diện của Thiên Chúa trong lịch sử của chúng ta, kết thúc bằng những lời này: «Đáng làm chứng về điều này phán rằng : ‘Phải, chẳng bao lâu nữa Ta sẽ đến’. A-men, lạy Chúa Giê-su, xin ngự đến ! Chúc mọi người được đầy ân sủng của Chúa Giê-su». (Kh 22.20-21).

Người sẽ lại đến

Lời kêu gọi này chắc chắn là sự tiếp tục của một lời cầu nguyện phụng vụ. Các cộng đồng Kitô giáo luôn mong đợi sự trở lại của Chúa Giêsu. Với sự thiếu kiên nhẫn hơn lúc ban đầu, khi họ vẫn chưa hình dung được rằng các thế hệ sẽ nối tiếp nhau trước khi chiến thắng của Thiên Chúa xuất hiện, theo cách rõ ràng cho tất cả mọi người. Họ nhớ lại lời hứa mà họ đã nghe trong sự ra đi của Người : «Chính Chúa Giêsu này đã được cất lên trời khỏi giữa các người, cũng sẽ trở lại y như cách các người đã thấy Người lên trời vậy» (Cv 1.11). Vâng, nhưng khi nào ?

Những người Kitô hữu, được giao nhiệm vụ sau dân Do Thái duy trì ngọn lửa khát khao trên Trái Đất, chỉ hai mươi thế kỷ sau khi Chúa Thăng Thiên, chúng ta đã làm gì trong thời gian chờ đợi ?

Pierre Teilhard de Chardin,
Môi trường thiêng liêng, Lời kết,
Le Seuil, 1957, tr. 197.

Ngay cả ngày nay, trong phụng vụ Thánh Thể, thời điểm mà cộng đồng cảm nghiệm mạnh mẽ nhất sự hiện diện thực sự của Chúa Giêsu, các Kitô hữu nhắc lại niềm hy vọng của họ về sự trở lại, trong một hình thức hiện diện mới : «Chúng con mong đợi Chúa đến trong vinh quang».

Trong vinh quang

Đây không phải là vấn đề quay ngược thời gian, giả vờ rằng Chúa Giêsu chưa bao giờ đến, chờ đợi cùng với những người anh em Do Thái của chúng ta về sự xuất hiện đầu tiên của một đấng cứu thế vô danh, hay tin vào sự trở lại vĩnh hằng, như thể Sự Nhập thể cần phải lặp lại. Niềm tin vào sự phục sinh của Chúa Giêsu thực sự là cốt lõi của đức tin Kitô giáo. Chúa Giêsu đang sống,

một cách chắc chắn, và Người hiện diện với các môn đệ của Người : «Này đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế» (Mt 28.20).

Nhưng chuyến viếng thăm đầu tiên của Người diễn ra kín đáo, gần như bí mật. Sự ra đời của Người tại Bêlem, cuộc đời, cái chết và thậm chí sự phục sinh của Người đều là những hạt giống rất nhỏ được gieo vào lịch sử của chúng ta, giống như một hạt cải nhỏ bé giữa cánh đồng bao la của thế giới (xem Mc 4.30-32). Và trong suốt hai mươi thế kỷ, cần đến toàn bộ quyền năng của Chúa Thánh Thần và sự táo bạo truyền giáo của các tông đồ để sự hiện diện này được tỏ lộ, mặc khải, công bố và chào đón.

Sự phán xét

Chờ đợi Chúa Giêsu «trong vinh quang» như người ta chờ đợi chính Thiên Chúa trong truyền thống Do Thái chính là chờ đợi trong Chúa Giêsu Kitô sự biểu hiện phổ quát của Vương quốc Thiên Chúa, sự kiện này phải đánh dấu sự kết thúc của thời gian. Từ đó trở đi, các môn đệ nói về điều này như một sự phán xét. Tình yêu của Thiên Chúa, được thể hiện qua Chúa Giêsu, sẽ phán xét thế gian.

Thập giá đã phán xét thể gian : nó phơi bày, nó tố cáo lòng hận thù và ý muốn chết ảm núp trong lòng con người. Và sự phục sinh của Chúa Giêsu tố cáo buộc tội lỗi, như ánh sáng tố cáo buộc bóng tối. Sự phán xét là khoảnh khắc quan trọng, khoảnh khắc của sự thật, khi mỗi người được đặt trước Chúa Kitô, Đấng là ánh sáng, sự sống và sự thật, để lựa chọn. «Ai tin Chúa Con thì được sự sống đời đời ; ai không tin Chúa Con thì không thấy sự sống...» (Ga 3.36). «Ai không tin thì đã bị lên án rồi...» (Ga 3.18). Không có con đường thứ ba, không có lối thoát : người tin mở lòng mình ra với sự sống ; người từ chối tin, người chọn cách khép mình lại với ánh sáng mà mình thoáng thấy, thì đã bị lên án rồi. Không phải vì bản án lên án sẽ giáng xuống người đó, mà vì trong lòng muốn bị giam cầm, giống như một con nhện sẽ quấn mình trong lưới của nó, người đó dệt nên một địa ngục cho chính mình. Chỉ có tình yêu mới có thể giải thoát người đó khỏi nó.

Sự phán xét là sự không tương thích giữa cái chết và sự sống, giữa bóng tối và ánh sáng. Do đó, Chúa Giêsu không khoan nhượng với tội lỗi, chứ không phải với tội nhân. «Ta đến để xét đoán» (Ga 9.39).

Ngay cả ngày nay, khi một người khám phá ra Tin Mừng và chuẩn bị xin chịu phép rửa tội, tác động của sự lựa chọn này đối với cuộc sống cá nhân, gia đình và nghề nghiệp của người đó sẽ nhanh chóng trở nên rõ ràng. Ánh sáng của Chúa Kitô đã tiết lộ nhiều vùng tối trong cuộc sống của họ, và chỉ ra những sự từ bỏ vừa đau đớn vừa giải phóng. Trong cuộc sống của một người đã chịu phép rửa tội, họ sẽ liên tục trải nghiệm điều này với anh chị em của mình : trong mỗi lần xét mình, trong mỗi nghi lễ sám hối, tình yêu của Chúa dành cho họ, được chứng thực bởi Kinh thánh, sẽ «phán xét» cuộc sống của họ.

Anh em thân mến, hiện giờ chúng ta là con Thiên Chúa ; nhưng chúng ta sẽ như thế nào, điều ấy chưa được bày tỏ.

Chúng ta biết rằng khi Đức Ki-tô xuất hiện, chúng ta sẽ nên giống như Người, vì Người thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy.

1 Ga 3.2.

Đây là sự phán xét sẽ được tỏ bày cho tất cả mọi người khi Chúa Giê-su tái lâm : «Người sẽ trở lại trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết, và vương quốc của Người sẽ không bao giờ kết thúc», Kinh Tin Kính của Kitô giáo có chép như vậy. Sự phán xét mà chúng ta gọi là «sau cùng» có thể được hiểu theo logic của tình yêu, mà cho đến ngày nay vẫn đang phán xét cuộc sống của chúng ta. Cuối cùng, khi đối diện với bằng chứng không thể chối cãi, với khuôn mặt thật của Chúa Giêsu Kitô, mỗi người sẽ khám phá ra những rủi ro và chiều sâu của cử chỉ yêu thương nhỏ nhất, của sự từ chối yêu thương nhỏ nhất : «các người đã làm cho chính Ta vậy, Thiên Chúa sẽ phán; các người đã không làm cho chính Ta vậy» (xem Mt 25.31-46). Do đó, sự phán xét là chiến thắng cuối cùng của Thiên Chúa là sự sống và tình yêu đối với mọi thế lực của hận thù và sự chết, một chiến thắng mà Chúa Giêsu đã khởi đầu trong cuộc đời, cái chết và sự phục sinh của Người. Đây là điều mà dân Do Thái trong lời cầu nguyện và Chúa Giêsu trong lời rao giảng của Người gọi là Vương quốc Thiên Chúa. «Người đã đến, Người ở gần, Người ở đây» là tin mừng mà Chúa Giêsu muốn công bố bằng cách sống của Người. Nhưng Vương quốc này không được thiết lập bằng bạo lực hay bằng sự biến đổi kỳ diệu của thế giới. Thiên Chúa đã định sẵn thời gian, Thiên Chúa

đã tạo ra lịch sử, để Vương quốc này có thể nảy mầm ở đó theo những quy luật phát triển của sự sống.

Nước Chúa trị đến

Vì vậy, đối với những người Kitô hữu, việc hy vọng vào Vương quốc này, chờ đợi sự tái lâm rõ ràng của Chúa Giêsu, thực chất là một sự huy động tích cực : đó là làm mọi cách có thể để biến điều đó thành hiện thực. Chúa Giêsu đã nói nhiều về sự chờ đợi và sự canh gác. Trong nhiều dụ ngôn, Chúa đã mời các môn đệ của mình làm người canh gác. Không phải như người ta canh gác từ trên thành lũy cao để đề phòng kẻ thù tấn công, nhưng «như người canh gác đợi rạng đông» (Tv 130.6), như người ta chờ đợi chú rể đến để cử hành lễ cưới.

Sự xuất hiện đầu tiên của Chúa Giêsu là kết quả của cả một câu chuyện, là sự ứng nghiệm của một lời hứa trong nhiều thế kỷ đã khơi dậy niềm hy vọng của cả một dân tộc, hoặc của một số ít người sống sót. Sự xuất hiện của Chúa Giêsu, vẫn được các Kitô hữu mong đợi, cũng là một sự thai nghén. Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, sẽ luôn là con của nhân loại.

Điều mà người ta mong đợi lúc đó không phải là Chúa Giêsu sẽ tái lâm, mà là Người sẽ làm và nói lại những điều mà các sách Tin Mừng đã làm chứng. Nhưng mục đích là để điều đó có thể xảy ra trọn vẹn, nghĩa là để tất cả mọi người đều có thể đạt tới. Nghịch lý của đức tin Kitô giáo là khẳng định rằng con người đặc biệt này có giá trị phổ quát, nhận ra nơi Người sự cứu rỗi không chỉ của những ai đến gần Người, chạm vào Người, lắng nghe Người, mà còn của tất cả mọi người ở mọi thời đại. Vì thế Chúa Giêsu không bao giờ ngừng đến. Qua nhiều thế kỷ và châu lục, các cử chỉ và lời nói của Người được truyền bá bởi các môn đệ, những người tự gọi mình là sự hiện diện của Người, là «thân thể» của Người, vì họ là người bảo vệ Thánh Linh của Người.

Rao giảng Tin Mừng

Rao giảng Tin Mừng là sự ghi khắc, sự nhập thể vào lịch sử của mỗi cá nhân và dân tộc những điều đã được mặc khải một lần và mãi mãi trong Chúa Giêsu. Vậy thì làm sao Tin Mừng, Chúa Kitô là tin vui, không bị ảnh hưởng bởi nhiều tâm trạng, nhiều nền văn hóa khác nhau, trong đó Tin Mừng được kêu gọi hình thành qua nhiều thế kỷ ? Chúa Giê-su đã sinh ra một lần và mãi mãi. Chúng tôi đã nhấn mạnh ngay từ đầu về tầm quan trọng của nguồn gốc trong một dân tộc và một thời đại.

Tin Mừng của Người vẫn như vậy. Nhưng sự thật là Chúa Giêsu không bao giờ ngừng sinh ra. Tin Mừng của Người vẫn chưa khép lại việc phơi bày tất cả những gì Người mang trong mình, và những thế hệ kế tiếp đưa ra ánh sáng, tương ứng với những gì họ trải nghiệm. «Đức Thánh Linh sẽ dẫn các người vào mọi lẽ thật,» Chúa Giê-su phán (Ga 16.13).

Chúa Giêsu không chỉ được sinh ra trong lòng Đức Mẹ Maria. Người được sinh ra từ Mẹ, từ cơ thể Mẹ, từ trái tim Mẹ, từ hy vọng của Mẹ, từ đức tin của Mẹ. Theo một phép loại suy nào đó, Người cũng nhận được điều gì đó từ những tâm lý hoặc nền văn hóa khác nhau mà anh ta tiếp xúc. Việc dịch Tin Mừng không chỉ là vấn đề về từ vựng. Người châu Phi và Nhật Bản ngày nay hiểu rất rõ điều này : đằng sau cách lựa chọn từ ngữ, luôn có sự ghi khắc cần thiết về chân lý truyền giáo độc đáo trong những cách sống khác, những hy vọng khác nữa. Được hoán cải bởi Tin Mừng, họ cũng đánh dấu điều đó lại. Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã nói, theo logic của sự Nhập thể, về sự bản địa hóa hoặc hội nhập văn hóa cần thiết của đức tin (*Evangelii Nuntiandi*, ngày 8 tháng 12 năm 1975).

Khi Người sẽ là tất cả trong tất cả

Thần học sẽ hoàn thiện vào ngày công cuộc truyền giáo hoàn tất, ngày mọi quốc gia biết đến Đức Kitô, ngày toàn thế giới nghe được lời Chúa, ngày Đức Kitô có thể đến và chiếm hữu một lãnh địa đã được chuẩn bị sẵn cho Người...

Chúng ta không chỉ thờ dài vì lòng bác ái trọn vẹn mà còn vì ánh sáng trọn vẹn. Đối với chúng ta, không chỉ có sự gia tăng lòng bác ái khi mọi quốc gia quy tụ trong Đức Kitô, mà còn có sự gia tăng ánh sáng đến mức chính sự mặc khải sẽ xuất hiện với chúng ta sáng tỏ hơn, vì nó sẽ được diễn tả qua mọi quốc gia trên trái đất.

Jean Daniélou,
Bí ẩn về sự cứu rỗi các quốc gia,
Le Seuil, 1946, tr. 130-131.

Hướng tới sự trọn vẹn của Đức Kitô

Athanasius, Phanxicô thành Assisi hoặc Elizabeth Chúa Ba Ngôi không thêm một lời nào vào Tin Mừng. Tuy nhiên, họ đã đóng góp to lớn vào việc định hình khuôn mặt Chúa Kitô cho những người thời đó. Vào thế kỷ thứ 4 ở Alexandria, vào thời điểm diễn ra những cuộc tranh luận lớn về Đức Kitô, Athanasius không phải là người phát minh ra thần tính của Chúa Giêsu, nhưng bằng cách diễn đạt nó bằng một vài từ tiếng Hy Lạp, ông đã tiết lộ tầm quan trọng sống còn của nó đối với sự tồn tại của những người Kitô hữu. Vào đầu thế kỷ 13, Francis thành Assisi không phải là người phát minh ra chủ nghĩa nghèo khó truyền giáo, nhưng bằng cách chấp nhận chủ nghĩa này, ông đã khiến nó trở nên có ý nghĩa, thậm chí là đáng xấu hổ, ở cái gọi là phương Tây theo đạo Thiên chúa, nơi ngày càng được xây dựng dựa trên thương mại và tiền bạc. Vào đầu thế kỷ 20, Elizabeth của Chúa Ba Ngôi không nói gì nhiều hơn Thánh Gio-an về chiều sâu của mầu nhiệm Thiên Chúa, nhưng thánh nữ đã hát về điều đó trong lời cầu nguyện của mình, thánh nữ đã chiếu rọi điều đó trong cuộc sống tâm thường của mình, theo cách mà chính Chúa Ba Ngôi dường như được soi sáng bởi điều đó.

Phao-lô, vị tông đồ đã sống hết mình trong sự trông đợi Đức Kitô tái lâm, đến mức có lúc ông tưởng tượng rằng điều đó sắp xảy ra, đã bị cuốn hút vào những năm cuối đời bởi sự phát triển của Thân thể Chúa Kitô. Sự viên mãn của Đức Kitô, đồng thời là sự hoàn thành trọn vẹn của nhân loại, là Đức Kitô, Đấng đã là một cái gì đó trong trái tim của mỗi người, cuối cùng là tất cả trong mọi sự. Phải chăng còn thiếu điều gì đó trong sự trọn vẹn của Đức Kitô cho đến khi Người được nhận ra, ca ngợi, sống trong mọi ngôn ngữ, tâm thể, văn hóa, cho đến khi Người đảm nhận, nghĩa là nắm bắt và hoán cải, tất cả mọi niềm tin, mọi hy vọng, thậm chí là mọi tôn giáo, trong đó con người, được tạo ra theo hình ảnh của Thiên Chúa và được Thánh Linh của Ngài hoạt động một cách bí mật, cố gắng mò mẫm để hướng về Ngài ?

Hướng tới sự tiêu thụ lịch sử nhân loại

Chúa là mục đích cuối cùng của lịch sử nhân loại, là điểm hội tụ của những khát vọng trong lịch sử và văn minh, là trung tâm của nhân loại, là niềm vui của mọi trái tim và là sự viên mãn của những khát vọng. Người là Đấng mà Chúa Cha đã khiến sống lại từ cõi chết, tôn vinh và đặt bên hữu Ngài, để làm Đấng phán xét kẻ sống và kẻ chết. Được sống động và quy tụ trong Thánh

Thần của Người, chúng ta tiến tới sự hoàn thành của lịch sử nhân loại, hoàn toàn phù hợp với kế hoạch yêu thương của Người : «Quy tụ muôn vật trên trời và dưới đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô» (Ep 1.10).

Công đồng Vatican II,
Giáo hội trong thế giới hiện đại, số 1. 45 § 2.

Người sẽ đến

Đối với những người Kitô hữu, Chúa Giêsu không hề lạc lõng ở phía sau chúng ta, trong một quá khứ phải được giải mã trong các văn bản. Người vẫn sống ngày nay trong các hoạt động của Giáo hội. Người cũng là tương lai của nhân loại. Sự hoàn thành trọn vẹn thiên chức của con người, đó là đón nhận sự sống của Chúa Cha như một người con, Người là người đàn ông đầu tiên cuối cùng thành công, là Adam mà Thiên Chúa đã mơ ước từ ban đầu. Người đầu tiên sống lại từ cõi chết, đang chờ chúng ta trên bờ. Trong Người, Thiên Chúa vẫn chưa ngừng làm chúng ta ngạc nhiên.

«Biết Chúa Giêsu Kitô là điều thiện hảo tối cao», tất cả những người sống trong trái tim của Kitô giáo đã lặp lại kể từ Thánh Phaolô (Pl 3.8).

Tên của Chúa Giêsu và hình ảnh của Người đều quen thuộc với hầu hết mọi người. Nhiều người vẫn còn nhớ về Tin Mừng và những lời khẳng định chính của tín điều Kitô giáo. Trong cuốn sách nhỏ này, tràn đầy ánh sáng và niềm tin, chúng ta chuyển từ những khái niệm rời rạc này sang sự hiểu biết rõ ràng và phong phú hơn về cuộc sống, về sự hiện diện bí ẩn của Đức Kitô. Tác giả bắt đầu bằng những câu hỏi đơn giản nhất, chẳng hạn như câu hỏi đầu tiên : Chúa Giêsu có thực sự tồn tại không? Sau đó, ông trình bày những gì ký ức về Tin Mừng cho phép chúng ta hiểu về nguồn gốc Do Thái của Chúa Giêsu và những gì Người đổi mới trong truyền thống các giao ước, mối quan hệ gia đình của Người và vị trí đặc biệt của Đức Maria, những cử chỉ của Người cho thấy lòng trắc ẩn của Thiên Chúa và những lời nói của Người là cuộc chiến đấu cho sự sống. Nó dẫn đến cuộc đối đầu cuối cùng của Chúa Giêsu trong cuộc sống được ban cho và đến lời chứng của chính Người về sự hiện diện sống động của Người.

Chúng ta đọc cuốn sách tuyệt đẹp này về kiến thức và sự công nhận Chúa Giêsu, một cuốn sách về khoa học và đức tin, khi chúng ta suy ngẫm về thông điệp và sự màu nhiệm của Chúa Kitô tỏa sáng từ một biểu tượng.

(Charles Ehlinger)

Jean-Noël BEZANÇON, sinh năm 1936, là một linh mục ở Paris, là tuyên úy tại trường trung học Henri-IV, giáo sư tại chủng viện Saint-Sulpice ở Issy-les-Moulineaux và là đại biểu của Đức Hồng Y Marty về Các Ôn gọi. Ông dạy môn Kitô học khóa C của Học viện Công giáo Paris. Hiện tại, ông là cha xứ họ đạo Notre-Dame d'Auteuil.